



**TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ
KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ HÙNG VƯƠNG**

Số 161-165 Nguyễn Chí Thanh, P.12, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh.

Số điện thoại liên hệ: **028. 38563456; 028. 38558016;**

Email: hanhchanh@hungvuongtech.edu.vn

Website : www.hungvuongtech.edu.vn;

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH, NGHỀ: CẮT GỌT KIM LOẠI
TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP
NĂM 2022**

Quận 5, tháng 9 năm 2022

MỤC LỤC

PHẦN I GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ HÙNG VƯƠNG, KHOA CƠ KHÍ CHÍNH XÁC VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ CẮT GỌT KIM LOẠI.....	4
1. Thông tin chung về Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương.....	4
1.1 Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của trường	4
1.2. Mục tiêu, sứ mạng của Trường	6
1.3.Chức năng, nhiệm vụ của Trường.....	6
1.4. Cơ cấu tổ chức nhân sự của Trường	7
1.5. Tổng số cán bộ, giáo viên, người lao động của Trường	9
1.6. Cơ sở vật chất của nhà trường.....	9
2. Thông tin khái quát về Khoa Cơ khí chính xác	9
2.1. Thông tin khái quát	9
2.2. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của đơn vị	10
2.3. Cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo.....	10
2.4. Kinh phí đầu tư cho đào tạo	11
3. Thông tin về Chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại, trình độ trung cấp.....	11
3.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo	11
3.2. Phương thức đào tạo: phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.....	13
3.3. Tóm tắt nội dung chương trình đào tạo.....	13
PHẦN II KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	17
1. TỔNG QUAN CHUNG	17
1.1. Căn cứ tự đánh giá chất lượng đào tạo chương trình	17
1.2. Mục đích tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.....	17
1.3. Yêu cầu tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.....	17
1.4. Phương pháp tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo	18
1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá.....	18
2. TỰ ĐÁNH GIÁ.....	18
2.1. TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CTĐT	18
2.2. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TỪNG TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN	23
2.2.1 TIÊU CHÍ 1 - MỤC TIÊU, QUẢN LÝ VÀ TÀI CHÍNH	23
2.2.2 TIÊU CHÍ 2: HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO	31
2.2.3 TIÊU CHÍ 3: NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN.	41
2.2.4 TIÊU CHÍ 4: CHƯƠNG TRÌNH, GIÁO TRÌNH.....	50
2.2.5 TIÊU CHÍ 5: CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ ĐÀO TẠO VÀ THƯ VIỆN	65
2.2.6. TIÊU CHÍ 6 - DỊCH VỤ CHO NGƯỜI HỌC.....	75
2.2.7.TIÊU CHÍ 7: GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG	85
PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CTĐT	98
1. Về cơ sở vật chất	98
2. Về nguồn nhân lực	98
3. Về khoa học và công nghệ	98
4. Về chương trình, giáo trình	98
5. Về công tác học sinh, sinh viên.....	98
PHẦN IV: ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ	99

CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	Viết tắt	Ý nghĩa
1.	NSNN	Ngân sách nhà nước
2.	TCN KTCN	Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ
3.	CTĐT	Chương trình đào tạo
4.	GDNN	Giáo dục nghề nghiệp
5.	THPT	Trung học phổ thông
6.	THCS	Trung học cơ sở
7.	CBGVNV	Cán bộ, giáo viên, nhân viên

PHẦN I
GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
HÙNG VƯƠNG, KHOA CƠ KHÍ CHÍNH XÁC VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGHỀ CẮT GỌT KIM LOẠI

1. Thông tin chung về Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương

- Tên trường: **Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương.**
- Tên viết tắt: **Trường TCN KTCN Hùng Vương.**
- Tên tiếng anh: **HUNG VUONG TECHNOLOGY VOCATIONAL SCHOOL**
- Cơ quan chủ quản: **Ủy ban nhân dân Quận 5.**
- Địa chỉ: số 161-165 Nguyễn Chí Thanh, phường 12, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại liên hệ: **028. 38563456; 028. 38558016; Fax: 028. 38532039**
- Email: **hanhchanh@hungvuongtech.edu.vn**
- Website : **www.hungvuongtech.edu.vn; https://tuyensinhhungvuongtech.edu.vn/**
- Loại hình trường: ☒ Công lập ☐ Tư thực

1.1 Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của trường

a. Thông tin khái quát:

- Tiền thân của Trường là Trung tâm dạy nghề Quận 5, được thành lập theo Quyết định số Quyết định số 18/QĐ-TM ngày 05/9/1985 của Ủy ban nhân dân Quận 5.
- Đến năm 2002, Trường được đổi tên thành Trường Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương theo Quyết định số 1662/QĐ-UB ngày 18/04/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
- Đến năm 2007, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 2470/QĐ-UBND ngày 5/6/2007 thành lập Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật công nghệ Hùng Vương trên cơ sở nâng cấp Trường Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương.

b. Thành tích chung của Nhà trường:

- Bằng khen của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội:
 - + Thành tích xuất sắc trong công tác huấn luyện cho các thí sinh đạt giải cao tại kỳ thi tay nghề ASEAN lần thứ XI, năm 2016 tại Malaysia.
 - + Thành tích xuất sắc trong công tác huấn luyện cho các thí sinh đạt giải cao tại kỳ thi tay nghề ASEAN lần thứ XII, năm 2018 tại Thái Lan.
- Giấy khen số 22/QĐ-UBND ngày 20/01/2019 của Ủy ban nhân dân phường 12 vì đã có thành tích tham gia tích cực các hoạt động phong trào tại địa phương năm 2018.
- Giấy khen số 2368/QĐ-SLĐTBXH ngày 23/01/2019 của sở Lao động Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh vì đã có thành tích xuất sắc trong thực hiện tư vấn, hướng nghiệp, tuyển sinh và giải quyết việc làm năm 2018.
- Giấy khen số 2161/QĐ-UBND ngày 31/05/2019 của Ủy ban nhân dân Quận 5 vì đã tích cực tham gia và thực hiện tốt công tác hiến máu tình nguyện năm 2018.
- Giấy khen số 1856/QĐ-BHXXH ngày 06/08/2019 của Bảo hiểm xã hội TPHCM vì đã có thành tích trong công tác tuyên truyền, phối hợp, thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên năm học 2018 - 2019.

- Giấy khen số 1088/QĐ-BHXX ngày 16/08/2019 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam vì đã thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên năm học 2018 - 2019.
- Bằng khen số 3325/QĐ-KT ngày 07/08/2019 của Ủy Ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tặng danh hiệu tập thể lao động xuất sắc trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2018-2019 góp phần tích cực trong phong trào thi đua của thành phố.
- Bằng khen số 3326/QĐUB-KT ngày 07/08/2019 của Ủy Ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tặng bằng khen trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 2 năm học liên tục (2017-2018, 2018-2019) góp phần tích cực trong phong trào thi đua của thành phố.
- Quyết định số 3716/QĐ-KT ngày 08/10/2020 của Ủy Ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tặng danh hiệu tập thể lao động xuất sắc năm học 2019-2020.

c. Hội thi thiết bị đào tạo các cấp của giáo viên:

- Giải II Mô hình “Bãi giữ xe ô tô tự động” và giải III Mô hình “Mobile robot” tại Hội thi thiết bị đào tạo tự làm cấp quốc gia năm 2016.
- Giải khuyến khích mô hình Hệ thống phun xăng điện tử, tương tác theo thời gian thực trong Hội thi thiết bị đào tạo tự làm cấp Thành phố năm 2019.

d. Hội giảng giáo viên các cấp:

- Năm 2015: 02 giáo viên đạt danh hiệu “Giáo viên dạy giỏi nghề 2015” tại Hội giảng cấp Thành Phố năm 2015.
- Năm 2018: 01 giáo viên đạt danh hiệu “Nhà giáo giáo dục nghề nghiệp giỏi cấp Thành phố năm 2018” tại Hội giảng cấp Thành Phố năm 2018.
- Năm 2020: 01 giáo viên đạt danh hiệu “Nhà giáo giáo dục nghề nghiệp giỏi cấp Thành phố năm 2020” tại Hội giảng cấp Thành Phố năm 2020.

e. Học sinh tham gia hội thi giỏi nghề các cấp:

- Hội thi tay nghề quốc gia năm 2018: đoạt 6 huy chương Vàng các nghề Cơ điện tử, Bảo trì máy CNC, Lắp ráp mạng thông tin, Quản trị hệ thống mạng công nghệ thông tin; 02 Huy chương Bạc nghề Tự động hóa công nghiệp, 01 giải khuyến khích nghề Điện tử.
- Kỳ thi tay nghề ASEAN lần thứ XI năm 2018 tại Thái Lan: đoạt 2 huy chương Vàng nghề Bảo trì máy CNC; 03 Huy chương Bạc các nghề Cơ điện tử, Lắp ráp mạng thông tin.
- Kết quả thi giỏi nghề cấp Thành phố năm 2019 của Trường TCN Kỹ Thuật Công Nghệ Hùng Vương đạt được: 14 giải nhất, 03 giải nhì, 5 giải ba (thông tin chi tiết thí sinh trên Website)
- Kết quả tại kỳ thi Tay nghề Quốc gia lần thứ 11 năm 2020 của Trường TCN Kỹ Thuật Công Nghệ Hùng Vương đạt được: Giải nhất nghề Bảo trì máy CNC, giải Nhất nghề Quản trị hệ thống mạng CNTT, hai giải ba nghề Cơ điện tử; giải ba nghề Quản trị hệ thống mạng CNTT.

Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương đã tuyển sinh và đào tạo được 15 khoá với hơn 10.000 học sinh hệ trung cấp.

1.2. Mục tiêu, sứ mạng của Trường

a. Mục tiêu: Xây dựng Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương trở thành trường đào tạo kỹ năng nghề chất lượng cao, có uy tín trong nước, hướng tới xây dựng nhà trường trở thành trường cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho quá trình phát triển kinh tế, xã hội trong nước, khu vực và quốc tế.

b. Sứ mạng: Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương là cơ sở đào tạo trình độ trung cấp đa ngành, đa lĩnh vực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu nhân lực trong nước, khu vực và quốc tế. Là cơ sở nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, giúp người học đạt được mục tiêu nghề nghiệp và có cơ hội học tập suốt đời.

1.3. Chức năng, nhiệm vụ của Trường

a. Chức năng của Trường

Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương là đơn vị sự nghiệp công lập, trực thuộc Ủy ban nhân dân Quận 5, có chức năng đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp cho sản xuất, dịch vụ ở trình độ trung cấp, sơ cấp đáp ứng yêu cầu thị trường lao động.

b. Nhiệm vụ của Trường

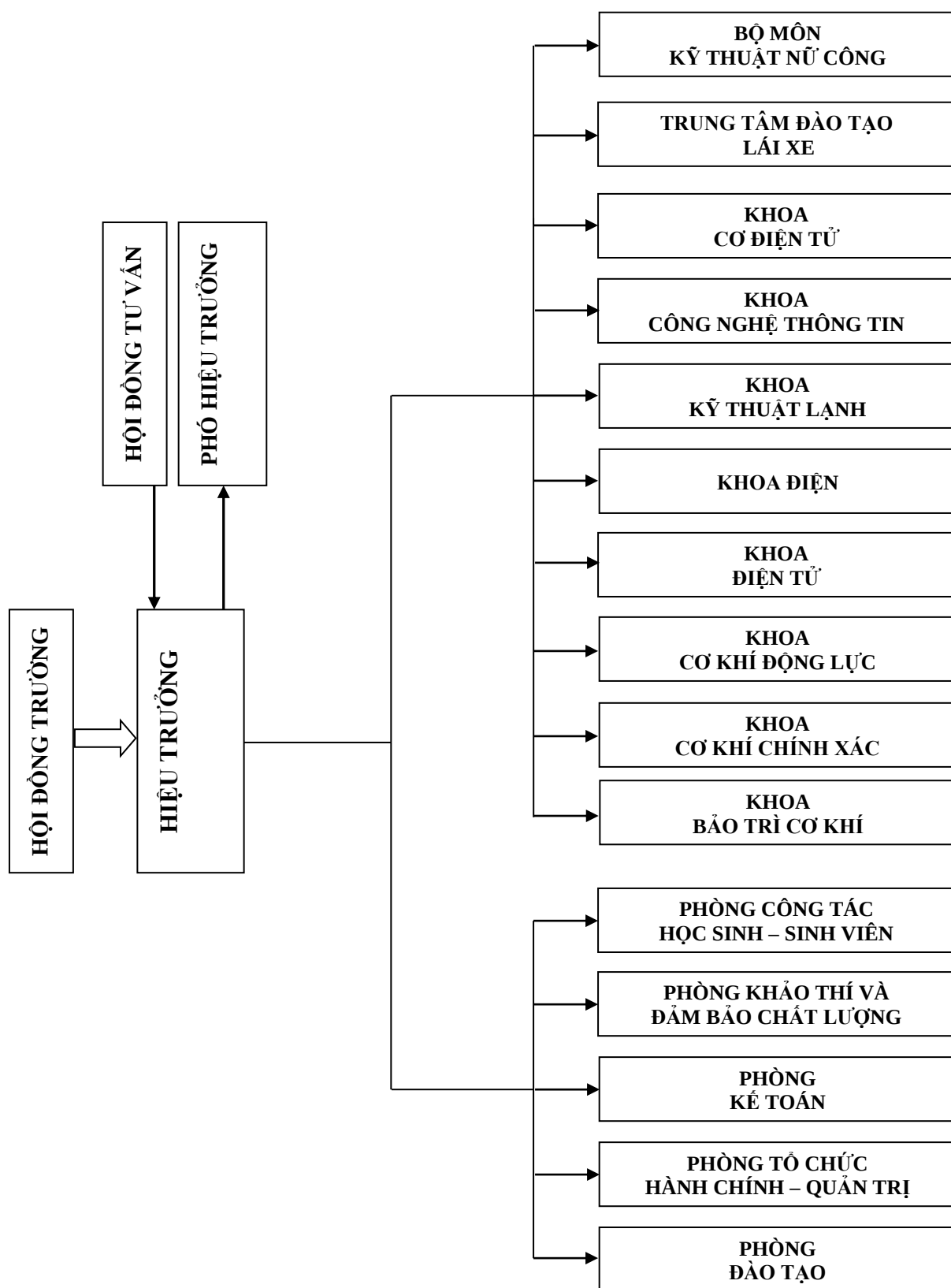
- Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo thường xuyên theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Tổ chức biên soạn, xây dựng hoặc lựa chọn, phê duyệt chương trình, giáo trình đào tạo, học liệu đối với từng ngành, nghề đào tạo của trường theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Xây dựng kế hoạch tuyển sinh, tổ chức tuyển sinh theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Tổ chức các hoạt động đào tạo; kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; in phôi, quản lý, cấp phát bằng tốt nghiệp trung cấp, chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe và đào tạo các ngành, nghề đặc thù theo quy định của Chính phủ;
- Quản lý người học, tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao, văn hóa, văn nghệ và các hoạt động giáo dục toàn diện khác cho người học theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Tư vấn nghề nghiệp, hướng nghiệp, việc làm cho người học và tổ chức hoạt động hỗ trợ học sinh khởi nghiệp theo quy định của pháp luật;
- Thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng đối với lao động nông thôn, lao động nữ, người khuyết tật và các chính sách khác theo quy định của pháp luật;
- Tuyển dụng, sử dụng, quản lý đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của trường bảo đảm đủ về số lượng, phù hợp với ngành, nghề, quy mô và trình độ đào tạo theo quy định của pháp luật;
- Cử hoặc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động của trường học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của pháp luật;

- Phối hợp với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, gia đình người học trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp và tư vấn nghề nghiệp, hướng nghiệp; tổ chức cho đội ngũ nhà giáo, người học tham quan, thực tập tại doanh nghiệp và hỗ trợ giải quyết việc làm cho người học theo quy định của pháp luật;
- Phối hợp với trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục thường xuyên để tuyên truyền, hướng nghiệp, phân luồng học sinh vào học các trình độ của giáo dục nghề nghiệp;
- Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ về giáo dục nghề nghiệp, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ mới phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của bộ, ngành, địa phương;
- Thực hiện dân chủ, công khai theo quy định của pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ đào tạo, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ vào thực tiễn giảng dạy, tư vấn nghề nghiệp, hướng nghiệp cho người học. Có cơ chế để người học tham gia đánh giá hoạt động đào tạo; nhà giáo tham gia đánh giá cán bộ quản lý, viên chức và người lao động của nhà trường;
- Quản lý, sử dụng đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị và tài chính, tài sản của trường theo quy định của pháp luật;
- Cung cấp dữ liệu về tổ chức hoạt động giáo dục nghề nghiệp của trường để xây dựng cơ sở dữ liệu về giáo dục nghề nghiệp; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất theo quy định;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

1.4. Cơ cấu tổ chức nhân sự của Trường

Hiện tại, Nhà trường có Hội đồng trường, Ban Giám hiệu, các Hội đồng tư vấn, 05 phòng chức năng, 08 khoa, 01 bộ môn và 01 trung tâm với tổng số nhân sự 73 người.

*** Cơ cấu tổ chức:**



1.5. Tổng số cán bộ, giáo viên, người lao động của Trường

- Tính đến ngày 31/8/2022: 74 người (kể cả Hợp đồng lao động). Trong đó:
 - Nam: 52 - Nữ: 22
- Giáo viên giảng dạy cơ hữu: 41 người; Cán bộ - Nhân viên: 32 người

1.6. Cơ sở vật chất của nhà trường

Mặt bằng tổng thể của Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương với tổng diện tích đất: 16.499,2 m², được bố trí tại:

* Trụ sở chính: số 161-165 Nguyễn Chí Thanh, phường 12, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh. Trong đó:

- Diện tích xây dựng (tại trụ sở): **2.151,54 m²**
- Diện tích cây xanh, lưu thông: **1.613,8 m²**

* Sân tập lái xe hạng B2 tại số 256 Dương Đình Hội, Phường Tăng Nhơn Phú B, Thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

TT	Hạng mục, công trình	Tổng diện tích (m ²)
1	Khu hiệu bộ	581
2	Phòng học lý thuyết	443
3	Xưởng thực hành	2.860
4	Khu phục vụ	560
-	<i>Thư viện</i>	219
-	<i>Ký túc xá</i>	0
-	<i>Nhà ăn</i>	54
-	<i>phòng Y tế</i>	17
-	<i>Khu thể thao</i>	270
5	Khác (sân trường, đường nội bộ, cây xanh, hành lang, nhà vệ sinh)	2.597
6	Sân tập lái xe	11.120
Tổng cộng		18.161

2. Thông tin khái quát về Khoa Cơ khí chính xác

2.1. Thông tin khái quát

- Tên Khoa tiếng việt: Cơ khí chính xác
- Tên Tiếng Anh: Mechanic
- Email:
- Khoa Cơ khí chính xác được thành lập năm 2009 theo Quyết định số 89/QĐ-TCNKTCNHV ngày 01/12/2009 của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương; một trong 05 khoa được thành lập đầu tiên của Trường sau khi được nâng cấp lên thành trường trung cấp nghề. Khoa Cơ khí chính xác đào tạo ngành, nghề Cắt gọt kim loại và Chế tạo khuôn mẫu, trình độ trung cấp.
- Kế hoạch, số lượng tuyển sinh, tỷ lệ tốt nghiệp ngành, nghề Cắt gọt kim loại:

TT	Khóa học	Số lượng tuyển sinh		Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp (%)	Ghi chú
		Theo kế hoạch	Thực tế		
1	18K12	50	54	13 (24,1%)	
2	19K13	50	40	11 (27,5%)	
3	20K14	50	46	8 (17,4%)	20CGKL1
4	21K15	50	42	Chưa tốt nghiệp	
	TỔNG CỘNG				

2.2. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của đơn vị

2.2.1. Cơ cấu tổ chức: Khoa Cơ khí chính xác gồm có 01 Trưởng khoa, 02 giáo viên cơ hữu và các giáo viên qua ban, thỉnh giảng.

2.2.2. Nhân sự của nghề CGKL (không tính giáo viên môn học chung)

+ Tổng số: 05 trong đó:

- Nam: 05 - Nữ: 0

- Cơ hữu: 03 - Qua ban, thỉnh giảng: 02

Giáo viên cơ hữu				Kỹ năng nghề bậc 3
Trình độ đào tạo	Nam	Nữ	Tổng số	
Thạc sĩ	1	0	1	1
Đại học	2	0	2	2
Cao đẳng	2	0	2	2
Tổng số	5	0	5	5

+ Danh sách cán bộ giáo viên tham gia giảng dạy các mô học, mô đun chương trình đào tạo ngành, nghề Cắt gọt kim loại:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ	Chức danh, Chức vụ
1	Nguyễn Hữu Đăng	1975	Thạc sĩ ĐHSPKT	Trưởng khoa
2	Nguyễn Hữu Nhân	1983	ĐHSPKT	Giáo viên cơ hữu
3	Lê Ngọc Tín	1992	CĐN	Giáo viên cơ hữu
4	Trần Quang Huy	1962	CĐN	Giáo viên khoa CKDL
5	Đặng Thanh Linh	1980	Thạc sĩ	Giáo viên thỉnh giảng

2.3. Cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo

STT	Tên phòng học/ thực hành	Chức năng
1	Phòng C1.2	Giảng dạy lý thuyết
2	Phòng F0.6	Giảng dạy lý thuyết, thực hành
3	Phòng C0.1	Giảng dạy thực hành
4	Phòng C0.2	Giảng dạy lý thuyết, thực hành
5	Phòng B6	Giảng dạy thực hành mô-đun Hàn

2.4. Kinh phí đầu tư cho đào tạo

Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương là đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ chi thường xuyên. Nhà trường có nguồn thu từ học phí, kinh phí miễn giảm học phí do NSNN cấp bù và dịch vụ khác. Hàng năm, trên cơ sở dự toán chi cho hoạt động đào tạo, nhà trường đã nghiên cứu xác định định mức chi tối thiểu cho một người học. Theo báo cáo quyết toán các năm, tổng số chi cho đào tạo như sau:

- Năm 2019: 8.800.000.000 đồng.
- Năm 2020: 9.800.000.000 đồng.
- Năm 2021: 12.300.000.000 đồng.

Để thực hiện chất lượng chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại, ngoài nguồn thu từ học phí, kinh phí miễn giảm học phí do NSNN cấp bù, Trường còn có nguồn thu từ dịch vụ khác bổ sung. Cụ thể, số liệu kinh phí miễn giảm học phí do NSNN cấp bù của học sinh nghề Cắt gọt kim loại trong 3 năm:

- Năm học 2019-2020: 473.600.000 đồng
- Năm học 2020-2021: 623.200.000 đồng
- Năm học 2021-2022: 369.000.000 đồng

3. Thông tin về Chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại, trình độ trung cấp

3.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

3.1.1 Mục tiêu chung: Sau khi hoàn thành chương trình học, người học có khả năng sử dụng các loại máy công cụ vạn năng và điều khiển theo chương trình số như: tiện, phay, bào, mài, doa ... để chế tạo các chi tiết đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt năng suất và an toàn đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp trong lĩnh vực chế tạo máy, gia công và dịch vụ cơ khí, đáp ứng yêu cầu bậc 4 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam

3.1.2. Mục tiêu cụ thể

- Kiến thức:

- + Biết được các ký hiệu vật liệu cơ bản: gang, thép, các loại hợp kim...;
- + Phân tích được các ký hiệu về dung sai lắp ghép, sơ đồ lắp ghép, chuỗi kích thước;
- + Trình bày được đặc điểm, cấu tạo và nguyên lý làm việc của một số loại máy công cụ: máy tiện vạn năng, máy phay vạn năng ... , máy bào - xọc, máy mài, máy tiện CNC, máy phay CNC, máy xung, máy cắt dây...;
- + Trình bày được tính chất cơ lý của một số loại vật liệu làm dụng cụ cắt (dao, đá mài, vật liệu gia công kim loại và phi kim loại) và thép làm dao tiện, phay, bào, mũi khoan, mũi doa, đục, giũa...sau khi nhiệt luyện;
- + Trình bày được đặc tính của lắp ghép, sai số về hình dáng hình học và vị trí tương quan, độ nhám bề mặt, chuỗi kích thước;
- + Trình bày được cấu tạo, nguyên lý làm việc, tính năng kỹ thuật, phạm vi ứng dụng của các dụng cụ đo, cách đo, đọc kích thước và hiệu chỉnh các loại thước cặp, panme, đồng hồ so, thước đo góc vạn năng, đồng hồ đo lỗ...;
- + Nắm được nguyên lý hoạt động của động cơ điện không đồng bộ 3 pha, công dụng, cách sử dụng một số loại dụng cụ điện dùng trong máy công cụ;

- + Mô tả được các quy tắc, nội quy về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy nổ, quy trình 5S cho cơ sở sản xuất, các biện pháp nhằm tăng năng suất;
- + Trình bày được đặc tính kỹ thuật, cấu tạo, nguyên lý làm việc, phương pháp sử dụng, bảo quản các dụng cụ (gá, cắt, kiểm tra...) trên một số loại máy công cụ;
- + Tiếp cận được một số phương pháp gia công cơ bản trên máy tiện CNC, máy phay CNC, máy gia công tia lửa điện ... biết một số dạng sai hỏng, nguyên nhân và các biện pháp phòng tránh;
- + Trình bày được quy trình công nghệ gia công một số chi tiết theo yêu cầu;
- + Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

- Kỹ năng:

- + Vẽ được một số bản vẽ chi tiết, bản vẽ lắp đúng yêu cầu kỹ thuật trên phần mềm vẽ kỹ thuật và gia công được chi tiết theo đúng yêu cầu kỹ thuật;
- + Chuyển được ký hiệu dung sai thành các kích thước tương ứng để gia công theo yêu cầu;
- + Sử dụng được các dụng cụ cắt cầm tay như: Đục, giũa các mặt phẳng, khoan lỗ, cắt ren bằng bàn ren, ta rô, cưa tay;
- + Sử dụng thành thạo một hoặc nhiều loại máy công cụ như: máy tiện vạn năng, máy phay vạn năng, máy bào - máy xọc, máy mài, máy khoan - máy doa, máy tiện CNC, máy phay CNC;
- + Sử dụng được các dụng cụ kiểm tra, dụng cụ đo;
- + Mài được một số loại dao tiện, dao phay, dao bào, mũi khoan đúng yêu cầu kỹ thuật;
- + Phát hiện và sửa chữa được một số dạng sai hỏng thông thường của máy, đồ gá. Bảo dưỡng được một số thiết bị công nghệ cơ bản;
- + Gia công được một số chi tiết máy định hình trên máy tiện vạn năng, máy phay vạn năng, máy bào - máy xọc, máy mài, máy khoan - máy doa, máy tiện CNC, máy phay CNC theo yêu cầu;
- + Lập được quy trình công nghệ để gia công một sản phẩm dưới sự giám sát của cán bộ kỹ thuật;
- + Kiểm tra chất lượng sản phẩm theo đúng quy định;
- + Lập được kế hoạch sản xuất và quản lý thực hiện kế hoạch, thực hiện quy trình 5S;
- + Nhận biết, phân loại được các loại chất thải và nhận biết được tác động của chất thải đến môi trường
- + Áp dụng nguyên tắc 3R (giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế) trong cắt gọt kim loại.
- + Sử dụng và lưu trữ hóa chất nguy hiểm an toàn; thu gom, lưu trữ và xử lý chất thải tại nơi làm việc đúng cách và thân thiện với môi trường
- + Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- + Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.

- Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- + Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, phối hợp giải quyết công việc trong điều kiện làm việc thay đổi;

- + Hướng dẫn, giám sát thợ bậc thấp hơn thực hiện nhiệm vụ xác định tại nơi làm việc;
- + Chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả công việc được phân công và trao đổi kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm;
- + Chủ động khi thực hiện công việc;
- + Chấp hành tốt ý thức tổ chức kỷ luật, thực hiện tác phong công nghiệp;
- + Hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp, trau dồi kiến thức chuyên môn;
- + Năng động, sáng tạo trong quá trình làm việc, có tinh thần làm việc nhóm, tập thể, linh hoạt áp dụng kiến thức đã học vào thực tế sản xuất.

3.1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

- Gia công trên máy tiện, máy phay vạn năng;
- Gia công trên máy phay CNC, máy tiện CNC;
- Gia công trên máy bào, máy xọc;
- Gia công trên máy mài;
- Gia công trên máy doa vạn năng;
- Gia công trên máy xung và trên máy cắt dây;
- Bảo dưỡng hệ thống công nghệ cơ bản;
- Kiểm tra chất lượng sản phẩm.

3.2. Phương thức đào tạo: phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

3.3. Tóm tắt nội dung chương trình đào tạo

* Nội dung chương trình đào tạo năm 2017

- Số lượng môn học, mô đun: 21.
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 1.850 giờ.
- Khối lượng các môn học chung/ đại cương: 210 giờ.
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1640 giờ.
- Khối lượng lý thuyết: 449 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.351 giờ

Mã MH/ MĐ/HP	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó:		
				Lý thuyết	Thực hành/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
I	Các môn học chung/đại cương	8	210	106	87	17
MH 01	Chính trị	1	30	22	6	2
MH 02	Pháp luật	1	15	10	4	1
MH 03	Giáo dục Thể chất	1	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	45	28	13	4
MH 05	Tin học	1	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ	2	60	30	25	5

Mã MH/ MĐ/HP	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó:		
				Lý thuyết	Thực hành/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
II	Các môn học, mô đun chuyên môn ngành, nghề	56	1.640	343	1.248	49
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	13	310	148	148	14
MĐ 07	Vẽ kỹ thuật	4	100	30	65	5
MĐ 08	Vẽ và thiết kế cơ khí trên máy tính	3	90	15	73	2
MH 09	Dung sai – Đo lường kỹ thuật	2	45	34	8	3
MH 10	Vật liệu cơ khí	2	45	41	2	2
MH 11	Kỹ thuật an toàn – Môi trường công nghiệp	2	30	28	0	2
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	43	1.330	195	1.100	35
MĐ 12	Nguội cơ bản	3	75	15	60	0
MĐ 13	Tiện trụ ngoài, trụ trong, rãnh, cắt đứt	6	150	30	115	5
MĐ 14	Phay, bào cơ bản	4	120	20	95	5
MĐ 15	Tiện ren	5	140	30	105	5
MĐ 16	Phay bánh răng, đa giác	4	120	15	100	5
MĐ 17	CAD/CAM – CNC cơ bản	5	120	30	86	4
MĐ 18	Thực tập tốt nghiệp	7	320	14	306	0
MĐ 19	Tiện chi tiết có gá lắp phức tạp	4	120	16	100	4
MĐ 20	CAD/CAM – CNC nâng cao	4	120	25	90	5
MĐ 21	Hàn cơ bản	1	45	0	43	2
Tổng cộng		64	1.850	449	1.285	66

*** Nội dung chương trình điều chỉnh, bổ sung năm 2019**

- Số lượng môn học, mô đun: 23.
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: **79** tín chỉ.
- Khối lượng các môn học chung/ đại cương: 295 giờ.
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1.676 giờ.
- Khối lượng lý thuyết: 468 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.435 giờ

Mã MH/ MĐ/HP	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
I. Các môn học chung/đại cương		20	295	114	166	15
MH01	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
MH02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH03	Giáo dục Thể chất	2	30	4	24	2

Mã MH/ MĐ/HP	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
MH04	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3	45	21	21	3
MH05	Tin học	3	45	15	29	1
MH06	Tiếng Anh	6	90	30	56	4
MH07	Kỹ năng sống	3	40	20	18	2
II. Các môn học, mô đun chuyên môn		59	1.676	354	1.269	53
1. Môn học, mô đun cơ sở		15	310	148	148	14
MH08-CGKL	Vẽ kỹ thuật	4	100	30	65	5
MD09-CGKL	Vẽ và thiết kế cơ khí trên máy tính	3	90	15	73	2
MH10-CGKL	Dung sai – Đo lường kỹ thuật	3	45	34	8	3
MH11-CGKL	Vật liệu cơ khí	3	45	41	2	2
MH12-CGKL	Kỹ thuật an toàn – Môi trường công nghiệp	2	30	28	0	2
2. Môn học, mô đun chuyên môn		44	1.366	206	1.121	39
MD13-CGKL	Nguội cơ bản	3	75	15	60	0
MD14-CGKL	Tiện trụ ngoài, trụ trong, rãnh, cắt đứt	5	150	30	115	5
MD15-CGKL	Phay, bào cơ bản	4	120	20	95	5
MD16-CGKL	Tiện ren	5	140	30	105	5
MD17-CGKL	Phay bánh răng, đa giác	4	120	15	100	5
MD18-CGKL	CAD/CAM – CNC cơ bản	4	120	30	86	4
MD19-CGKL	Thực tập tốt nghiệp	7	320	14	306	0
MD20-CGKL	Tiện chi tiết có gá lắp phức tạp	4	120	16	100	4
MD21-CGKL	CAD/CAM – CNC nâng cao	4	120	25	90	5
MD22-CGKL	Hàn cơ bản	2	45	0	43	2
MH23-CGKL	Sử dụng năng lượng, tài nguyên và quản lý chất thải, hoá chất hiệu quả trong cơ khí	2	36	11	21	4
Tổng cộng		79	1.971	468	1.435	68

*** Nội dung chương trình điều chỉnh, bổ sung năm 2021**

- Số lượng môn học, mô đun: **24 (chọn 01 trong 03 mô đun tự chọn)**
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: **75** tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: **305** giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: **1.670** giờ
- Khối lượng lý thuyết: **469** giờ; Thực hành, thực tập, kiểm tra: **1.506** giờ.

Mã MH/ MĐ/HP	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
I	Các môn học chung/đại cương	17	305	119	170	16
MH01	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
MH02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MH04	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	2	45	21	21	3
MH05	Tin học	2	45	15	29	1
MH06	Tiếng Anh	6	90	30	56	4
MH07	Kỹ năng phát triển bản thân	1	20	10	9	1
MH08	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	2	30	15	13	2
II. Các môn học, mô đun chuyên môn		58	1.670	350	1.269	51
II.1. Môn học, mô đun cơ sở		16	340	155	169	16
MH01-CGKL	Vẽ kỹ thuật	4	100	30	65	5
MD02-CGKL	Vẽ và thiết kế cơ khí trên máy tính	3	90	15	73	2
MH03-CGKL	Dung sai – Đo lường kỹ thuật	3	45	34	8	3
MH04-CGKL	Vật liệu cơ khí	3	45	41	2	2
MH05-CGKL	Kỹ thuật an toàn – Môi trường công nghiệp	2	30	28	0	2
MH06-CGKL	Sử dụng năng lượng, tài nguyên và quản lý chất thải, hoá chất hiệu quả trong cơ khí	1	30	7	21	2
II.2. Môn học, mô đun chuyên môn		40	1.285	195	1.057	33
MD07-CGKL	Nguội cơ bản	3	75	15	60	0
MD08-CGKL	Tiện trụ ngoài, trụ trong, rãnh, cắt đứt	5	150	30	115	5
MD09-CGKL	Phay, bào cơ bản	4	120	20	95	5
MD10-CGKL	Tiện ren	5	140	30	105	5
MD11-CGKL	Phay bánh răng, đa giác	4	120	15	100	5
MD12-CGKL	CAD/CAM – CNC cơ bản	4	120	30	86	4
MD13-CGKL	Thực tập tốt nghiệp	7	320	14	306	0
MD14-CGKL	Tiện chi tiết có gá lắp phức tạp	4	120	16	100	4
MD15-CGKL	CAD/CAM – CNC nâng cao	4	120	25	90	5
II.3. Môn học, mô đun tự chọn		2	45	0	43	2
MD16-CGKL	Hàn cơ bản	2	45	0	43	2
MD17-CGKL	Gia công trên máy mài	2	45	0	43	2
MD18-CGKL	Gia công trên máy xung và máy cắt dây	2	45	0	43	2
Tổng cộng		75	1.975	469	1.439	67

PHẦN II

KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thông qua kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo, thương hiệu, uy tín của Trường sẽ được xã hội biết đến và thừa nhận.

1. TỔNG QUAN CHUNG

1.1. Căn cứ tự đánh giá chất lượng đào tạo chương trình

- Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp;
- Căn cứ Thông tư 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 V/v qui định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp.
- Căn cứ Thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 V/v qui định hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp.
- Căn cứ Quyết định số 1769/QĐ-LĐTBXH ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phê duyệt ngành, nghề trọng điểm; trường được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025.
- Căn cứ Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng năm 2019;
- Căn cứ công văn số 1318/TCGDNN-KĐCL ngày 16 tháng 06 năm 2020 V/v thực hiện qui định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2020;

1.2. Mục đích tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh toàn trường về tầm quan trọng của công tác tự đánh giá các điều kiện đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo của Trường theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường trung cấp. Qua đó, huy động tất cả các đơn vị trong toàn trường cùng thực hiện công tác tự đánh giá hàng năm.
- Thu thập, xử lý thông tin, minh chứng để chứng minh mức độ đạt được của trường đối với chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại dựa trên hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo. Tạo cơ sở để triển khai đánh giá chất lượng toàn bộ các chương trình đào tạo hệ trung cấp tại Trường.
- Xây dựng, thực hiện và duy trì tốt các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng đã đạt được, đồng thời khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt; qua đó giúp trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín và thương hiệu của Trường.

1.3. Yêu cầu tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo

- Đảm bảo đánh giá toàn bộ hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, chương trình đào tạo.
- Có sự tham gia của tất cả đơn vị, cá nhân có liên quan của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.
- Đánh giá theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo hiện hành và các hướng dẫn có liên quan.

- Đảm bảo trung thực, khách quan, đầy đủ minh chứng hợp lệ để chứng minh cho nhận định trong tự đánh giá chất lượng.
- Kết quả tự đánh giá chất lượng phải được công khai trong nội bộ cơ sở giáo dục nghề nghiệp, được cập nhật vào cơ sở dữ liệu của hệ thống thông tin quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp và được lưu trữ cùng toàn bộ minh chứng, tài liệu liên quan.
- Đảm bảo đúng qui trình, thời gian qui định.

1.4. Phương pháp tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo

- Nghiên cứu Hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo do Tổng cục GDNN ban hành, hướng dẫn đánh giá các chỉ số kèm theo.
- Thu thập thông tin, rà soát, phân tích chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại đưa ra chứng cứ để chứng minh.
- Khảo sát thực tế, thảo luận, lấy ý kiến các đơn vị, cán bộ quản lý, giáo viên, người học và người sử dụng lao động.
- Thu thập hồ sơ, minh chứng tự đánh giá của từng đơn vị theo bảng phân công phức trách tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số đánh giá
- Xây dựng báo cáo tự đánh giá của Hội đồng đánh giá
- Sử dụng các công cụ, biểu mẫu, qui trình đánh giá.
- Công bố báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và gửi báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo về các cấp quản lý có liên quan.

1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

- Thực hiện công tác chuẩn bị tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo. (Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo; Hướng dẫn về công tác thu thập minh chứng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo; Thu thập minh chứng; Viết báo cáo tự đánh giá)
- Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của các phòng chức năng và Khoa chuyên môn.
- Công bố báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trong Trường và gửi báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

2. TỰ ĐÁNH GIÁ

2.1. TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CTĐT

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN về CTĐT
	ĐỀ XUẤT CẤP ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC	100	94
1	Tiêu chí 1 - Mục tiêu, quản lý và tài chính	06	06
1.1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	02	02

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN về CTĐT
1.2	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.	02	02
1.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.	02	02
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	14	14
2.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	02	02
2.2	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	02	02
2.3	Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.	02	02
2.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	02	02
2.5	Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.	02	02
2.6	Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.	02	02
2.7	Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	02	02
3	Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên	16	14
3.1	Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	02	02
3.2	Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	02	02
3.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	02	00

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN về CTĐT
3.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	02	02
3.5	Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	02	02
3.6	Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	02	02
3.7	Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	02	02
3.8	Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	02	02
4	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình	24	22
4.1	Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	02	02
4.2	Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.	02	02
4.3	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	02	02
4.4	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	02	02
4.5	Tiêu chuẩn 5: Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo. Giáo trình được rà soát, điều chỉnh, bổ sung	02	02
4.6	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	02	02
4.7	Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	02	02
4.8	Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	02	00
4.9	Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	02	02
4.10	Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	02	02

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN về CTĐT
4.11	Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	02	02
4.12	Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	02	02
5	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	16	14
5.1	Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	02	02
5.2	Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	02	00
5.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	02	02
5.4	Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	02	02
5.5	Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	02	02
5.6	Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	02	02
5.7	Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	02	02
5.8	Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.	02	02
6	Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học	8	8
6.1	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.	02	02
6.2	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.	02	02

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN về CTĐT
6.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	02	02
6.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	02	02
7	Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng	16	16
7.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	02	02
7.2	Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.	02	02
7.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.	02	02
7.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.	02	02
7.5	Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	02	02
7.6	Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	02	02
7.7	Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	02	02
7.8	Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	02	02

2.2. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TỪNG TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN

2.2.1 TIÊU CHÍ 1 - MỤC TIÊU, QUẢN LÝ VÀ TÀI CHÍNH

Mở đầu:

Nghề Cắt gọt kim loại là nghề truyền thống, thế mạnh của trường trong nhiều năm, vì vậy luôn được nhiều sinh viên lựa chọn theo học. Có được kết quả đó là do:

*** Những điểm mạnh:**

- Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai. Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định
- Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.
- Khoa Cơ khí chính xác phụ trách chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại luôn hoàn thành các nhiệm vụ được giao hàng năm
- Hàng năm, Trường có nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.

*** Những tồn tại: Không có**

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng: Không có**

Điểm đánh giá tiêu chí 1

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 1	06
Tiêu chuẩn 1	02
Tiêu chuẩn 2	02
Tiêu chuẩn 3	02

Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động,

Mục tiêu sứ mạng, nhiệm vụ của Trường được điều chỉnh theo từng giai đoạn cho phù hợp với tình hình thực tế phát triển kinh tế-xã hội ở Tp.HCM nói riêng và khu vực phía Nam nói chung, thể hiện trong các Chiến lược phát triển Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương giai đoạn 2015-2020, giai đoạn 2020-2025.

(1.1.01 - các Chiến lược phát triển Trường TCN KTCN Hùng Vương giai đoạn 2015-2020, giai đoạn 2020-2025)

Chức năng và nhiệm vụ của Trường được xác định rõ ràng, phù hợp với mục tiêu và sứ mạng đã đề ra. Tại Quy chế Tổ chức và hoạt động Trường nêu rõ về chức năng của Nhà trường: “Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương là đơn vị sự nghiệp công lập, trực thuộc Ủy ban nhân dân Quận 5, có chức năng đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp cho sản xuất, dịch vụ ở trình độ trung cấp, sơ cấp đáp ứng yêu cầu thị trường lao động”; nhiệm vụ của Nhà trường: “1. Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên theo quy định;....Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật”.

(1.1.02 - Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương, Quyết định ban hành số 55/QĐ-KTCNVH ngày 08/3/2022).

Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Giáo dục nghề nghiệp, nghề Cắt gọt kim loại của Trường được phép tổ chức đào tạo nghề liên thông ở 2 cấp trình độ theo quy định của luật Giáo dục nghề nghiệp: Sơ cấp – Trung cấp. Mục tiêu đào tạo được quy định cụ thể trong chương trình đào tạo. Cụ thể mục tiêu đào tạo trình độ trung cấp nghề Cắt gọt kim loại: Sau khi học xong người học có khả năng:

- Đọc được các bản vẽ. Lập được qui trình công nghệ gia công các sản phẩm cơ khí
- Sử dụng được các Máy gia công kim loại như: Máy tiện, phay, bào, mài, khoan...vận năng cũng như các Máy điều chỉnh chương trình số; các trung tâm gia công: Tiện, Phay CNC; Máy gia công tia lửa điện...
- Gia công được các sản phẩm đặc trưng của nghề: các chi tiết dạng trục (tròn, bậc, ren), dạng bạc, dạng hộp, dạng càng cũng như các chi tiết phức tạp như Bánh răng, Bánh vít, trục vít...; Đồ gá.
- Có khả năng làm việc độc lập, Tổ chức làm việc theo nhóm; Xử lý được các tình huống kỹ thuật tương đối phức tạp phát sinh trong nghề nghiệp.
- Có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, có tác phong công nghiệp; có khả năng hướng dẫn thợ có trình độ thấp hơn & học tập lên trình độ cao hơn.
- Khi ra trường có thể làm việc tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong nước hoặc liên doanh với nước ngoài ... có các trang thiết bị máy cắt kim loại hoặc tự mở xưởng sản xuất.

Mục tiêu cụ thể quy định kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, năng lực tự chủ và trách nhiệm người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:

- Kiến thức:

- + Biết được các ký hiệu vật liệu cơ bản: gang, thép, các loại hợp kim...;
- + Phân tích được các ký hiệu về dung sai lắp ghép, sơ đồ lắp ghép, chuỗi kích thước;
- + Trình bày được đặc điểm, cấu tạo và nguyên lý làm việc của một số loại máy công cụ: máy tiện vận năng, máy phay vận năng ... , máy bào - xọc, máy mài, máy tiện CNC, máy phay CNC, máy xung, máy cắt dây...;
- + Trình bày được tính chất cơ lý của một số loại vật liệu làm dụng cụ cắt (dao, đá mài, vật liệu gia công kim loại và phi kim loại) và thép làm dao tiện, phay, bào, mũi khoan, mũi doa, đục, giũa...sau khi nhiệt luyện;
- + Trình bày được đặc tính của lắp ghép, sai số về hình dáng hình học và vị trí tương

- quan, độ nhám bề mặt, chuỗi kích thước;
- + Trình bày được cấu tạo, nguyên lý làm việc, tính năng kỹ thuật, phạm vi ứng dụng của các dụng cụ đo, cách đo, đọc kích thước và hiệu chỉnh các loại thước cặp, panme, đồng hồ so, thước đo góc vạn năng, đồng hồ đo lỗ...;
- + Nắm được nguyên lý hoạt động của động cơ điện không đồng bộ 3 pha, công dụng, cách sử dụng một số loại dụng cụ điện dùng trong máy công cụ;
- + Mô tả được các quy tắc, nội quy về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy nổ, quy trình 5S cho cơ sở sản xuất, các biện pháp nhằm tăng năng suất;
- + Trình bày được đặc tính kỹ thuật, cấu tạo, nguyên lý làm việc, phương pháp sử dụng, bảo quản các dụng cụ (gá, cắt, kiểm tra...) trên một số loại máy công cụ;
- + Tiếp cận được một số phương pháp gia công cơ bản trên máy tiện CNC, máy phay CNC, máy gia công tia lửa điện ... biết một số dạng sai hỏng, nguyên nhân và các biện pháp phòng tránh;
- + Trình bày được quy trình công nghệ gia công một số chi tiết theo yêu cầu;
- + Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

- Kỹ năng:

- + Vẽ được một số bản vẽ chi tiết, bản vẽ lắp đúng yêu cầu kỹ thuật trên phần mềm vẽ kỹ thuật và gia công được chi tiết theo đúng yêu cầu kỹ thuật;
- + Chuyên được ký hiệu dung sai thành các kích thước tương ứng để gia công theo yêu cầu;
- + Sử dụng được các dụng cụ cắt cầm tay như: Đục, giữa các mặt phẳng, khoan lỗ, cắt ren bằng bàn ren, ta rô, cưa tay;
- + Sử dụng thành thạo một hoặc nhiều loại máy công cụ như: máy tiện vạn năng, máy phay vạn năng, máy bào - máy xọc, máy mài, máy khoan - máy doa, máy tiện CNC, máy phay CNC;
- + Sử dụng được các dụng cụ kiểm tra, dụng cụ đo;
- + Mài được một số loại dao tiện, dao phay, dao bào, mũi khoan đúng yêu cầu kỹ thuật;
- + Phát hiện và sửa chữa được một số dạng sai hỏng thông thường của máy, đồ gá. Bảo dưỡng được một số thiết bị công nghệ cơ bản;
- + Gia công được một số chi tiết máy định hình trên máy tiện vạn năng, máy phay vạn năng, máy bào - máy xọc, máy mài, máy khoan - máy doa, máy tiện CNC, máy phay CNC theo yêu cầu;
- + Lập được quy trình công nghệ để gia công một sản phẩm dưới sự giám sát của cán bộ kỹ thuật;
- + Kiểm tra chất lượng sản phẩm theo đúng quy định;
- + Lập được kế hoạch sản xuất và quản lý thực hiện kế hoạch, thực hiện quy trình 5S;
- + Nhận biết, phân loại được các loại chất thải và nhận biết được tác động của chất thải đến môi trường
- + Áp dụng nguyên tắc 3R (giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế) trong cắt gọt kim loại.
- + Sử dụng và lưu trữ hóa chất nguy hiểm an toàn; thu gom, lưu trữ và xử lý chất thải tại nơi làm việc đúng cách và thân thiện với môi trường
- + Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin

- trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- + Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.

- Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- + Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, phối hợp giải quyết công việc trong điều kiện làm việc thay đổi;
- + Hướng dẫn, giám sát thợ bậc thấp hơn thực hiện nhiệm vụ xác định tại nơi làm việc;
- + Chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả công việc được phân công và trao đổi kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm;
- + Chủ động khi thực hiện công việc;
- + Chấp hành tốt ý thức tổ chức kỷ luật, thực hiện tác phong công nghiệp;
- + Hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp, trau dồi kiến thức chuyên môn;
- + Năng động, sáng tạo trong quá trình làm việc, có tinh thần làm việc nhóm, tập thể, linh hoạt áp dụng kiến thức đã học vào thực tế sản xuất.

2. Chính trị và đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:

- + Có kiến thức phổ thông về chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh về mục tiêu và đường lối cách mạng của Đảng và Nhà nước;
- + Nắm được cơ bản quyền, nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân;
- + Có ý thức nghề nghiệp, kiến thức cộng đồng và tác phong làm việc công nghiệp; có lối sống lành mạnh phù hợp với phong tục tập quán và truyền thống văn hoá dân tộc.
- + Có hiểu biết và ý thức trách nhiệm trong việc phòng chống tham nhũng;
- + Thể hiện ý thức tích cực học tập rèn luyện để không ngừng nâng cao trình độ, đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu của sản xuất.

- Thể chất, quốc phòng:

- + Có kiến thức, kỹ năng về thể dục, thể thao cần thiết.
- + Nắm được phương pháp tập luyện nhằm bảo vệ và tăng cường sức khỏe, nâng cao thể lực để học tập và lao động sản xuất;
- + Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về quốc phòng - An ninh, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

(1.1.03 – Giấy phép đăng ký hoạt động GDNN số 23/GCNĐKHHĐ-SLĐTBXH; 1.1.04 - Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2017).

Đối với nghề Cắt gọt kim loại, người học sau khi tốt nghiệp sẽ làm việc tại các doanh nghiệp chế tạo và gia công cơ khí với vị trí vận hành các máy cắt gọt kim loại như Tiện, Phay, Mài, Bào, Doa, máy Cắt tia lửa điện... Kết quả khảo sát của trường tại một số doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh.. và một số địa phương phụ cận cho thấy các doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng nhiều lao động có trình độ trung cấp nghề vận hành máy cắt gọt, đặc biệt có nhu cầu tuyển dụng cao lao động có khả năng vận hành các máy cắt

gọt công nghệ CNC. Các doanh nghiệp xuất khẩu lao động cũng có nhiều đơn hàng tuyển dụng lao động vận hành các máy CNC trong lĩnh vực Cắt gọt kim loại.

(1.1.05 – Báo cáo kết quả khảo sát nhu cầu tuyển dụng, học nghề các năm 2020, 2021 kèm theo các phiếu khảo sát).

Số liệu tuyển sinh những năm gần đây của trường đối với nghề Cắt gọt kim loại như sau: Năm học 2019 – 2020 có 40 người học đăng ký/50 chỉ tiêu đào tạo; Năm học 2020 – 2021 có 46 người học đăng ký/50 chỉ tiêu đào tạo; Năm học 2021 – 2022 có 42 người học đăng ký/50 chỉ tiêu đào tạo

(1.1.06 – Kế hoạch tuyển sinh các năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 1.1.07 - Báo cáo công tác tuyển sinh các năm học 2020-2021, 2021-2022; phiếu đăng ký học nghề).

Từ những phân tích trên, Trường đánh giá mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của Trường và nhu cầu thị trường lao động.

Mục tiêu của CTĐT nghề Cắt gọt kim loại nói riêng và các ngành đào tạo của nhà trường được công bố trên website của Nhà trường *(1.1.08-www.hungvuongtech.edu.vn)* và được thông qua công tác tuyên truyền tuyển sinh hàng năm *(1.1.09 – các tài liệu tuyên truyền tuyển sinh năm 2020, 2021, 2022).*

Nội dung rà soát, điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ chương trình đào tạo:

Năm 2017, căn cứ hướng dẫn tại Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH, nhà trường đã tổ chức triển khai xây dựng các chương trình đào tạo trong đó có chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại. Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở kế thừa bộ chương trình đang sử dụng. Quá trình xây dựng, Trường đã thực hiện xác định mục tiêu của chương trình đào tạo; sắp xếp lại nội dung, thời lượng, thứ tự thực hiện các môn học, mô đun...(1.1.04- Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2017).

Trong quá trình thực hiện từ năm học 2018 – 2019, khoa Cơ khí chính xác đã giao nhiệm vụ cho các giáo viên giảng dạy đề xuất các vấn đề cần bổ sung, điều chỉnh trong chương trình đào tạo. Năm 2019, nhà trường đã triển khai tổng rà soát toàn bộ các chương trình đào tạo sau 02 năm thực hiện đào tạo theo bộ chương trình mới trình độ trung cấp. Do nghề Cắt gọt kim loại của Trường là nghề được đầu tư tiếp cận đào tạo trình độ khu vực ASEAN nên theo chỉ đạo của nhà trường, Khoa đã thực hiện rà soát, điều chỉnh mục tiêu, thời gian đào tạo, cập nhật một số nội dung chuyên môn trong một số môn học, mô đun phù hợp với yêu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp và cập nhật công nghệ mới trong lĩnh vực công nghệ Cơ khí chính xác. *(1.1.10– Bộ chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại điều chỉnh năm 2019, kèm theo hồ sơ thực hiện quá trình rà soát, điều chỉnh).*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 1: 02 điểm.

Tiêu chuẩn 1.2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ chức năng-nhiệm vụ của các đơn vị được quy định tại Quy chế tổ chức hoạt động Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương, khoa Cơ khí chính xác xây dựng mục tiêu chất lượng cụ thể từng năm học và triển khai thực hiện.

(1.1.02 - Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương, Quyết định ban hành số 55/QĐ-KTCNVH ngày 08/3/2022; 1.2.01 – Mục tiêu chất lượng của khoa Cơ khí chính xác năm học 2020-2021, 2021-2022).

Các nhiệm vụ cơ bản mà khoa Cơ khí chính xác được nhà trường giao, thực hiện và đã hoàn thành như sau:

Năm 2020 – 2021:

I. CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG, ĐÁNH GIÁ NHÂN SỰ

- 100% giáo viên tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ quản lý, tin học, ngoại ngữ theo kế hoạch của trường.
- 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên được đánh giá/xét thi đua định kỳ 01 lần/năm học. 50% cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

II. CÔNG TÁC ĐÀO TẠO:

1. Hệ Trung cấp:

- Thực hiện hiệu chỉnh chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại đầy đủ, kịp thời, đúng quy định.
- 100% giáo viên giảng dạy trình độ trung cấp được dự giờ và có 60% giáo viên đạt điểm đánh giá từ 14 điểm trở lên (tính trên thang điểm 20).
- 100% giáo viên thực hiện đầy đủ các hồ sơ giảng dạy hệ Trung cấp.
- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp so với học sinh thực học học kỳ cuối của khoa đạt trên 50%.
- 100% học sinh có việc làm đúng chuyên ngành trong vòng 6 tháng sau khi tốt nghiệp.

2. Hệ Sơ cấp - Dạy nghề thường xuyên:

- Chỉ tiêu tuyển sinh đạt tỷ lệ trên 90%; tỷ lệ về số lượt học viên và số học viên mới đạt từ 1,5 trở lên.
- 90% học viên tốt nghiệp hệ sơ cấp có việc làm sau khi học.
- 100% giáo viên thực hiện đầy đủ các hồ sơ giảng dạy hệ Sơ cấp, Đào tạo thường xuyên.

III. CÔNG TÁC BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

Nghề Cắt gọt kim loại được tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2022.

IV. CÔNG TÁC HỌC SINH

1. 100% học sinh thực học được đăng ký bảo hiểm y tế theo quy định.
2. 100% học sinh có hoàn cảnh khó khăn hoặc thuộc diện chính sách được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập.
3. 100% học sinh thực học được xét thi đua, đánh giá rèn luyện theo qui định.

V. THỰC HIỆN MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC AN TOÀN, LÀNH MẠNH, THÂN THIỆN:

1. **100%** cán bộ, giáo viên thực hiện nghiêm túc Nội qui cơ quan; Bộ quy tắc ứng xử trong trường học.
2. Đảm bảo an toàn vệ sinh lao động.”

Kết quả xếp loại lao động, thi đua của đơn vị: Hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác năm học.

Năm 2021 – 2022:

“I. CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG, ĐÁNH GIÁ NHÂN SỰ

1. 100% cán bộ, giáo viên được cử tham gia tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ đúng với vị trí việc làm khi có thông báo của Trường.
2. 100% cán bộ, giáo viên được đánh giá/xét thi đua định kỳ 01 lần/năm học. 50% cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

II. CÔNG TÁC ĐÀO TẠO:

1. Hệ Trung cấp:

- a. Dự giờ 100% giáo viên giảng dạy trình độ trung cấp và có 60% giáo viên đạt điểm đánh giá từ 14 điểm trở lên (tính trên thang điểm 20).
- b. **100%** giáo viên thực hiện đầy đủ các hồ sơ giảng dạy hệ Trung cấp.
- c. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp so với học sinh thực học học kỳ cuối của khoa đạt trên **50%**.
- d. 100% học sinh có việc làm đúng chuyên ngành trong vòng 6 tháng sau khi tốt nghiệp.

2. Hệ Sơ cấp - Đào tạo thường xuyên:

- a. Chỉ tiêu tuyển sinh đạt tỷ lệ trên 90%; tỷ lệ về số lượt học viên và số học viên mới đạt từ 1,8 trở lên.
- b. 90% học viên tốt nghiệp hệ sơ cấp có việc làm sau khi học.
- c. **100%** giáo viên thực hiện hồ sơ giảng dạy hệ sơ cấp, Đào tạo thường xuyên đầy đủ, đúng thời gian qui định.
- d. 100% giáo trình của trình độ sơ cấp được rà soát, hiệu chỉnh.

III. CÔNG TÁC BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

Nghề Cắt gọt kim loại được tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2022.

IV. CÔNG TÁC HỌC SINH

1. 100% học sinh thực học được đăng ký bảo hiểm y tế theo quy định.
2. 80% học sinh thực học tham gia bảo hiểm tai nạn.
3. 100% học sinh có hoàn cảnh khó khăn hoặc thuộc diện chính sách được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập.
4. 100% học sinh thực học được xét thi đua, đánh giá rèn luyện theo qui định.

V. THỰC HIỆN MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC AN TOÀN, LÀNH MẠNH, THÂN THIỆN:

1. **100%** cán bộ, giáo viên thực hiện nghiêm túc Nội qui cơ quan; Bộ quy tắc ứng xử trong trường học.
2. Đảm bảo an toàn vệ sinh lao động./.”

Kết quả xếp loại lao động, thi đua của đơn vị: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm học.

(1.2.02 - Báo cáo tổng kết công tác các năm học 2020-2021, 2021-2022 của khoa Cơ khí chính xác; 1.2.03 - Báo cáo tổng kết công tác các năm 2020, 2021, 9 tháng đầu năm 2022 của Trường; 1.2.04- các quyết định xếp loại thi đua của đơn vị năm 2021, 2022; 1.2.05 – các quyết định khen thưởng tập thể và cá nhân năm 2021, 2022).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 1: 02 điểm.

Tiêu chuẩn 1.3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định.

Nội hàm 1: Nghiên cứu, xác định mức chi tối thiểu

Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương là đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ chi thường xuyên. Nhà trường có nguồn thu từ học phí, kinh phí miễn giảm học phí do NSNN cấp bù và dịch vụ khác. Hàng năm, trên cơ sở dự toán thu cho hoạt động đào tạo và nguồn ngân sách nhà nước cấp bù, nhà trường đã nghiên cứu xác định mức chi tối thiểu cho một người học. Từ đó, Trường có cơ sở xây dựng mức thu trên 01 người học cho phù hợp *(1.3.01 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương về quy định mức thu học phí năm học 2020-2021; năm học 2021-2022)*. Quyết định này quy định mức thu học phí các năm học 2020-2021, 2021-2022. Mức thu được xây dựng trên cơ sở xác định chi phí đào tạo bình quân cho 1 học sinh (chi phí giáo viên, chi phí vật tư, tiêu hao điện năng và các chi phí khác).

Định mức chi tối thiểu cho một người học được tính cụ thể cho từng ngành nghề. Cụ thể đối với nghề Cắt gọt kim loại, trình độ Trung cấp:

- Đối tượng tốt nghiệp THPT : 16.400.000 đồng/khóa/người học.
- Đối tượng tốt nghiệp THCS: 28.200.000 đồng/khóa/người học.

Theo báo cáo quyết toán các năm, tổng số chi cho đào tạo *(1.3.02- Báo cáo quyết toán tài chính năm 2019, 2020, 2021)* như sau:

- Năm 2019: 8.800.000.000 đồng.
- Năm 2020: 9.800.000.000 đồng.
- Năm 2021: 12.300.000.000 đồng.

Để thực hiện chất lượng chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại, ngoài nguồn thu từ học phí, kinh phí miễn giảm học phí do NSNN cấp bù, Trường còn có nguồn thu từ dịch vụ khác bổ sung. Cụ thể, số liệu kinh phí miễn giảm học phí do NSNN cấp bù của học sinh nghề Cắt gọt kim loại trong 3 năm:

- Năm học 2019-2020: 473.600.000 đồng
- Năm học 2020-2021: 623.200.000 đồng

- Năm học 2021-2022: 369.000.000 đồng

Kết luận: Nhà trường đã có nghiên cứu để xác định mức chi tối thiểu cho một người học làm cơ sở xác định mức thu, để đảm bảo nguồn kinh phí để đảm bảo được chất lượng của chương trình đào tạo. Để thực hiện chương trình đào tạo, ngoài nguồn thu từ kinh phí miễn giảm học phí do NSNN cấp bù hàng năm, nhà trường còn có nguồn thu từ học phí của người học và có các hoạt động dịch vụ để tạo nguồn thu bổ sung cho hoạt động đào tạo. Căn cứ các số liệu trên (số chi thực tế nhỏ hơn số kinh phí được phân bổ), khẳng định trường có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.

Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 1: 02 điểm.

2.2.2 TIÊU CHÍ 2: HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương đặc biệt quan tâm đến việc nâng cao chất lượng đào tạo để khẳng định thương hiệu của nhà trường với người học và Xã hội. Vì vậy hoạt động đào tạo luôn được nhà trường quan tâm, tổ chức thực hiện nghiêm túc, đúng quy định. Quá trình thực hiện, thường xuyên kiểm tra, giám sát để kịp thời khắc phục những khuyết điểm, tồn tại. Trường khái quát những điểm chính trong tổ chức thực hiện hoạt động đào tạo đối với nghề Cắt gọt kim loại như sau:

Thực hiện công tác tuyển sinh theo đúng quy định tại Thông tư 05/2017/TT-BLĐTBXH, Thông tư số 07/2019/TT-BLĐTBXH; số học sinh đăng ký vào học nghề Cắt gọt kim loại trong các năm 2019 – 2021 luôn ở mức cao so với chỉ tiêu đăng ký trong giấy phép đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

Tổ chức quá trình đào tạo; thi, kiểm tra; cấp phát văn bằng chứng chỉ của trường cũng như nghề Cắt gọt kim loại đều được tuân theo quy định tại các thông tư: Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/03/2017 quy định việc tổ chức thực hiện CTĐT trình độ TC, CĐ theo niên chế; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; Thông tư số 23/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06/12/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về danh mục hồ sơ, sổ sách trong đào tạo trình độ TC, trình độ CĐ; Thông tư số 10/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 Sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 quy định về đào tạo trình độ sơ cấp, Thông tư số 43/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 quy định về đào tạo thường xuyên, Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ đối với nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, Thông tư số 10/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; việc in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng và Thông tư số 31/2017/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2017 quy định về đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp theo hình thức đào tạo vừa làm vừa học

Các giáo viên của khoa Cơ khí chính xác thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; Nhiều môn học, mô đun chuyên môn nghề có sử dụng các phần mềm, thiết bị đa phương tiện trong hoạt động dạy và học. Công tác kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học của Khoa được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định của trường.

Khoa thường xuyên phối hợp với các doanh nghiệp trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; Hàng năm 100% học sinh sinh viên trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại các doanh nghiệp trong lĩnh vực Cắt gọt kim loại.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Nhà trường căn cứ vào nhu cầu người học, điều kiện thực tế của nhà trường để điều chỉnh quy mô tuyển sinh cho phù hợp; Mở rộng đối tượng tuyển sinh; tăng số lượng đào tạo sơ cấp để đáp ứng nhu cầu của người học; Đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo, nhà trường giao phòng chức năng tham mưu xây dựng quy chế tuyển sinh, quy chế tổ chức đào tạo để tổ chức theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ và theo niên chế.

Khoa Cơ khí chính xác tích cực triển khai công tác đổi mới phương pháp dạy học theo hướng lấy người học làm trung tâm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Đồng thời, đẩy mạnh hơn nữa việc ứng dụng công nghệ thông tin vào việc dạy học và quản lý, sử dụng hiệu quả; Triệt để áp dụng phương pháp dạy học tích cực.

Nhà trường và Khoa tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tổ chức đào tạo và nghiệp vụ quản lý đào tạo.

Tích cực mở rộng quan hệ doanh nghiệp, gắn kết đào tạo với nội dung, công việc của doanh nghiệp để giáo viên và người học có điều kiện tiếp cận với công việc thực tế tại doanh và các công nghệ mới của ô tô.

Điểm đánh giá tiêu chí 2.

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 2	14
Tiêu chuẩn 1	02
Tiêu chuẩn 2	02
Tiêu chuẩn 3	02
Tiêu chuẩn 4	02
Tiêu chuẩn 5	02
Tiêu chuẩn 6	02
Tiêu chuẩn 7	02

Tiêu chuẩn 2.1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào Thông tư 07/2019/TT – BLĐTBXH để phù hợp với tình hình thực tế tuyển sinh của Trường, Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương đã ban hành Quy chế tuyển sinh, trong đó quy định rõ đối tượng tuyển sinh, hình thức xét tuyển, các quy định cụ thể trong công tác tuyển sinh, thủ tục và hồ sơ đăng ký học nghề, đảm bảo tuân thủ đúng quy chế của Bộ LĐTBXH, phù hợp với khu vực tuyển sinh và đối tượng tuyển sinh cũng như các đặc điểm riêng của Trường để áp dụng cho toàn trường, trong đó có nghề Cắt gọt kim loại. Từ năm học 2022-2023, Trường xây dựng, ban hành áp dụng quy chế tuyển sinh mới theo quy định tại Thông tư số 05/2021/TT-BLĐTBXH. *(2.1.01 – Quy chế tuyển sinh của nhà trường các năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023).*

Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh *(1.1.06 – Kế hoạch tuyển sinh các năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023)*, thành lập Hội đồng tuyển sinh và các Ban Thư ký giúp việc cho Hội đồng Tuyển sinh. Hội đồng Tuyển sinh họp phân công nhiệm vụ cho Ban Thư ký giúp việc và thực hiện tuyển sinh trong năm học *(2.1.02 – Quyết thành lập hội đồng Tuyển sinh và ban thư ký giúp việc cho Hội đồng Tuyển sinh).*

Chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm nhà trường phân bổ cho nghề Cắt gọt kim loại căn cứ giấy phép đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp và nhu cầu thực tế của người học, cụ thể như sau:

Năm học 2019 – 2020: 50 học sinh hệ trung cấp

Năm học 2020 – 2021: 50 học sinh hệ trung cấp

Năm học 2021 – 2022: 50 học sinh hệ trung cấp

Kết quả tuyển sinh trong các năm học như sau:

Năm học 2019 – 2020: 40/50 học sinh; So với chỉ tiêu đạt 80 %.

Năm học 2020 – 2021: 46/50 học sinh; So với chỉ tiêu đạt 92%.

Năm học 2021 – 2022: 42/50 học sinh; So với chỉ tiêu đạt 84%.

Căn cứ vào kết quả tuyển sinh, nhà trường lập danh sách học sinh trúng tuyển và ban hành quyết định trúng tuyển *(2.1.03 – Biên bản họp hội đồng tuyển sinh các năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.1.04 - Quyết định công nhận trúng tuyển các năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023).*

Mọi thông tin về công tác tuyển sinh được đăng tải trên trang web của Trường, *(2.1.05 – Thông tin tuyển sinh các năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023).*

(2.1.06 – Quyết định mở lớp, danh sách học sinh nghề Cắt gọt kim loại các năm học 2020-2021, 2021-2022).

Đối chiếu các số liệu trên với hướng dẫn tại Công văn 454/CV- TCGDNN về chỉ tiêu tuyển sinh, năm học 2021-2022 đảm bảo quy định.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 2: 02 điểm

Tiêu chuẩn 2.2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào các quyết định mở lớp đã được Hiệu trưởng phê duyệt, Phòng Đào tạo xây dựng kế hoạch và tiến độ đào tạo. Việc triển khai tổ chức đào tạo được thực hiện theo quy định tại Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/03/2017 quy định việc tổ chức thực hiện CTĐT trình độ TC, CĐ theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp và Thông tư số 23/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06/12/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về danh mục hồ sơ, sổ sách trong đào tạo trình độ TC, trình độ CĐ.

Căn cứ Tiến độ đào tạo năm học, Kế hoạch đào tạo của từng khóa đào tạo nghề Cắt gọt kim loại, khoa Cơ khí chính xác lập kế hoạch phân công giảng dạy, thời khóa biểu giảng dạy cho các giáo viên trong khoa; thời gian, thời lượng giảng dạy; địa điểm giảng dạy phù hợp với MH/MĐ. Cụ thể: các môn học lý thuyết bố trí học tại các phòng học lý thuyết có trang bị đầy đủ các điều kiện ánh sáng, quạt mát, màn hình/máy chiếu. Đối với MĐ tổ chức đào tạo tại các phòng thực hành chuyên môn nghề, có đầy đủ các điều kiện trang thiết bị, vật tư vật liệu thực hành theo yêu cầu quy định trong từng mô đun, từng bài tích hợp, thực hành. Mỗi giáo viên được phân công giảng dạy MH/MĐ tiến hành chuẩn bị hồ sơ giảng dạy (*Căn cứ vào hướng dẫn tại Thông tư số 23/2018/TT- BLĐTBXH ngày 06/12/2018 quy định về hồ sơ, sổ sách trong đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng*).

(2.2.01 - Kế hoạch đào tạo, Tiến độ đào tạo các năm học 2020 -2021, 2021-2022;

2.2.02 - Kế hoạch giáo viên của khoa Cơ khí chính xác các năm học 2020 - 2021, 2021-2022;

2.2.03 - Thời khóa biểu các lớp khoa Cơ khí chính xác các năm học 2020 -2021, 2021-2022;

2.2.04 - Kế hoạch giảng dạy của giáo viên khoa Cơ khí chính xác các năm học 2020 - 2021, 2021-2022;

2.2.05 – Quyết định phân công giáo viên chủ nhiệm các năm học 2020 -2021, 2021-2022;

2.2.06 - Hồ sơ giảng dạy của giáo viên khoa Cơ khí chính xác các năm học 2020 -2021, 2021-2022).

Số lượng các lớp nghề Cắt gọt kim loại đào tạo trong các năm học như sau:

- Năm 2020 - 2021: Tổ chức đào tạo 01 lớp 18K12-2; 02 lớp 19K13; 02 lớp 20K14.
- Năm 2021 - 2022: Tổ chức đào tạo 01 lớp 19K13-2; 02 lớp 20K14; 01 lớp 21K15.

Phòng Đào tạo thực hiện kiểm tra công tác đào tạo, thường xuyên kiểm tra việc chấp hành các quy định của giáo viên và người học. *(2.2.07 – Phiếu kiểm tra, giám sát tình hình giảng dạy các năm học 2020 -2021, 2021-2022; 2.2.08 – Biên bản về kiểm tra hồ sơ đào tạo các năm học 2020 -2021, 2021-2022).*

Hàng năm, theo kế hoạch của trường, khoa đều tổ chức lấy ý kiến của giáo viên và người học nghề Cắt gọt kim loại về việc thực hiện các hoạt động dạy và học qua thực hiện phiếu khảo sát (2.2.09 – *Bảng tổng hợp kết quả khảo sát ý kiến giáo viên các năm học 2020-2021, 2021-2022*; 2.2.10 - *Bảng tổng hợp kết quả khảo sát ý kiến người học các năm học 2020-2021, 2021-2022*)

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 2: 02 điểm

Tiêu chuẩn 2.3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Khoa Cơ khí chính xác đã thực hiện đúng thời lượng, thời gian, phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, đảm bảo kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn.

Theo quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại được thiết kế đảm bảo tỷ lệ lý thuyết và thực hành: Chương trình trung cấp có số lượng 64 tín chỉ, tỷ lệ thời gian phân bổ giữa lý thuyết/thực hành là 24/76; mặt khác các nội dung chuyên môn trong chương trình đào tạo đều được thiết kế theo các mô đun tích hợp giữa nội dung kiến thức lý thuyết và kỹ năng nghề nghiệp, do đó tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích hợp.

(1.1.04 - Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2017).

Để phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm của người học, trong quá trình giảng dạy giáo viên của khoa đã áp dụng nhiều phương pháp giảng dạy tích cực hướng tới người học: phương pháp nêu vấn đề; phương pháp thảo luận nhóm; giao bài tập áp dụng để trang bị kiến thức chuyên môn đồng thời kết hợp rèn luyện năng lực thực hành thông qua thao tác làm mẫu. Đồng thời phát huy tối đa hiệu quả sử dụng của trang thiết bị dạy học như: máy chiếu, mô hình học cụ, phần mềm dạy học. Nghề Cắt gọt kim loại là nghề trọng điểm ASEAN vì vậy các thiết bị đào tạo được đầu tư tương đối đủ và đồng bộ, người học thực hành chủ yếu trên các thiết bị thật (các máy gia công cơ khí vạn năng và máy CNC); Sắp xếp, bố trí phòng học theo hướng dạy tích hợp, tích hợp giảng dạy lý thuyết kết hợp với thực hành tại các phòng chuyên môn và xưởng thực hành nghề Cắt gọt kim loại. Các bài tập thực hành đều chia nhóm để người học luyện tập. Các cá nhân trong nhóm độc lập với nhiệm vụ được giao,

đồng thời có sự liên kết nhóm để hoàn thiện bài tập *(2.2.06 - Hồ sơ giảng dạy của giáo viên năm học 2020 -2021, 2021-2022)*.

Nhà trường, Khoa, cũng thường xuyên tổ chức thực hiện việc dự giờ chuyên môn, định kỳ tổ chức hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp cấp trường theo quy định. Có biên bản nhận xét đánh giá giờ dự thể hiện rõ giáo viên thực hiện nhiều phương pháp dạy học phát huy được tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm của người học. *(2.3.01 – Các phiếu dự giờ giáo viên khoa Cơ khí chính xác các năm học 2020 -2021, 2021-2022)*.

Quá trình thực tập tại doanh nghiệp, nhà trường cũng triệt để áp dụng phương pháp thực tập nhóm để người học rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tổ chức các công việc theo nhóm sản xuất, giúp người học rèn luyện đầy đủ các kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và kỹ năng quản lý, qua đó phát huy tính độc lập, sáng tạo, nâng cao kỹ năng chuyên môn và một số kỹ năng mềm của người học *(2.3.02 - Báo cáo thực tập tại doanh nghiệp của người học các năm học 2020 -2021, 2021-2022)*.

Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.

Để nâng cao hiệu quả hoạt động dạy và học, các giáo viên của khoa chú trọng việc ứng dụng công nghệ và ứng dụng các phần mềm hỗ trợ soạn giáo án, bài giảng, giáo trình, bài giảng điện tử; dựng video clip thực hành. Nghề Cắt gọt kim loại có 16/16 môn học, mô đun chuyên môn sử dụng phần mềm mô phỏng, đảm bảo 100% các mô đun/môn học chuyên môn ngành, nghề có sử dụng thiết bị mô phỏng, thiết bị thực tế ảo hoặc phần mềm mô phỏng như: Autocad, MastercamX, SSCNC, PowerPoint. Ngoài ra, nhà trường cung cấp phần mềm quản lý đào tạo nhập số điểm các môn học, mô đun cho học sinh của nghề Cắt gọt kim loại. *(2.3.03 – Danh sách MH/MĐ sử dụng, các phần mềm mô phỏng; Phần mềm quản lý đào tạo)*.

100% chương trình, giáo trình, tài liệu tham khảo nghề Cắt gọt kim loại được cập nhật tại thư viện điện tử của trường tạo điều kiện để giáo viên và người học dễ dàng tra cứu, tự học tập, nghiên cứu.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 2: 02 điểm

Tiêu chuẩn 2.4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp nghề Cắt gọt kim loại, người học có 08 tuần thực tập tại doanh nghiệp (chương trình trung cấp). Căn cứ vào kế hoạch, tiến độ đào tạo; căn cứ vào các biên bản, hợp đồng đã có với doanh nghiệp, Bộ phận Quan hệ doanh nghiệp và giới thiệu việc làm tại phòng Đào tạo, khoa Cơ khí chính xác phối hợp

xây dựng kế hoạch thực hành, thực tập cho học sinh. Sau khi có kế hoạch thực tập tại doanh nghiệp, Hiệu trưởng nhà trường sẽ ra quyết định cử học sinh đi thực tập tại doanh nghiệp (có danh sách kèm theo). Kèm theo quyết định cử học sinh đi thực tập tại doanh nghiệp là quyết định cử giáo viên đi hướng dẫn học sinh tại doanh nghiệp. Căn cứ nội dung chương trình đào tạo, giáo viên xây dựng đề cương thực hành, thực tập doanh nghiệp, hướng dẫn học sinh. Đối với học sinh hệ trung cấp thời gian thực tập được bố trí sau khi kết thúc học các môn học, mô đun chuyên môn nghề. *(1.1.04- Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2017; 2.4.01 – Chương trình MĐ TTNN, MĐ TTTN - Nằm trong CT đào tạo)*

Trong các năm 2019 – 2021 khoa Cơ khí chính xác đã liên kết với các doanh nghiệp để đưa học sinh nghề Cắt gọt kim loại của khoa đến thực tập như sau:

Năm học 2020 – 2021: Có tổng số 25 học sinh thực tập

Năm học 2021 – 2022: Có tổng số 17 học sinh thực tập

(2.4.02- Kế hoạch thực tập tốt nghiệp các năm học 2020-2021, 2021-2022; 2.4.03 - Các quyết định phân công giáo viên hướng dẫn và cử học sinh thực tập tốt nghiệp các năm học 2020-2021, 2021-2022).

Kết thúc các đợt thực tập, học sinh làm báo cáo quá trình thực tập có xác nhận của quản lý phân xưởng các công ty để nhà trường làm cơ sở đánh giá điểm cho học sinh sinh viên *(2.4.04 – Phiếu đánh giá kết quả thực tập tốt nghiệp của học sinh các năm học 2020-2021, 2021-2022; 2.4.05 - Bảng điểm MĐ Thực tập tốt nghiệp các năm học 2020-2021, 2021-2022).*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 2: 02 điểm

Tiêu chuẩn 2.5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện.

Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; Căn cứ vào quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập trường ban hành; sau khi kết thúc từng môn học, mô đun và sau khi kết thúc khóa học, theo kế hoạch đào tạo của trường, khoa Cơ khí chính xác đã tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập theo quy định.

Thi kết thúc môn học, mô đun.

Tổ chức kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ do giáo viên giảng dạy môn học/mô đun thực hiện, số giờ được quy định cụ thể trong chương trình môn học, mô đun và được quy định trong Quy chế đào tạo theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp của Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương ban hành kèm theo Quyết định số 58/QĐ-KTCNHV-ĐT ngày 17/4/2019 *(2.5.01 - Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 58/QĐ-KTCNHV-ĐT ngày 17/4/2019)* và Quy chế thi kết thúc MH/MĐ học kỳ hệ trung cấp của Trường *(2.5.02 - Quy chế thi học kỳ hệ trung cấp ban hành kèm theo Quyết định số 05/QĐ-KTCNHV-KTĐB ngày 03/01/2020)*.

Tổ chức thi kết thúc MĐ/MH: căn cứ tiến độ đào tạo, phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng tham mưu lịch tổ chức thi, BGH phê duyệt lịch thi kết thúc MĐ/MH. *(2.5.03 Lịch thi kết thúc MĐ/MH các năm học 2020-2021, 2021-2022)*.

Khoa phân công giáo viên biên soạn, in ấn đề thi, khoa và phòng chức năng phê duyệt đề thi kết thúc MĐ/MH *(2.5.04- Biểu mẫu đề thi, phiếu chấm điểm thi kết thúc MĐ/MH các năm học 2020-2021, 2021-2022)*.

Tổ chức coi thi, chấm thi kết thúc MĐ/MH gồm 02 giáo viên và rọc phách, ghép phách theo đúng Quy định về tổ chức, quản lý kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc MH/MĐ. Việc đánh giá kết quả học tập của học sinh đảm bảo đúng nguyên tắc theo thang điểm 10, trên cơ sở đó đánh giá kết quả học tập học sinh đạt hay không đạt. Kết quả điểm thi kết thúc MĐ/MH được thông báo cho người học biết *(2.5.05 – Danh sách học sinh dự thi, Phiếu chấm điểm thi kết thúc MH/MĐ các năm học 2020-2021, 2021-2022; 2.5.06 - Bảng ghi điểm thi kết thúc MĐ/MH các năm học 2020-2021, 2021-2022)*

Về việc tổ chức xét công nhận tốt nghiệp.

Căn cứ kết quả học tập, rèn luyện của toàn khóa học, Phòng Đào tạo tham mưu trình Hội đồng xét tốt nghiệp tổ chức xét công nhận kết quả tốt nghiệp và xếp loại tốt nghiệp cho người học đúng quy định. Năm học 2019-2020, có 12 học sinh hệ trung cấp nghề Cắt gọt kim loại tốt nghiệp; Năm học 2020-2021, có 12 học sinh hệ trung cấp nghề Cắt gọt kim loại tốt nghiệp; năm học 2021-2022, có 17 học sinh viên hệ trung cấp nghề Cắt gọt kim loại tốt nghiệp.

(2.5.07 - Biên bản xét công nhận tốt nghiệp và xếp loại tốt nghiệp các năm học 2020-2021, 2021-2022; 2.5.08 - Quyết định công nhận tốt nghiệp các năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, kèm danh sách học sinh tốt nghiệp nghề Cắt gọt kim loại)

Để cụ thể hơn các bước thực hiện và đơn vị thực hiện, cụ thể hóa biểu mẫu thực hiện, Nhà trường ban hành các bộ quy trình đảm bảo chất lượng, trong đó có quy thi, đánh giá kết quả học tập học kỳ hệ trung cấp; quy trình xét công nhận tốt nghiệp *(2.5.09 - Quy trình thi, đánh giá kết quả học tập học kỳ hệ trung cấp; 2.5.10 – Quy trình xét công nhận tốt nghiệp học sinh hệ trung cấp)*.

Việc đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh hệ trung cấp đảm bảo quy trình, đúng nguyên tắc theo thang điểm 100 trên cơ sở bốn nội dung: Ý thức, thái độ và kết quả học tập; Ý thức chấp hành pháp luật và nội quy, quy chế của nhà trường; Ý thức tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội; Ý thức và kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, công tác đoàn thể của Khoa (2.5.11 – Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện học sinh hệ trung cấp; 2.5.12 – Quyết định kèm danh sách công nhận kết quả rèn luyện của học sinh các năm học 2020-2021, 2021-2022).

Cấp văn bằng chứng chỉ.

Hoạt động cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học thời điểm hiện tại của Nhà trường gồm: cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời, bằng điểm, bằng tốt nghiệp được thực hiện đúng theo quy định tại Thông tư số 10/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 13/3/2017, Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 26/12/2018 Sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 10/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 13/3/2017 quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát. đảm bảo đúng quy định, khách quan, công bằng. Đơn vị đầu mối quản lý, cấp phát văn bằng là phòng Công tác học sinh, sinh viên. Đã có 12 học sinh hệ trung cấp nghề Cắt gọt kim loại được cấp bằng tốt nghiệp trung cấp năm 2020, đã có 12 học sinh hệ trung cấp nghề Cắt gọt kim loại được cấp bằng tốt nghiệp trung cấp năm 2021; đang tổ chức in và cấp phát bằng tốt nghiệp cho 17 học sinh tốt nghiệp năm 2022.

(2.5.13 - Sổ cấp phát bằng tốt nghiệp cho người học các năm học 2020-2021, 2021-2022; 2.5.14 - Báo cáo về việc cấp phát văn bằng, chứng chỉ các năm học 2020-2021, 2021-2022; 2.5.15 - Quy trình cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học).

Có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.

Hồ sơ học sinh từ hồ sơ tuyển sinh, hồ sơ dữ liệu học tập cá nhân được Nhà trường lưu trữ đầy đủ theo quy định đảm bảo bảo khoa học, chính xác, tiện tra cứu. Phòng Công tác học sinh, sinh viên có trách nhiệm lưu trữ, cập nhật hồ sơ người học đầy đủ theo quy định. (2.5.16 – Hồ sơ học nghề của học sinh nghề Cắt gọt kim loại các khóa 20K14, 21K15).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 2: 02 điểm

Tiêu chuẩn 2.6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào kế hoạch, tiến độ đào tạo, để đảm bảo các hoạt động dạy và học được tổ chức đúng kế hoạch, đầu năm học Phòng Đào tạo xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát thường xuyên, định kỳ và đột xuất các hoạt động đào tạo của các khoa.

Phòng Đào tạo và Khoa kiểm tra thường xuyên và đột xuất các hoạt động dạy và học của các Thầy/Cô và học sinh trong khoa. Từng học kỳ có kế hoạch kiểm tra toàn diện các hoạt động bao gồm hoạt động dạy và học của giáo viên và học sinh đảm bảo đúng kế hoạch đã được phê duyệt.

(2.6.01 - Kế hoạch kiểm tra, giám sát hoạt động đào tạo các năm học 2020-2021, 2021-2022).

Sau mỗi lần kiểm tra, Phòng Đào tạo đều có báo cáo kết quả kiểm tra định kỳ hàng tuần, trong đó nêu lên những điểm đạt và những điểm chưa đạt trong quá trình dạy và học. Từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy và học cũng như chất lượng đào tạo nghề Cắt gọt kim loại. Kết quả cho thấy, qua các đợt kiểm tra, Khoa Cơ khí chính xác đã kịp thời có các kế hoạch điều chỉnh hoạt động dạy và học phù hợp, đảm bảo kế hoạch, nội dung chương trình được thực hiện đầy đủ.

(2.2.07 – Phiếu kiểm tra, giám sát tình hình giảng dạy các năm học 2020 -2021, 2021-2022; 2.6.02 - Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động các năm học 2020 -2021, 2021-2022).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

*** Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 2: 02 điểm.**

Tiêu chuẩn 2.7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định

Trên cơ sở các quy định tại Thông tư số 27/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp. Trường đã ban hành quy định hướng dẫn đào tạo liên thông phù hợp với điều kiện của từng khoa chuyên môn.

Để đảm bảo điều kiện đào tạo liên thông, khoa Cơ khí chính xác đã xây dựng chương trình đào tạo liên thông từ sơ cấp lên trung cấp nghề Cắt gọt kim loại và tổ chức tuyển sinh đào tạo từ năm học 2021 – 2022 theo quy định tại thông tư 05/2017/TT-BLĐTBXH.

(2.7.01- Quyết định số 02/QĐ-KTCNVH-ĐT ngày 02/01/2018 của Hiệu trưởng trường TCN KTCN Hùng Vương về việc ban hành Quy định về tổ chức đào tạo liên thông các cấp đào tạo;

2.7.02- Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành chương trình đào tạo liên thông ngành, nghề Cắt gọt kim loại từ trình độ sơ cấp lên trung cấp năm 2021 (kèm Chương trình đào tạo liên thông);

1.1.03 – Giấy phép đăng ký hoạt động GDNN số 23/GCNĐKHD-SLĐTBXH)

Trên cơ sở chương trình đào tạo và qui định về đào tạo liên thông đã ban hành, Nhà Trường đã bắt đầu tuyển sinh liên thông từ năm 2021 đến nay. Công tác tuyển sinh liên thông được tổ chức cùng các đợt tuyển sinh của trường và đảm bảo theo qui định. Mặc dù Trường tổ chức tuyển sinh liên thông theo đúng qui định nhưng trong 02 năm 2021, 2022 số lượng đăng ký xét tuyển liên thông không đủ để mở lớp, cụ thể:

TT	Nghề tuyển sinh đào tạo liên thông	Kết quả tuyển sinh
----	------------------------------------	--------------------

		2021	2022
1	Cắt gọt kim loại	3	3

(2.7.03 - Các Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành quy chế tuyển sinh đào tạo liên thông từ trình độ sơ cấp lên trình độ trung cấp năm học 2021-2022, 2022-2023;

2.7.04 - Các Thông báo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về tuyển sinh đào tạo liên thông từ sơ cấp lên trung cấp năm học 2021-2022, 2022-2023;

2.7.05 - Các Báo cáo của Phòng Đào tạo về kết quả tuyển sinh đào tạo liên thông từ sơ cấp lên trung cấp năm học 2021-2022, 2022-2022).

Như vậy, trường đã có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

*** Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 2: 02 điểm.**

2.2.3 TIÊU CHÍ 3: NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN.

Mở đầu:

Hiện tại, Khoa Cơ khí chính xác có tổng số 05 giáo viên. Tất cả các giáo viên của khoa đều là giáo viên cơ hữu giảng dạy nghề Cắt gọt kim loại. 100% giáo viên, cán bộ quản lý của khoa đảm bảo đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ; Khoa có đủ số lượng giáo viên giảng dạy các môn học, mô đun của chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại đáp ứng yêu cầu giảng dạy; Tỷ lệ giáo viên/người học quy đổi đều đạt chỉ tiêu quy định (nhỏ hơn 25)

Khoa Cơ khí chính xác và các cá nhân đều hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Định kỳ, 100% giáo viên của Khoa đều tham gia các hoạt động như: Hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp; nghiên cứu khoa học.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên thường xuyên được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý và chuyên môn, lý luận chính trị; hàng năm 100% giáo viên giảng dạy chuyên môn nghề đều tham gia thực tập tại các doanh nghiệp lĩnh vực Cắt gọt kim loại.

*** Những điểm mạnh**

Trong các năm từ 2019 đến 2021, 100% giáo viên, cán bộ quản lý hoàn thành, hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

100% giáo viên tham gia giảng dạy nghề Cắt gọt kim loại đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ. Theo quy định tại Thông tư 08/2017 TT- BLĐTBXH ngày 10/3/2017, Thông tư số 21/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2020.

Tỷ lệ giáo viên/người học quy đổi đạt yêu cầu so với quy định (nhỏ hơn 1/25)

*** Điểm tồn tại:**

- Chưa đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp là 10 học sinh theo quy định đối với ngành, nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo Danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng*

Từ năm học 2022 – 2023, Nhà trường cần tuyển thêm giáo viên cơ hữu giảng dạy chuyên môn nghề Cắt gọt kim loại.

Bố trí số người học/lớp đúng theo quy định.

Nhà trường và Khoa hỗ trợ để các giáo viên trẻ học sau đại học chuyên ngành, Ngoại ngữ thông thạo, nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển trường thành Trường trọng điểm, tiếp cận trình độ khu vực và Quốc tế.

Nhà trường và Khoa tập trung rà soát, quy hoạch đội ngũ cán bộ quản lý trẻ ở vị trí lãnh đạo khoa hoặc cán bộ kế cận học sau đại học, ngoại ngữ thông thạo, và các kỹ năng về quản lý.

Điểm đánh giá tiêu chí 3

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 3	16
Tiêu chuẩn 1	02
Tiêu chuẩn 2	02
Tiêu chuẩn 3	00
Tiêu chuẩn 4	02
Tiêu chuẩn 5	02
Tiêu chuẩn 6	02
Tiêu chuẩn 7	02
Tiêu chuẩn 8	02

Tiêu chuẩn 3.1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định.

Căn cứ Thông tư 08/2017 TT- BLĐTBXH ngày 10/3/2017, Thông tư số 21/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2020 Quy định về chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp được thể hiện qua các số liệu cụ thể như sau:

Năm học 2020 – 2021:

Số giáo viên tham giảng dạy chương trình nghề cắt gọt kim loại tại khoa Cơ khí chính xác: 10 giáo viên. Trong đó:

1. Tổ chức giảng dạy 06 môn học chung: 05 giáo viên thỉnh giảng
2. Tổ chức giảng dạy môn học, mô đun cơ sở và chuyên môn: 05 giáo viên, trong đó 03 giáo viên cơ hữu, 01 giáo viên qua ban từ khoa khác, 01 giáo viên thỉnh giảng. Trong đó:
 - Trình độ chuyên môn: 02 Thạc sỹ, 01 Kỹ sư, 02 cao đẳng.
 - Tin học: 05/05 giáo viên đạt tiêu chuẩn theo quy định
 - Ngoại ngữ: 05/05 giáo viên đạt tiêu chuẩn theo quy định
 - Nghiệp vụ sư phạm: 05/05 đạt trình độ sư phạm theo quy định

- Kỹ năng nghề: 05/05 đạt trình độ kỹ năng nghề theo quy định.

Năm học 2021 – 2022:

Số giáo viên tham giảng dạy chương trình nghề cắt gọt kim loại tại khoa Cơ khí chính xác: 10 giáo viên. Trong đó:

1. Tổ chức giảng dạy 06 môn học chung: 05 giáo viên thỉnh giảng
2. Tổ chức giảng dạy môn học, mô đun cơ sở và chuyên môn: 05 giáo viên, trong đó 03 giáo viên cơ hữu, 01 giáo viên qua ban từ khoa khác, 01 giáo viên thỉnh giảng. Trong đó:
 - Trình độ chuyên môn: 02 Thạc sỹ, 01 Kỹ sư, 02 cao đẳng.
 - Tin học: 05/05 giáo viên đạt tiêu chuẩn theo quy định
 - Ngoại ngữ: 05/05 giáo viên đạt tiêu chuẩn theo quy định
 - Nghiệp vụ sư phạm 05/05 đạt trình độ sư phạm theo quy định
 - Kỹ năng nghề: 05/05 đạt trình độ kỹ năng nghề theo quy định.

(3.1.01 – Danh sách trích ngang kèm theo hồ sơ lý lịch giáo viên cơ hữu tham gia giảng dạy nghề Cắt gọt kim loại , 2.2.02 – Kế hoạch giáo viên của khoa Cơ khí chính xác các năm học 2020 - 2021, 2021-2022).

Trường nhận định: 100% giáo viên tham gia giảng dạy nghề Cắt gọt kim loại có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đúng theo Quy định.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

*** Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 3: 02 điểm.**

Tiêu chuẩn 3.2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Thông tư số 07/2017/TT –BLĐTBXH ngày 10/3/2017 Quy định về chế độ làm việc của Nhà giáo giáo dục nghề nghiệp. Nhà trường ban hành chế độ làm việc của Nhà giáo *(3.2.01 - Quyết định số 61/QĐ-KTCNHV ngày 02/5/2018 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương về ban hành Quy chế làm việc của giáo viên tại Trường; 3.2.02- Nội quy cơ quan của Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương).* Căn cứ chế độ làm việc của giáo viên, khoa phân công nhiệm vụ cho từng giáo viên phù hợp với năng lực cá nhân và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của đơn vị:

Nhiệm vụ giảng dạy: 100% giáo viên khoa Cơ khí chính xác – nghề Cắt gọt kim loại đều được phân công giảng dạy. Do số lượng giáo viên dạy nghề Cắt gọt kim loại là 05 giáo viên do vậy 100% giáo viên đều giảng dạy đạt và vượt giờ tiêu chuẩn.

(2.2.02 - Kế hoạch giáo viên của khoa Cơ khí chính xác các năm học 2020 - 2021, 2021-2022;

2.2.03 - Thời khóa biểu các lớp khoa Cơ khí chính xác các năm học 2020 -2021, 2021-2022;

2.2.04 - Kế hoạch giảng dạy của giáo viên khoa Cơ khí chính xác các năm học 2020 - 2021, 2021-2022;).

Ngoài nhiệm vụ chính là giảng dạy đối với toàn thể giáo viên trong đơn vị còn thực hiện các nhiệm vụ khác theo chức năng nhiệm vụ cụ thể: Thực hiện công tác giáo viên chủ nhiệm, quản lý phòng thực hành, học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, huấn luyện học sinh giỏi nghề các cấp, tham gia hội giảng giáo viên các cấp, hội thi thiết bị dạy nghề tự làm, xây dựng chương trình, giáo trình, chuyển giao công nghệ, thực tập, bồi dưỡng tại doanh nghiệp (2.2.05 – *Quyết định phân công giáo viên chủ nhiệm các năm học 2020 -2021, 2021-2022*; 3.2.03 – *Danh sách cử giáo viên đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ*); Hàng năm, Khoa đã xây dựng kế hoạch hội giảng các cấp, Kế hoạch ôn luyện học sinh giỏi nghề các cấp và yêu cầu 100% giáo viên tham gia (3.2.04 - *Bảng tổng hợp giờ giảng của giáo viên các năm học 2020 – 2021, 2021-2022*; 3.2.05 – *Biên bản họp giao nhiệm vụ của khoa Cơ khí chính xác các năm học 2020-2021, 2021-2022*)

Kết thúc năm học, nhà trường có văn bản hướng dẫn khoa chuyên môn tổ chức họp đánh giá xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên theo hướng dẫn tại Thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH. Kết quả xếp loại giáo viên của khoa như sau:

Năm 2020 - 2021: 03/03 giáo viên loại A, đạt 100%.

Năm 2021 – 2022: 03/03 giáo viên loại A, đạt 100%.

(3.2.06 – *Kết quả xếp loại CBGVNV các năm học 2020-2021, 2021-2022*; 3.2.07 – *Phiếu đánh giá, xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ giáo viên các năm học 2020-2021, 2021-2022*; 3.2.08 – *Phiếu tổng hợp đánh giá, xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ giáo viên của khoa Cơ khí chính xác các năm học 2020 – 2021, 2021-2022*).

Trên cơ sở hoạt động chuyên môn của đơn vị, cuối năm khoa thực hiện báo cáo tổng kết và đề ra phương hướng nhiệm vụ cho những năm tiếp theo và căn cứ vào báo cáo tổng kết của khoa nhà trường tổng kết năm học để đánh giá, tổng kết những việc đã làm được những mặt còn tồn tại hạn chế đồng thời đề ra phương hướng nhiệm vụ cho năm học tiếp theo (1.2.02 - *Báo cáo tổng kết công tác các năm học 2020-2021, 2021-2022 của khoa Cơ khí chính xác*; 1.2.03 - *Báo cáo tổng kết công tác các năm 2020, 2021, 9 tháng đầu năm 2022 của Trường*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 3: 02 điểm.

Tiêu chuẩn 3.3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định.

Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp.

Căn cứ vào kế hoạch, tiến độ đào tạo của Nhà trường từng học kỳ, khoa Cơ khí chính xác thực hiện phân công giáo viên giảng dạy các môn học, mô đun nghề Cắt gọt kim loại đảm bảo không bị chồng chéo hoặc trùng giáo viên. Các số liệu cụ thể thống kê theo từng năm học như sau:

Năm học 2020 – 2021:

Tổng số giờ giảng dạy môn học mô đun theo kế hoạch: 2.511 giờ .

Số giáo viên được phân công giảng dạy theo kế hoạch: 05 người.

Năm học 2021 – 2022:

Tổng số giờ giảng dạy môn học mô đun theo kế hoạch: 1.587 giờ.

Số giáo viên được phân công giảng dạy theo kế hoạch: 05 người.

(2.2.01 - Kế hoạch đào tạo, Tiến độ đào tạo các năm học 2020 -2021, 2021-2022;

2.2.02 - Kế hoạch giáo viên của khoa Cơ khí chính xác các năm học 2020 - 2021, 2021-2022;

2.2.03 - Thời khóa biểu các lớp khoa Cơ khí chính xác các năm học 2020 -2021, 2021-2022;

2.2.04 - Kế hoạch giảng dạy của giáo viên khoa Cơ khí chính xác các năm học 2020 - 2021, 2021-2022;

3.3.01 - Danh sách giáo viên giảng dạy môn học, mô đun năm học 2020 – 2021, 2021-2022;

3.2.04 – Bảng tổng hợp giờ giảng các năm học 2020 – 2021, 2021-2022;

1.1.04 - Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2017)

Các số liệu và minh chứng cho thấy khoa Cơ khí chính xác đảm bảo đủ giáo viên giảng dạy tất cả các mô đun, môn học nghề cắt gọt kim loại trong từng năm học.

Đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.

Tỷ lệ số người học/lớp:

Quyết định mở lớp trung cấp theo quyết định mở lớp của Hiệu trưởng nhà trường đối với nghề Cắt gọt kim loại các năm học như sau:

- Năm 2020 - 2021: Tổ chức đào tạo 01 lớp 18K12-2 (38 học sinh); 02 lớp 19K13 (19CGKL1: 16 học sinh; 19CGKL2: 24 học sinh); 02 lớp 20K14 (20CGKL1: 12 học sinh; 20CGKL2: 34 học sinh).
- Năm 2021 - 2022: Tổ chức đào tạo 01 lớp 19K13-2 (24 học sinh); 02 lớp 20K14 (20CGKL1: 12 học sinh; 20CGKL2: 34 học sinh); 01 lớp 21K15 (21CGKL2; 17 học sinh).

Trường chưa đảm bảo số người học/lớp của nghề Cắt gọt kim loại theo quy định tại Thông tư 07/2017/TT – BLĐT BXH Quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp (35 học sinh/ lớp lý thuyết; 10 học sinh/ca thực tập)

Tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo

Bảng thống kê tỉ lệ quy đổi HS/giáo viên nghề Cắt gọt kim loại hệ trung cấp các năm học 2020-2021, 2021-2022. Cụ thể:

Nội dung	Năm học	
	2020 – 2021	2021 - 2022
Số lượng học sinh quy đổi	97	69

Số lượng GV quy đổi	3,9	3,9
Tỷ lệ SV/GV	24,9	17,7

(2.1.06 – Quyết định mở lớp, danh sách học sinh nghề Cắt gọt kim loại các năm học 2020-2021, 2021-2022

3.3.01 - Danh sách giáo viên giảng dạy môn học, mô đun năm học 2020 – 2021, 2021-2022;

3.3.02 – Bảng tính quy đổi giáo viên /người học 2020 – 2021, 2021-2022).

Căn cứ Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 8/10/2018 của Chính phủ (tỷ lệ quy định: học sinh quy đổi/giáo viên quy đổi 25/1), tỷ lệ quy đổi giáo viên/người học nghề Cắt gọt kim loại đảm bảo quy định.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn không đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 3: 00 điểm.

Tiêu chuẩn 3.4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Năm 2019 đến năm 2021 nghề Cắt gọt kim loại chưa có đề tài nghiên cứu khoa học và thiết bị dạy nghề tự làm nhưng Nhà trường hàng năm chỉ đạo lập kế hoạch tổ chức hội giảng cấp trường cho các khoa, bộ môn. Trong các đợt hội giảng cấp trường, có 100% giáo viên trong nghề cắt gọt kim loại tham gia và đều đạt loại khá trở lên.

Các số liệu cụ thể như sau:

+ Năm học 2020-2021: 100% Giáo viên tham gia hội giảng cấp trường.

Nội dung hội thi nhà giáo	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Hội giảng cấp trường	03	100

+ Năm học 2021-2022: 100% Giáo viên tham gia hội giảng cấp trường.

Nội dung hội thi nhà giáo	Số lượng	Tỷ lệ(%)
Hội giảng cấp trường	03	100

(3.4.01 – Kế hoạch hội giảng các năm học 2020 – 2021, 2021-2022; Báo cáo kết quả hội giảng cấp trường các năm học 2020 – 2021, 2021-2022; 3.4.02 - Quyết định công nhận giáo viên dạy giỏi cấp trường).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 3: 02 điểm.

Tiêu chuẩn 3. 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đội ngũ viên chức, người lao động của khoa đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ là yếu tố quan trọng góp phần vào sự thành công của Nhà trường. Tính đến hết năm học 2021 -

2022, tổng số đội ngũ nhà giáo giảng dạy nghề Cắt gọt kim loại là 05 giáo viên, trong đó có 03 giáo viên cơ hữu. *(3.5.01- Danh sách trích ngang đội ngũ CBGV của khoa Cơ khí chính xác).*

Nhà trường khuyến khích, tạo điều kiện đội ngũ giáo viên trong khoa được định kỳ bồi dưỡng, nâng cao trình độ theo quy định ở nhiều nội dung, hình thức khác nhau: tập huấn công tác tổ chức cán bộ, Kỹ năng tư vấn hướng nghiệp cho CB,GV; Quản lý cơ sở đào tạo, ứng dụng CNTT, Ngoại ngữ, Quản lý sử dụng tài sản thiết bị, Bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghề, chuyển giao công nghệ thiết bị...

Kết quả thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ giáo viên của khoa trong các năm 2020 – 2022 như sau: (báo cáo chỉ thống kê các giáo viên tham gia giảng dạy nghề Cắt gọt kim loại),

Năm 2020: Số người 03; Nội dung đào tạo bồi dưỡng: Bồi dưỡng chính trị hè cho giáo viên.

Năm 2021: Số người 02; Nội dung đào tạo bồi dưỡng: Kỹ năng đánh giá và đánh giá thí điểm nghề vẽ AutoCad bậc trình độ 3 theo tiêu chuẩn Nhật Bản; Bồi dưỡng chính trị hè cho giáo viên.

Năm 2022: Số người 02; Nội dung đào tạo bồi dưỡng: khóa đào tạo đánh giá viên nghề Đo kiểm cơ khí bậc trình độ 2 theo tiêu chuẩn Nhật Bản; chuyên đề “Đào tạo chất lượng cao trong thời đại 4.0; Bồi dưỡng chính trị hè cho giáo viên.

(3.5.02 – Kế hoạch học tập bồi dưỡng các năm học 2020-2021, 2021-2022 của Trường; 3.5.03– Các Danh sách cử giáo viên đi học tập bồi dưỡng các năm học 2020-2021, 2021-2022; 3.5.04 - Tài liệu/văn bằng chứng chỉ, báo cáo kết quả đào tạo bồi dưỡng các năm học 2020-2021, 2021-2022).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 3 : 02 điểm.

Tiêu chuẩn 3.6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đối với nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, việc bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất, là nhiệm vụ bắt buộc theo Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 Hướng dẫn chế độ làm việc của giáo viên, giảng viên giáo dục nghề nghiệp.

Căn cứ kế hoạch hoạt động, Phòng Đào tạo xây dựng kế hoạch thực tập tại doanh nghiệp của giáo viên định kỳ hàng năm. Nhà trường có công văn, quyết định cử giáo viên đi thực tập tại các doanh nghiệp, phù hợp với tình hình thực tế của Nhà trường. Nội dung thực tập tại doanh nghiệp cập nhật kiến thức, quy trình công nghệ mới; thiết bị máy móc mới tại doanh nghiệp; tìm hiểu cách thức tổ chức sản xuất, hoạt động của doanh nghiệp nơi giáo viên thực tập. Đây là cơ hội tốt giúp cho đội ngũ giáo viên có cơ hội học hỏi, tiếp cận với kỹ thuật công nghệ mới, trao đổi kiến thức, thâm nhập vào thực tế sản xuất của ngành nghề ngoài xã hội để bổ sung kinh nghiệm, đáp ứng yêu cầu giảng dạy.

Kết quả giáo viên cơ hữu giảng dạy các môn chuyên môn nghề Cắt gọt kim loại được đi bồi dưỡng, thực tập tại doanh nghiệp như sau:

+ Năm 2020: 03 giáo viên tham gia thực tập tại các doanh nghiệp như **công ty TNHH Sản xuất cơ khí chính xác Việt Nhật**; nội dung thực tập: tham gia thực tế sản xuất các sản phẩm gia công cơ khí trên máy công cụ CNC, CEA, lập quy trình công nghệ và tổ chức sản xuất tại Công ty.

+ Năm 2021: Do tình hình dịch bệnh Covid19 bùng phát nên 03 giáo viên tham gia thực tập tại nhà trường; nội dung thực tập: tham gia thực tế chế tạo các sản phẩm gia công cơ khí tiện, phay trên máy CNC.

+ Năm 2022: 03 giáo viên tham gia thực tập tại các doanh nghiệp như Công ty Công ty TNHH TM Đan Việt, nội dung thực tập tham gia thực tế sản xuất các sản phẩm gia công cơ khí trên máy công cụ CNC, lập quy trình công nghệ và tổ chức sản xuất tại Công ty.

(3.6.01– Kế hoạch cử giáo viên thực tập tại doanh nghiệp hàng năm 2020, 2021, 2022; 3.6.02 – Danh sách giáo viên cơ hữu của khoa Cơ khí chính xác được cử đi thực tập tại doanh nghiệp năm 2020, 2021, 2022; 3.6.03 – Phiếu đánh giá kết quả thực tập tại doanh nghiệp của giáo viên khoa Cơ khí chính xác năm 2020, 2021, 2022).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 3: 02 điểm.

Tiêu chuẩn 3.7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ tiêu chuẩn quy định về vị trí việc làm đã được Hiệu trưởng phê duyệt; Căn cứ vào Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Nhà trường đã bổ nhiệm cán bộ quản lý cho khoa Cơ khí chính xác là 01 đồng chí Trưởng khoa. Đồng chí lãnh đạo khoa đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ:

TT	Họ tên	Trình độ	NVSP	Tin học	Ngoại Ngữ	Kỹ năng nghề
1	Nguyễn Hữu Đăng	Thạc sĩ	SPDN	B	B1	Bậc 3

(3.7.01- Hồ sơ cá nhân của Trưởng khoa Cơ khí chính xác; Danh sách trích ngang của Trưởng khoa Cơ khí chính xác)

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 3: 02 điểm

Tiêu chuẩn 3.8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên khoa Cơ khí chính xác Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương được giao thực hiện nhiệm vụ dưới hình thức kiêm nhiệm và được xây dựng dựa vào quy trình đề bạt, bổ nhiệm, trường đã căn cứ vào năng

lực, phẩm chất và các tiêu chuẩn theo quy định, được tập thể đơn vị tín nhiệm (**3.8.01. Quyết định bổ nhiệm Trưởng khoa Cơ khí chính xác**). Qua thực tiễn việc thực hiện các nhiệm vụ nhà trường giao có thể đánh giá các đồng chí cán bộ quản lý và giáo viên của khoa luôn chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước; thực hiện tốt theo Quy chế tổ chức hoạt động của Trường, Quy chế tổ chức hoạt động của khoa để hoàn thành các nhiệm vụ chuyên môn được giao.

Trên cơ sở Quy chế tổ chức hoạt động của đơn vị, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên của khoa thực hiện chức năng nhiệm vụ cụ thể:

- Thực hiện kế hoạch giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục, ngoại khóa theo kế hoạch đào tạo hàng năm của nhà trường;
- Quản lý giáo viên, cán bộ và học sinh thuộc khoa theo phân cấp của Hiệu trưởng;
- Thực hiện công tác biên soạn chương trình, giáo trình, học liệu dạy nghề của nghề đào tạo được phân công; tổ chức nghiên cứu đổi mới nội dung, cải tiến phương pháp dạy học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo;
- Quản lý, sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị theo quy định của Hiệu trưởng, đề xuất xây dựng kế hoạch bổ sung, bảo trì trang thiết bị dạy nghề thuộc khoa quản lý;
- Thực hiện các hoạt động thực nghiệm, nghiên cứu khoa học, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào quá trình dạy học, gắn đào tạo với thành quả nghiên cứu khoa học;
- Thực hiện công tác bồi dưỡng đội ngũ giáo viên của khoa;
- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định của Hiệu trưởng;
- Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng phân công.

Kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng năm đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên của Khoa Cơ khí chính xác đều hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

- Hàng năm căn cứ vào quy định đánh giá, phân loại CBGVNV của Nhà trường, khoa Cơ khí chính xác tổ chức bình xét và đánh giá, xếp loại CBGVNV theo quy định, tự nhận xét, đánh giá ưu nhược điểm, mức độ hoàn thành nhiệm vụ trình lên Hội đồng xét thi đua khen thưởng Nhà trường. Kết quả xếp loại của tập thể đơn vị và các cá nhân cán bộ quản lý, giáo viên năm 2020, 2021 như sau:

+ Năm học 2020-2021: Tập thể lao động tiên tiến, Trưởng khoa hoàn thành nhiệm vụ.

+ Năm học 2021-2022: Tập thể lao động xuất sắc, Trưởng khoa hoàn thành tốt nhiệm vụ.

(3.8.02 - Biên bản họp ngày 21/5/2021 của Hội đồng thi đua – khen thưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về đánh giá, xếp loại và xét, đề nghị công nhận danh hiệu thi đua năm học 2020-2021 (kèm bộ Phiếu đánh giá, xếp loại CBGVNV năm học 2020-2021); Biên bản họp ngày 13/6/2022 của Hội đồng thi đua – khen thưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về đánh giá, xếp loại và xét, đề nghị công nhận danh hiệu thi đua năm học 2021-2022 (kèm bộ Phiếu đánh giá, xếp loại CBGVNV năm học 2021-2022))

3.8.03 - Quyết định về công nhận danh hiệu thi đua của CBGVNV Trường năm học 2020-2021 (kèm danh sách); email của Phòng Tổ chức – Hành chính – Quản trị về công bố

danh sách công nhận danh hiệu thi đua năm học 2020-2021); Quyết định về công nhận danh hiệu thi đua của CBGVNV Trường năm học 2021-2022 (kèm danh sách);

1.2.02 - Báo cáo tổng kết công tác các năm học 2020-2021, 2021-2022 của khoa Cơ khí chính xác).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 3: 02 điểm.

2.2.4 TIÊU CHÍ 4: CHƯƠNG TRÌNH, GIÁO TRÌNH

Mở đầu

Chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại được xây dựng, thẩm định, ban hành, đưa vào sử dụng từ năm học 2017 - 2018 theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH. Chương trình thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp, sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp và thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo, phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô đun, môn học của chương trình đào tạo. Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ và đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Trong chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại có tổng số 21 mô học, mô đun cơ sở và chuyên môn nghề. Tất cả các môn học và mô đun đều có đủ giáo trình do giáo viên của trường tự biên soạn biên soạn. Các giáo trình sau khi biên soạn đều được hội đồng thẩm định theo quy trình hướng dẫn tại Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH, được Hiệu trưởng nhà trường ký quyết định ban hành và đưa vào sử dụng từ năm 2018 đến nay. Các bộ giáo trình nghề Cắt gọt kim loại đều thể hiện được các yêu cầu: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực và đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Năm 2022, nhà trường thực hiện rà soát, bổ sung nội dung chương trình đào tạo Cắt gọt kim loại. Hiện nay các bộ giáo trình nghề Cắt gọt kim loại đang được rà soát, điều chỉnh theo nội dung điều chỉnh chương trình đào tạo.

**** Những điểm mạnh***

Trường có đủ các bộ chương trình, giáo trình cho 100% các môn học, mô đun.

Hàng năm các bộ chương trình, giáo trình đều được rà soát, cập nhật và điều chỉnh theo các quy định tại thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH.

**** Điểm tồn tại***

Trường chưa phối hợp với các trường Đại học để xây dựng chương trình đào tạo liên thông

** Kế hoạch nâng cao chất lượng*

Năm học 2022- 2023, Khoa tiếp tục rà soát, điều chỉnh chương trình, giáo trình cho phù hợp với yêu cầu cập nhật công nghệ mới và phương pháp đào tạo tích cực đảm bảo các quy định.

Tiếp tục lập kế hoạch định kỳ khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, người tốt nghiệp và các tổ chức khác để bổ sung điều chỉnh chương trình, giáo trình cho các năm tiếp theo

Nhà trường và Khoa phối hợp với các trường Đại học để xây dựng chương trình đào tạo liên thông

Điểm đánh giá tiêu chí 4

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 4	22
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	0
Tiêu chuẩn 9	2
Tiêu chuẩn 10	2
Tiêu chuẩn 11	2
Tiêu chuẩn 12	2

Tiêu chuẩn 4.1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Xây dựng chương trình đào tạo:

Công tác xây dựng chương trình đào tạo trình độ trung cấp của nghề Cắt gọt kim loại được thực hiện theo đúng hướng dẫn của Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Để cụ thể hóa những nội dung liên quan đến công tác xây dựng chương trình đào tạo, đồng thời phù hợp với điều kiện thực tế, năm 2018 Nhà trường đã xây dựng và ban hành Quy trình xây dựng, lựa chọn chương trình đào tạo hệ trung cấp (***4.1.01 - Quy trình xây dựng/hiệu chỉnh chương trình đào tạo hệ trung cấp***). Hiệu trưởng nhà trường ra quyết định thành lập các Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo, các Hội đồng thẩm định.

Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình nghề Cắt gọt kim loại gồm 08 thành viên, trong đó: 05 thành viên thuộc khoa chuyên môn. Chủ nhiệm là Phó Trưởng khoa Cơ khí chính xác; Phó Chủ nhiệm và các ủy viên là các giáo viên cơ hữu giảng dạy chuyên môn nghề tại khoa; 01 thành viên là Giáo viên khoa Cơ khí chế tạo máy trường Cao đẳng

Công nghệ Thủ Đức; 02 thành viên của ban chủ nhiệm xây dựng chương trình là thành viên thuộc khối doanh nghiệp (01 người Công ty An Bình, 01 người Công ty TNHH cơ khí AM)

Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đã tổ chức triển khai thực hiện theo đúng hướng dẫn như: Xây dựng chương trình; Tổ chức hội thảo lấy ý kiến chuyên gia, giảng viên, cán bộ quản lý, các nhà khoa học, đơn vị sử dụng lao động về chương trình; Hoàn chỉnh dự thảo chương trình nghề Cắt gọt kim loại.

Biên bản các cuộc họp của Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình được thực hiện theo mẫu biểu ban hành kèm theo của Quy định về xây dựng, lựa chọn chương trình đào tạo của Trường và được lưu trữ trong hồ sơ xây dựng chương trình đào tạo.

Hội đồng thẩm định gồm 09 thành viên bao gồm 06 thành viên là các Trưởng khoa, các giảng viên lâu năm, có kinh nghiệm trong lĩnh vực nghề Cắt gọt kim loại thuộc các trường dạy nghề; Tất cả các thành viên của Hội đồng thẩm định không nằm trong danh sách của Ban chủ nhiệm.

Vai trò của cán bộ quản lý GDNN, cán bộ khoa học kỹ thuật của các đơn vị sử dụng lao động tham gia quá trình xây dựng, điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo thể hiện rõ nét nhất trong biên bản thẩm định chương trình đào tạo. Biên bản thẩm định sẽ ghi lại đầy đủ các ý kiến của các thành viên Hội đồng trong đó có các thành viên đến từ các cơ quan quản lý GDNN và đến từ khối doanh nghiệp.

Ngoài ý kiến đóng góp trong các phiên họp Hội đồng thẩm định, ý kiến của giáo viên, cán bộ quản lý, chuyên gia đến từ các doanh nghiệp sử dụng lao động còn được thể hiện qua các phiếu đánh giá và phiếu phản biện.

(4.1.02 - Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp năm 2017; 4.1.03 - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp năm 2017).

Khoa Cơ khí chính xác là đơn vị được giao nhiệm vụ xây dựng chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại. Quá trình xây dựng, khoa đã kế thừa nội dung chương trình đào tạo sử dụng trước năm 2017; tuân thủ hướng dẫn xây dựng chương trình theo mẫu tại phụ lục 1 Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH; tuân thủ quy định về thời gian đào tạo; số lượng tín chỉ trong chương trình đào tạo; Chương trình được xây dựng đảm bảo sự liên thông giữa các cấp trình độ trong hệ thống Giáo dục nghề nghiệp. Cụ thể: Chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp:

- + Thời gian đào tạo: 2-3 năm
- + Số tín chỉ: 64 tín chỉ
- + Số lượng các môn học, mô đun: 21 môn học mô đun
- + Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 1.850 giờ.
- + Khối lượng các môn học chung/ đại cương: 210 giờ.
- + Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1640 giờ.
- + Khối lượng lý thuyết: 449 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.351 giờ

Các chương trình đào tạo sau khi xây dựng đã được Hội đồng thẩm định đóng góp ý kiến tại hội thảo do trường tổ chức. Các thành viên Hội đồng thẩm định đã gửi văn bản đến các tổ biên soạn để làm cơ sở tiếp thu, chỉnh sửa.

Trên cơ sở ý kiến của Hội đồng thẩm định, Hiệu trưởng nhà trường đã ra các quyết định ban hành để chương trình được kịp thời đưa vào sử dụng từ năm học 2017 – 2018.

(4.1.04 - Hồ sơ xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp nghề Cắt gọt kim loại năm 2017; 1.1.04 - Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2017).

Đánh giá, cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo:

Năm 2019, Nhà trường đã tiến hành rà soát chương trình đào tạo trình độ trung cấp trên cơ sở căn cứ hướng dẫn tại các văn bản:

+ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

+ Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Quy định chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

+ Thông tư số 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Tin học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

+ Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

+ Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Pháp luật thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

+ Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

+ Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Tiếng Anh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Đối với nghề Cắt gọt kim loại, đã tiến hành một số nội dung điều chỉnh như sau:

*** Nội dung chương trình điều chỉnh, bổ sung năm 2019**

- Số lượng môn học, mô đun: 23
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 79 tín chỉ.
- Khối lượng các môn học chung/ đại cương: 295 giờ.
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1.676 giờ.
- Khối lượng lý thuyết: 468 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.435 giờ

Chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp năm 2019: cập nhật nội dung 06 môn học chung theo quy định, bổ sung 02 môn học (MH07-Kỹ năng sống;

MH23-CGKL-Sử dụng năng lượng, tài nguyên và quản lý chất thải, hoá chất hiệu quả trong cơ khí

Quá trình điều chỉnh chương trình, trường thực hiện quy trình theo quy định tại thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH.

(4.1.05 – Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm hiệu chỉnh chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp năm 2019; 4.1.06 - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp năm 2019; 4.1.07 - Hồ sơ điều chỉnh và thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp nghề Cắt gọt kim loại năm 2019; 4.1.08 - Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2019)

Năm 2021, Nhà trường đã tiến hành rà soát chương trình đào tạo trình độ trung cấp trên cơ sở căn cứ hướng dẫn tại các văn bản:

+ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

+ Thông tư số 47/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng các ngành, nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật cơ khí

Đối với nghề Cắt gọt kim loại, đã tiến hành một số nội dung điều chỉnh như sau:

*** Nội dung chương trình điều chỉnh, bổ sung năm 2021**

- Số lượng môn học, mô đun: **24 (chọn 01 trong 03 mô đun tự chọn)**
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: **75** tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: **305** giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: **1.670** giờ
- Khối lượng lý thuyết: **469** giờ; Thực hành, thực tập, kiểm tra: **1.506** giờ.

Quá trình điều chỉnh chương trình, trường thực hiện quy trình theo quy định tại thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH.

(4.1.09 – Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm hiệu chỉnh chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp năm 2021; 4.1.10 - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp năm 2021; 4.1.11 - Hồ sơ điều chỉnh và thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp nghề Cắt gọt kim loại năm 2021; 4.1.12 - Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2021).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 4: 02 điểm

Tiêu chuẩn 4.2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào Thông tư số 03/2017/TT - BLĐTBXH ngày 01/3/2017 Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, Nhà trường thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình; Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại. Số lượng đơn vị sử dụng lao động tham gia năm 2017 cụ thể như sau:

- Ban Chủ nhiệm xây dựng chương trình: Có đại diện của 2 doanh nghiệp là:
 - + Ông Ninh Văn Cây - Giám đốc Công ty An Bình.
 - + Ông Trần Huy Bảo - Giám đốc Công ty TNHH cơ khí AM
- Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo có 02 thành viên phản biện là đại diện doanh nghiệp là:
 - + Ông Lê Hoàng Long - Giám đốc Công ty TNHH cơ khí AM;
 - + Ông Nguyễn Đình Quyền - Giám đốc công ty TNHH TM Đan Việt

(4.1.02 - Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp năm 2017; 4.1.03 - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp năm 2017; 4.1.04 - Hồ sơ xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp nghề Cắt gọt kim loại năm 2017; 1.1.04 - Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2017)

Năm 2019, khi rà soát và điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo, Nhà trường cũng mời các chuyên gia trên tham gia hội đồng thẩm định.

(4.1.05 – Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm hiệu chỉnh chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp năm 2019; 4.1.06 - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp năm 2019; 4.1.07 - Hồ sơ điều chỉnh và thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp nghề Cắt gọt kim loại năm 2019; 4.1.08 - Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2019)

Năm 2021, khi rà soát và điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo, thành viên là doanh nghiệp tham gia Hội đồng thẩm định gồm:

- + Ông Nguyễn Huy Trung - Giám đốc Công ty TNHH Sản xuất Cơ khí Chính xác Việt Nhật;
- + Ông Nguyễn Đình Quyền - Giám đốc công ty TNHH TM Đan Việt.

(4.1.09 – Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm hiệu chỉnh chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp năm 2021; 4.1.10 - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp năm 2021; 4.1.11 - Hồ sơ điều chỉnh và thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp nghề Cắt gọt kim loại năm 2021; 4.1.12 - Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2021)

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 4: 02 điểm

Tiêu chuẩn 4.3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo trình độ trung cấp nghề Cắt gọt kim loại được xây dựng theo hướng dẫn tại Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Đồng thời khi xây dựng chương trình, Trường đã căn cứ vào chuẩn đầu ra của nghề Cắt gọt kim loại được xây dựng theo quy định tại Thông tư 12/2017/TT-BLĐTBXH, vì vậy, chương trình đào tạo đã đáp ứng các quy định trong hai văn bản trên về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp, cụ thể:

Về khối lượng kiến thức:

Chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp gồm 64 tín chỉ đối với người tốt nghiệp Trung học cơ sở trở lên. Thời gian đào tạo là 2-3 năm; Khối lượng kiến thức lý thuyết chiếm 24%, khối lượng kỹ năng thực hành chiếm 76%.

Yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp:

Trường ban hành quy định về chuẩn đầu ra của nghề Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp.

(4.3.01- Chuẩn đầu ra của nghề Cắt gọt kim loại, kèm theo quyết định ban hành; 1.1.04 - Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2017; 4.1.08 - Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2019; 4.1.12 - Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2021)

Đối chiếu với các quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH và Thông tư 12/2017/TT-BLĐTBXH, Thông tư số 47/2018/TT-BLĐTBXH, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 4: 02 điểm

Tiêu chuẩn 4.4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Như đã mô tả tại tiêu chuẩn 4.3, Chương trình đào tạo trình độ trung cấp cũng như chương trình môn học, chương trình mô đun chi tiết của nghề Cắt gọt kim loại được xây dựng theo đúng mẫu quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình. Vì vậy, Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp. Cụ thể như sau:

Về phân bố thời gian:

- Chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp năm 2017 gồm 21 môn học, mô đun; Chương trình quy định rõ thời gian thực học toàn khóa, trong đó:
 - + Khối lượng kiến thức toàn khóa học 64 tín chỉ.
 - + Khối lượng các môn học chung: 210 giờ.
 - + Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn 1.640 giờ.
 - + Khối lượng lý thuyết 449 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm 1.285 giờ
 - + Thời gian học tập của từng môn học, mô-đun thông chương trình đào tạo cũng được phân bổ rất cụ thể theo 3 nội dung:
 - Lý thuyết: 449 giờ
 - Thực hành/thực tập/Bài tập, thảo luận: 1.285 giờ.
 - Thi/Kiểm tra: 66 giờ.
- + Trình tự thực hiện các môn học, mô đun: Các môn học, mô đun được phân bổ theo trình tự quy định tại phụ lục 01 kèm theo thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH, tại mục 3. Nội dung chương trình: theo thứ tự sau:
 - I. Các môn học chung: Gồm 6 môn học chung
 - II. Các môn học, mô đun chuyên môn.
 - 1. Các môn học, mô đun cơ sở: 05 môn học, mô đun.
 - 2. Các môn học, mô đun chuyên môn: 10 môn học, mô đun.
- Chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp năm 2019 gồm 23 môn học, mô đun; Chương trình quy định rõ thời gian thực học toàn khóa, trong đó:
 - + Khối lượng kiến thức toàn khóa học 79 tín chỉ.
 - + Khối lượng các môn học chung: 295 giờ.
 - + Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn 1.676 giờ.
 - + Khối lượng lý thuyết 468 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm 1.435 giờ
 - + Thời gian học tập của từng môn học, mô-đun thông chương trình đào tạo cũng được phân bổ rất cụ thể theo 3 nội dung:
 - Lý thuyết: 468 giờ
 - Thực hành/thực tập/Bài tập, thảo luận: 1.435 giờ.
 - Thi/Kiểm tra: 68 giờ.
- + Trình tự thực hiện các môn học, mô đun: Các môn học, mô đun được phân bổ theo trình tự quy định tại phụ lục 01 kèm theo thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH, tại mục 3. Nội dung chương trình: theo thứ tự sau:
 - I. Các môn học chung: Gồm 07 môn học chung
 - II. Các môn học, mô đun chuyên môn.
 - 1. Các môn học, mô đun cơ sở: 05 môn học, mô đun.
 - 2. Các môn học, mô đun chuyên môn: 11 môn học, mô đun.
- Chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp năm 2021 gồm 24 môn học, mô đun; Chương trình quy định rõ thời gian thực học toàn khóa, trong đó:
 - + Khối lượng kiến thức toàn khóa học 75 tín chỉ.

- + Khối lượng các môn học chung: 305 giờ.
 - + Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn 1.670 giờ.
 - + Khối lượng lý thuyết 469 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm 1.439 giờ
 - + Thời gian học tập của từng môn học, mô-đun thông chương trình đào tạo cũng được phân bổ rất cụ thể theo 3 nội dung:
 - Lý thuyết: 469 giờ
 - Thực hành/thực tập/Bài tập, thảo luận: 1.439 giờ.
 - Thi/Kiểm tra: 67 giờ.
 - + Trình tự thực hiện các môn học, mô đun: Các môn học, mô đun được phân bố theo trình tự quy định tại phụ lục 01 kèm theo thông tư 03/2017/TT-BLĐTĐBXH, tại mục 3. Nội dung chương trình: theo thứ tự sau:
- III. Các môn học chung: Gồm 08 môn học chung
- IV. Các môn học, mô đun chuyên môn.
1. Các môn học, mô đun cơ sở: 06 môn học, mô đun.
 2. Các môn học, mô đun chuyên môn: 09 môn học, mô đun.
 3. Các môn học, mô đun tự chọn: 03 (chọn 01 trong 03 MĐMH)

(1.1.04 - Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2017; 4.1.08 - Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2019; 4.1.12 - Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2021)

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 4: 02 điểm

Tiêu chuẩn 4.5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Yêu cầu về cơ sở vật chất trong chương trình đào tạo:

Căn cứ mẫu quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTĐBXH, tại mục IV. Điều kiện thực hiện môn học/mô đun có quy định rõ các nội dung: Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng; trang thiết bị máy móc; học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu; các điều kiện khác.

Trong nội dung chi tiết của chương trình đào tạo đã nêu rõ những yêu cầu về điều kiện để thực hiện chương trình đối với từng mô đun/môn học đảm bảo cho việc triển khai thực hiện chương trình đào tạo có chất lượng. Cụ thể, đối với mỗi mô đun/môn học, trong Mục IV – Điều kiện thực hiện mô đun/môn học có:

- Yêu cầu về phòng học chuyên môn hoá/nhà xưởng
- Yêu cầu về trang thiết bị, máy móc
- Yêu cầu về học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu
- Các yêu cầu khác tùy theo điều kiện đặc thù của mô đun/môn học

Các yêu cầu về điều kiện thực hiện trong chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại của Trường cũng phù hợp với yêu cầu về định mức thiết bị nghề và định mức vật tư nghề Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp ban hành theo Thông tư số 24/2019/TT-BLĐTBXH ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về định mức kinh tế, kỹ thuật cho nghề Cắt gọt kim loại.

Qua các ý kiến đánh giá, góp ý của các đối tượng liên quan khi xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo thì Chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại đã thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng

(1.1.04 - Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2017; 4.1.08 - Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2019; 4.1.12 - Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2021)

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 4: 02 điểm

Tiêu chuẩn 4.6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- *Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập.*

Trong chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại, nội dung và phương pháp đánh giá được quy định cụ thể tại mục V trong các chương trình môn học, mô đun chi tiết. Trong đó:

- Nội dung đánh giá bao gồm: Kiến thức; kỹ năng; năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

- Phương pháp đánh giá: Thực hiện đánh giá theo quá trình. Kết thúc các nội dung chương (đối với các môn lý thuyết; bài (đối với các mô đun thực hành), trong chương trình đào tạo đều có quy định số giờ kiểm tra/thi. Kết thúc môn học/mô đun, trong chương trình đào tạo đều có quy định thời gian thi/kiểm tra. Hình thức thi/kiểm tra: Đối với nội dung đánh giá năng lực kiến thức của người học, chương trình quy định hình thức thi/kiểm tra viết hoặc vấn đáp. Các bài thi viết kết hợp cả phương pháp trắc nghiệm và tự luận. Đối với nội dung thi thực hành, yêu cầu người học hoàn thành một sản phẩm theo nội dung đã luyện tập trong bài học; hoàn thành sản phẩm tổng hợp đối với bài thi kết thúc mô đun. Nội dung bài thi, trong thang điểm, ngoài nội dung đánh giá về kiến thức, kỹ năng còn quy định điểm đánh giá năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người học. Các nội dung đánh giá về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người học đều dựa trên mục tiêu của từng bài học, mục tiêu của từng môn học/mô đun làm cơ sở xác định năng lực của người học sau khi học xong môn học, mô đun.

(1.1.04 - Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2017; 4.1.08 - Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2019; 4.1.12 - Quyết định ban hành chương trình

ngành Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2021; 4.6.01 - Các bộ đề thi kết thúc MH/MĐ)

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt

*** Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 4. 02 điểm**

Tiêu chuẩn 4.7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Theo quy định về điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo của nhà trường. Định kỳ, các khoa chịu trách nhiệm rà soát bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo của đơn vị nhằm phù hợp với kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Nhà trường đã tiến hành xây dựng chương trình đào tạo cho các nghề của Trường phù hợp với Luật Giáo dục nghề nghiệp và tuân thủ đúng theo Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội năm 2017 và tiếp tục rà soát, cập nhật, điều chỉnh vào năm 2019, năm 2021.

Thành phần các ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo, thành viên tham gia đóng góp ý kiến và thành viên hội đồng thẩm định ngoài cán bộ, giáo viên tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đều có thêm thành phần là cán bộ tại các doanh nghiệp sản xuất dịch vụ nhằm đảm bảo chương trình đào tạo của Trường tiếp cận được yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.

(4.1.02 - Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp năm 2017; 4.1.03 - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp năm 2017; 4.1.05 – Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm hiệu chỉnh chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp năm 2019; 4.1.06 - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp năm 2019; 4.1.09 – Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm hiệu chỉnh chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp năm 2021; 4.1.10 - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp năm 2021)

Qua các ý kiến đánh giá, góp ý của các đối tượng liên quan khi xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo thì Chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại đã đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ trong giai đoạn hiện nay.

(4.1.04 - Hồ sơ xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp nghề Cắt gọt kim loại năm 2017; 4.1.07 - Hồ sơ điều chỉnh và thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp nghề Cắt gọt kim loại năm 2019; 4.1.11 - Hồ sơ điều chỉnh và thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp nghề Cắt gọt kim loại năm 2021; 1.1.04 - Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2017; 4.1.08 - Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2019; 4.1.12 - Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2021; 4.6.01 - Các bộ đề thi kết thúc MH/MĐ).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 4: 02 điểm

Tiêu chuẩn 4.8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Mô tả, phân tích, nhận định

Căn cứ Quy định về đào tạo liên thông từ trình độ sơ cấp lên trình độ trung cấp tại Trường TCN KTCN Hùng Vương, Trường đã tổ chức xây dựng, ban hành chương trình đào tạo liên thông từ trình độ sơ cấp lên trình độ trung cấp đối với các nghề đang đào tạo tại trường.

(4.8.01 - Quyết định của Hiệu trưởng trường TCN KTCN Hùng Vương về việc ban hành Quy định về tổ chức đào tạo liên thông các cấp đào tạo năm 2017;

4.8.02 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành chương trình đào tạo liên thông các ngành, nghề đào tạo từ trình độ sơ cấp lên trình độ trung cấp (kèm các Chương trình đào tạo liên thông)

Căn cứ chương trình đào tạo liên thông từ trình độ sơ cấp lên trình độ trung cấp, Trường TCN KTCN Hùng Vương đã thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học. Sau đó, ban hành quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học, khi học chương trình liên thông.

(4.8.03- Báo cáo của Phòng Đào tạo về kết quả rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học, khi học chương trình liên thông từ trình độ sơ cấp lên trình độ trung cấp;

4.8.04 – Tờ trình của Phòng Đào tạo về ban hành danh mục các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học, khi học chương trình liên thông từ trình độ sơ cấp lên trình độ trung cấp;

4.8.05 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương Ban hành Danh mục các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học, khi học chương trình liên thông từ trình độ sơ cấp lên trình độ trung cấp)

Về chương trình liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng, đại học:

Nhà trường chưa liên kết với các cơ sở giáo dục đại học nên chưa có văn bản chấp thuận về việc công nhận chương trình đào tạo do trường xây dựng. Do chưa có chương trình đào tạo liên thông trình độ đại học nên chưa có quy định về công nhận giá trị chuyển đổi, kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng đã tích lũy của người học được miễn trừ khi học chương trình đào tạo liên thông đã được cơ sở giáo dục đại học ban hành.

Do chương trình đào tạo chưa đảm bảo điều kiện liên thông giữa các cấp trình độ trong hệ thống giáo dục quốc dân nên trường đánh giá tiêu chuẩn không đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 4: 0 điểm

Tiêu chuẩn 4.9: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Khoa Cơ khí chính xác có 100% giáo trình cho các môn học, mô đun để phục vụ cho quá trình giảng dạy cũng như học tập của giáo viên và học sinh trong khoa của các hệ đào tạo sơ cấp, trung cấp và hệ liên thông từ sơ cấp lên trung cấp.

Năm 2017 - 2018 thực hiện sự chỉ đạo của nhà trường, căn cứ vào bộ chương trình đã xây dựng của nghề Cắt gọt kim loại, Khoa đã tổ chức lựa chọn giáo trình theo hướng dẫn tại Thông tư số 03/2017/TT- BLĐTB XH. Bộ giáo trình gồm:

Chương trình đào tạo trình độ trung cấp có 15 Giáo trình, tương ứng với 15 MH/MĐ trong chương trình đào tạo (giáo trình chuyên môn, không tính các môn học chung). 100% giáo trình nghề Cắt gọt kim loại đều do Tổ lựa chọn giáo trình của Trường xây dựng.

(4.9.01 – Hồ sơ lựa chọn, thẩm định giáo trình năm 2017; 4.9.02- Quyết định ban hành giáo trình đào tạo của nghề Cắt gọt kim loại năm 2017; 4.9.03 - Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của CTĐT nghề Cắt gọt kim loại năm 2017; 4.9.04 - Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của CTĐT nghề Cắt gọt kim loại năm 2017).

Năm 2022, trên cơ sở rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, hiện nay khoa đang tổ chức rà soát, chỉnh sửa các giáo trình nghề Cắt gọt kim loại trên cơ sở bộ chương trình đã được điều chỉnh, bổ sung và cập nhật. Dự kiến bộ 16 giáo trình sẽ hoàn thành và đưa vào sử dụng từ năm học 2022 – 2023.

(4.9.05 – Hồ sơ hiệu chỉnh, thẩm định giáo trình năm 2022; 4.9.06- Quyết định ban hành giáo trình đào tạo của nghề Cắt gọt kim loại năm 2022; 4.9.07 - Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của CTĐT nghề Cắt gọt kim loại năm 2022; 4.9.08 - Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của CTĐT nghề Cắt gọt kim loại năm 2022)

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 4: 02 điểm.

Tiêu chuẩn 4.10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Công tác xây dựng giáo trình đào tạo trình độ trung cấp của nghề Cắt gọt kim loại được thực hiện theo đúng hướng dẫn của Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Để cụ thể hóa những nội dung liên quan đến công tác biên soạn, lựa chọn giáo trình đào tạo, đồng thời phù hợp với điều kiện thực tế, năm 2018 Nhà trường đã xây dựng và ban hành Quy trình biên soạn, lựa chọn giáo trình đào tạo *(4.10.01 - Quy trình biên soạn, lựa chọn, hiệu chỉnh giáo trình hệ*

trung cấp). Hiệu trưởng nhà trường ra quyết định thành lập các Tổ Lựa chọn giáo trình đào tạo, các Hội đồng thẩm định.

Tổ lựa chọn giáo trình nghề Cắt gọt kim loại gồm 03 thành viên là các giáo viên cơ hữu giảng dạy chuyên môn nghề tại khoa. Tổ đã tổ chức triển khai thực hiện theo đúng hướng dẫn như: Hội lựa chọn giáo trình; Tổ chức lấy ý kiến chuyên gia, giảng viên, cán bộ quản lý, các nhà khoa học, đơn vị sử dụng lao động về giáo trình; Hoàn chỉnh dự thảo giáo trình nghề Cắt gọt kim loại. Hồ sơ được lưu trữ trong hồ sơ xây dựng giáo trình đào tạo.

Hội đồng thẩm định gồm các giáo viên lâu năm, có kinh nghiệm trong lĩnh vực nghề Cắt gọt kim loại; Tất cả các thành viên của Hội đồng thẩm định không nằm trong Tổ lựa chọn giáo trình.

Trong các phiên họp Hội đồng thẩm định, ý kiến của giáo viên, cán bộ quản lý, chuyên gia đến từ các doanh nghiệp sử dụng lao động được cụ thể qua các phiếu đánh giá phân biện.

(4.9.01 – Hồ sơ lựa chọn, thẩm định giáo trình năm 2017; 4.9.02- Quyết định ban hành giáo trình đào tạo của nghề Cắt gọt kim loại năm 2017; 4.9.03 - Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của CTĐT nghề Cắt gọt kim loại năm 2017; 4.9.04 - Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của CTĐT nghề Cắt gọt kim loại năm 2017; 1.1.04 - Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2017)

Năm 2019, năm 2021 Trường thực hiện định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại theo quy định. Trên cơ sở nội dung chương trình đào tạo được cập nhật, Trường thực hiện rà soát giáo trình đào tạo và thực hiện hiệu chỉnh theo quy định.

(4.1.08 - Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2019; 4.1.12 - Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2021; 4.9.05 – Hồ sơ hiệu chỉnh, thẩm định giáo trình năm 2022; 4.9.06- Quyết định ban hành giáo trình đào tạo của nghề Cắt gọt kim loại năm 2022; 4.9.07 - Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của CTĐT nghề Cắt gọt kim loại năm 2022; 4.9.08 - Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của CTĐT nghề Cắt gọt kim loại năm 2022).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 4: 02 điểm

Tiêu chuẩn 4.11: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung, kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo. Nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các bộ giáo trình của nghề Cắt gọt kim loại được xây dựng theo mẫu tại phụ lục 05 (giáo trình môn học/mô đun) kèm theo Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH. Trong từng chương/bài đều chỉ rõ mục tiêu cụ thể về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ tự chịu

trách nhiệm mà người học cần đạt được. Trên cơ sở mục tiêu đề ra, nội dung giáo trình ở từng chương, bài trong mô đun, môn học được cụ thể hóa về nội dung kiến thức, kỹ năng và phù hợp với mục tiêu đề ra.

Nội dung kiến thức được trình bày ngắn gọn, dễ hiểu phù hợp với đối tượng đào tạo. Các nội dung liên quan đến trình bày cấu tạo, nguyên lý, thực hiện các công việc vận hành, gia công trên các máy cắt gọt kim loại, đều có hình vẽ rõ ràng và chỉ dẫn, phân tích cụ thể giúp người đọc dễ hiểu, dễ nhớ. Các nội dung kiến thức lý thuyết của các mô đun chủ yếu chỉ đề cập đến những kiến thức liên quan cần thiết để thực hiện công việc. Các nội dung kỹ năng được trình bày dưới dạng trình tự thực hiện các công việc theo các bước cụ thể. Mỗi bước đều có chỉ dẫn cách thức thực hiện công việc, các yêu cầu cần đạt được, có hình vẽ minh họa. Chỉ ra các sai hỏng thường gặp trong quá trình thực hiện công việc, nguyên nhân và cách phòng tránh. Cuối mỗi bài đều có các bài tập thực hành, bài tập thực hành nâng cao để người học áp dụng. Các bài tập mẫu được trình bày chi tiết để người học dễ vận dụng nội dung lý thuyết vào thực hành. Có các yêu cầu về đánh giá kết quả thực hiện công việc theo bài tập để người học căn cứ vào đó thực hiện.

Với kết cấu nội dung giáo trình như vậy, các giáo trình của nghề Cắt gọt kim loại đã được xây dựng theo hướng nội dung kiến thức, kỹ năng phù hợp với đối tượng đào tạo; giáo viên khi giảng dạy dễ áp dụng các phương pháp dạy học tích cực, lấy người học làm trung tâm như phương pháp nêu vấn đề, thảo luận nhóm, người học chủ động trong việc thực hiện các bài tập thực hành theo nội dung trình tự được thể hiện rõ trong các bài của giáo trình.

(4.9.01 – Hồ sơ lựa chọn, thẩm định giáo trình năm 2017; 4.9.02- Quyết định ban hành giáo trình đào tạo của nghề Cắt gọt kim loại năm 2017; 4.9.03 - Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của CTĐT nghề Cắt gọt kim loại năm 2017; 4.9.04 - Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của CTĐT nghề Cắt gọt kim loại năm 2017; 1.1.04 - Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2017;

4.1.08 - Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2019; 4.1.12 - Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2021; 4.9.05 – Hồ sơ hiệu chỉnh, thẩm định giáo trình năm 2022; 4.9.06- Quyết định ban hành giáo trình đào tạo của nghề Cắt gọt kim loại năm 2022; 4.9.07 - Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của CTĐT nghề Cắt gọt kim loại năm 2022; 4.9.08 - Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của CTĐT nghề Cắt gọt kim loại năm 2022).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 4: 02 điểm

Tiêu chuẩn 4.12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh dịch vụ.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Toàn bộ các mô đun, môn học trong chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại của trường có giáo trình giảng dạy. Giáo trình được xây dựng dựa trên chương trình đào tạo và sự khảo sát trong thực tế về công nghệ, khoa học và sản xuất kinh doanh dịch vụ. Quá trình biên soạn, góp ý và thẩm định giáo trình ngoài sự tham gia của các cán bộ, giáo viên trong cơ sở GDNN còn có sự tham gia của các đại diện doanh nghiệp. Hiện nay gia công cắt gọt kim loại tại doanh nghiệp việc sử dụng các máy công cụ CNC là đa số. Nghề Cắt gọt kim loại đã biên soạn Giáo trình Cad/Cam-CNC cơ bản, Giáo trình Cad/Cam-CNC nâng cao đã thể hiện được các bài kỹ năng để đáp ứng được doanh nghiệp trong lập trình tự động với phần mềm MasterCam, SSCNC, Creo-Parametric.

(4.9.01 – Hồ sơ lựa chọn, thẩm định giáo trình năm 2017; 4.9.02- Quyết định ban hành giáo trình đào tạo của nghề Cắt gọt kim loại năm 2017; 4.9.03 - Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của CTĐT nghề Cắt gọt kim loại năm 2017; 4.9.04 - Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của CTĐT nghề Cắt gọt kim loại năm 2017;

1.1.04 - Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2017; 4.1.08 - Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2019; 4.1.12 - Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2021; 4.9.05 – Hồ sơ hiệu chỉnh, thẩm định giáo trình năm 2022; 4.9.06- Quyết định ban hành giáo trình đào tạo của nghề Cắt gọt kim loại năm 2022; 4.9.07 - Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của CTĐT nghề Cắt gọt kim loại năm 2022; 4.9.08 - Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của CTĐT nghề Cắt gọt kim loại năm 2022).

Trong các nội dung góp ý, phản biện của Hội đồng đều đánh giá các giáo trình nghề Cắt gọt kim loại của trường hiện nay phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ở thời điểm hiện nay.

Định kỳ Nhà trường đều có cập nhật, điều chỉnh CTĐT cho phù hợp với thực tiễn cũng như đáp ứng yêu cầu của đơn vị sử dụng lao động. Hàng năm, nhà trường cũng thực hiện thu thập ý kiến đánh giá, góp ý của các đơn vị sử dụng lao động, cựu HSSV đã đi làm về chất lượng đào tạo, trong đó có nội dung đánh giá sự phù hợp của chương trình, giáo trình với thực tế sản xuất. Đa số ý kiến đánh giá nhận xét mức độ phù hợp của các giáo trình nhà trường nói chung và giáo trình nghề Cắt gọt kim loại nói riêng đáp ứng được yêu cầu trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ở thời điểm hiện nay *(4.12.01 – Phiếu khảo sát doanh nghiệp; Phiếu khảo sát ý kiến học sinh tốt nghiệp).*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 4: 02 điểm

2.2.5 TIÊU CHÍ 5: CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ ĐÀO TẠO VÀ THƯ VIỆN

Mở đầu:

Nghề Cắt gọt kim loại của Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt tại Quyết định số 1769/QĐ-LĐTBXH ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã

hội phê duyệt ngành, nghề trọng điểm; trường được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2025. Theo đó, nghề Cắt gọt kim loại là nghề trọng điểm cấp độ ASEAN (nghề trọng điểm ASEAN), vì vậy được ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo từ nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia việc làm và an toàn định kỳ.

Hệ thống phòng học, xưởng thực hành của nghề Cắt gọt kim loại đảm bảo đáp ứng được yêu cầu đào tạo cả về quy mô và các điều kiện học tập.

Hệ thống thiết bị đào tạo được đầu tư tương đối đồng bộ, hiện đại; đáp ứng tương đối được danh mục, chủng loại thiết bị theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về danh mục, chủng loại thiết bị tối thiểu theo Thông tư 27/2019/TT-BLĐTBXH; đáp ứng được tiêu chuẩn thiết bị; đáp ứng yêu cầu và quy mô đào tạo.

Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí theo 02 phòng học chuyên môn hóa để phù hợp với các môn học, mô đun và khai thác có hiệu quả, đúng công năng của thiết bị. Tại các phòng thực hành chuyên môn hóa, thiết bị được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.

Khoa Cơ khí chính xác được bố trí kho riêng để bảo quản, cấp phát nguyên vật liệu phục vụ cho việc thực tập của học sinh sinh viên. Kho được trang bị giá, kệ bảo quản, đảm bảo các điều kiện thông gió, ánh sáng và vệ sinh công nghiệp. Việc quản lý, cấp phát vật tư đảm bảo đủ, kịp thời theo tiến độ đào tạo của từng mô đun.

Hệ thống thư viện sử dụng chung với phòng học của khoa Công nghệ thông tin của trường, đáp ứng các tiêu chuẩn thư viện, có thư viện điện tử; đảm bảo số đầu sách, giáo trình, tài liệu tham khảo của nghề Cắt gọt kim loại theo quy định. Tạo điều kiện thuận lợi cho việc tra cứu, học tập của giáo viên và học sinh.

** Những điểm mạnh:*

- Hệ thống phòng học, xưởng thực hành nghề Cắt gọt kim loại được đầu tư theo các tiêu chuẩn tiếp cận trình độ ASEAN, đảm bảo các tiêu chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.
- Hệ thống thiết bị được bố trí, sắp xếp thành các phòng học thực hành chuyên môn.
- Trường có thư viện điện tử; các bộ chương trình, giáo trình, tài liệu tham khảo được cập nhật đầy đủ trên thư viện điện tử thuận tiện cho việc tra cứu, tham khảo.

** Những tồn tại:* Không có

** Kế hoạch nâng cao chất lượng*

- Từ năm học 2022 - 2023, Khoa Cơ khí chính xác sẽ tiến hành rà soát và tiếp tục đề nghị Nhà trường đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng sự thay đổi cập nhật của chương trình đào tạo.
- Khoa tiếp tục duy trì và thực hiện triệt để việc bố trí, sắp xếp và sử dụng dụng cụ, thiết bị tại các phòng học thực hành chuyên môn theo tiêu chuẩn 5S.

- Để đáp ứng được yêu cầu về sự thay đổi của khoa học kỹ thuật, Khoa sẽ tiến hành đề xuất cho giáo viên cơ hữu của khoa tiếp tục được tham gia các lớp tập huấn nâng cao chất lượng đào tạo và trình độ chuyên môn.

Điểm đánh giá tiêu chí 5

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 5	12
Tiêu chuẩn 1	02
Tiêu chuẩn 2	00
Tiêu chuẩn 3	02
Tiêu chuẩn 4	02
Tiêu chuẩn 5	02
Tiêu chuẩn 6	02
Tiêu chuẩn 7	02

Tiêu chuẩn 5.1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo

Nghề Cắt gọt kim loại của Trường là nghề được lựa chọn quy hoạch đầu tư tiếp cận trình độ ASEAN, nghề được đầu tư hệ thống xưởng thực hành với các trang thiết bị hiện đại, gồm:

TT	Tên phòng học/xưởng thực hành/ khu vực sửa chữa	Diện tích	Chức năng
1	Phòng F0.5, F0.6	87,42 m ²	Phòng thực hành máy vi tính Lập trình mô phỏng
2	Phòng C0.1	40 m ²	Xưởng tiện phay CNC
3	Phòng C0.2	80 m ²	Xưởng tiện phay bào
5	Phòng B6	82,4 m ²	Xưởng thực hành hàn, nguội
6	Phòng C1.2	50 m ²	Phòng học vẽ kỹ thuật

Các công trình xây dựng được thực hiện theo đúng hồ sơ thiết kế, các công trình được lắp đặt đầy đủ hệ thống điện, nước đảm bảo tiêu chuẩn về chiếu sáng, với hệ thống quạt thông gió, quạt điện công nghiệp đảm bảo điều kiện thoáng mát, đã có phòng được trang bị máy điều hoà đảm bảo phục vụ tốt việc học tập và giảng dạy.

Tất cả các phòng học, xưởng thực hành đều đáp ứng đầy đủ các yêu cầu công nghệ thiết bị đào tạo, đảm bảo các yêu cầu theo quy chuẩn như:

- Đảm bảo về diện tích và chiều cao;
- Đảm bảo ngăn cách với các phòng có nguồn gây tiếng ồn hoặc có mùi;
- Đảm bảo khoảng cách giữa các thiết bị và cách bố trí trang thiết bị;
- Các xưởng có chỗ làm việc của người phụ trách; có chỗ để dụng cụ, đồ nghề, vật liệu; có chỗ lên lớp lý thuyết trước khi thực hành và chỗ đặt máy móc, thiết bị và thực hành,

có đầy đủ nội quy, quy định về an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ.

(5.1.01 - Sơ đồ mặt bằng kiến trúc Trường TCN KTCN Hùng Vương; 5.1.02 - Bảng số liệu diện tích các khu của Trường; 5.1.03 - Quyết định giao tài sản (thiết bị, dụng cụ) cho Khoa Cơ khí chính xác).

Đối chiếu với quy định, Trường nhận thấy hệ thống phòng học lý thuyết và thực hành tại đơn vị đáp ứng tiêu chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.

Hệ thống điện đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo:

Trường sử dụng hệ thống điện do Công ty Điện lực Chợ Lớn. Hệ thống điện được lắp đặt theo quy chuẩn, bố trí phù hợp, an toàn, đáp ứng nhu cầu hoạt động đào tạo, dịch vụ và sinh hoạt. Hệ thống điện dẫn đến các phòng, khoa đảm bảo an toàn, mỹ quan và hiệu quả. Hệ thống truyền tải, cung cấp điện từ trạm biến áp đến các khu vực phục vụ trong nhà trường được thiết kế, xây dựng bằng hệ thống dây cáp điện đi chìm đảm bảo an toàn và mỹ quan trong trường.

Để vận hành hệ thống điện được hiệu quả, và đảm bảo an toàn cho học sinh trong quá trình thực hành. Hiện nay, hệ thống điện được thiết kế, bố trí các thiết bị hợp lý đảm bảo an toàn, từ tủ cung cấp tổng. Mỗi phòng học, Xưởng thực hành được thiết kế với nguồn điện chiếu sáng, thông gió riêng. Hệ thống tủ động lực sử dụng cấp nguồn cho học sinh thực hành được bố trí riêng và qua nhiều cấp bảo vệ để đảm bảo an toàn cho người học. Việc thiết kế như vậy mang lại tính liên tục, tiết kiệm và đảm bảo sự an toàn cho người vận hành và thiết bị thực hành.

(5.1.04 - Sơ đồ hệ thống cung cấp điện; 5.1.05 – các Sơ đồ bố trí thiết bị điện từng phòng; 5.1.06 - Hợp đồng mua bán điện giữa CN Tổng Công ty Điện lực TPHCM TNHH – Công ty Điện lực Chợ Lớn và Trường TCN KTCN Hùng Vương năm 2019)

Hệ thống cấp nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo:

Hệ thống cấp nước cho học tập, thực hành và sinh hoạt tại các xưởng thực hành của nghề Cắt gọt kim loại được thiết kế đảm bảo theo quy định. Trường sử dụng nguồn nước thủy cục để sinh hoạt và có hệ thống cấp, thoát nước phù hợp, đảm bảo nguồn nước sạch do Công ty cấp nước Chợ Lớn cung cấp. Ngoài ra, Trường sử dụng nước uống đóng bình phục vụ cho giáo viên, nhân viên tại các phòng chuyên môn theo yêu cầu sử dụng.

Hệ thống cấp nước sạch của thành phố được đấu nối trực tiếp với các bể chứa có thể tích 3m³ và các máy bơm để bơm nước sinh hoạt lên các bể chứa trên tòa nhà các khu A, khu C, khu D, khu F.

Trường có 01 bể chứa nước để cung cấp cho hệ thống phòng cháy chữa cháy của Nhà trường. Nước dùng chung cho sinh hoạt, học tập, thí nghiệm và thực hành được thiết kế đảm bảo tuân theo các quy định trong TCVN 7957:2008 và TCVN 4474. Hệ thống nước thải của nhà trường được thiết kế và xây dựng đúng theo các tiêu chuẩn của nhà nước, nhà trường không có nước thải độc hại xả ra môi trường.

(5.1.07 – Hợp đồng dịch vụ cung cấp nước giữa Công ty CP cấp nước Chợ Lớn và Trường TCN KTCN Hùng Vương năm 2019;

5.1.08 – Sơ đồ hệ thống cấp, thoát nước toàn trường;

5.1.09 – các Hợp đồng mua bán nước uống giữa Công ty TNHH MTV TM XNK Ngọc Đạt và Trường TCN KTCN Hùng Vương năm 2021, năm 2022)

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 5: 02 điểm

Tiêu chuẩn 5.2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Cắt gọt kim loại xây dựng năm 2017 của trường gồm 15 môn học, mô đun chuyên môn nghề *(1.1.04- Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2017).*

Căn cứ theo Thông tư 27/2019/TT-BLĐTBXH ngày 25/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, với Bản đối chiếu thiết bị đào tạo hiện có của nghề, thiết bị đào tạo nghề Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp của Trường chưa đáp ứng theo Danh mục thiết bị đào tạo quy định tại Phụ lục 3a – Danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu nghề Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp ban hành kèm theo Thông tư số 27/2019/TT-BLĐTBXH ngày 25/12/2019.

(5.2.01 – Hồ sơ quản lý thiết bị của khoa Cơ khí chính xác; 5.2.02 - Bảng đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của nghề Cắt gọt kim loại với Danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu).

Hàng năm, Nhà trường đều thực hiện công tác kiểm kê tài sản, báo cáo Hiệu trưởng về công tác quản lý theo dõi tài sản cố định, từ đó có những đề xuất biện pháp bổ sung, điều chuyển thiết bị đào tạo phù hợp hoạt động của Nhà trường nói chung và yêu cầu của các chương trình đào tạo nói riêng *(5.2.03 - Biên bản kiểm kê thiết bị đào tạo khoa Cơ khí chính xác năm 2020, 2021; 5.2.04 – Sổ chi tiết tài sản cố định của Trường các năm 2020, 2021).*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn không đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 5: 00 điểm

Tiêu chuẩn 5.3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thiết bị đào tạo của khoa Cơ khí chính xác được trang bị phù hợp với chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại. Đa số các thiết bị trang bị mới có trình độ công nghệ tương đương với công nghệ sản xuất, dịch vụ hiện tại như Máy tiện CNC, máy phay CNC, máy cắt dây, máy in 3D là những trang thiết bị hiện đại, phù hợp công nghệ sản xuất.

Đến nay, Nhà trường đã trang bị khá đầy đủ chủng loại danh mục trang thiết bị đào tạo theo danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban

hành, đáp ứng yêu cầu đào tạo trình độ trung cấp tại Trường. Định kỳ hàng năm, Trường thực hiện so sánh, đối chiếu Danh mục thiết bị đào tạo hiện có của nghề Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp với các Danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội mới ban hành. Qua kết quả so sánh, đối chiếu định kỳ, Trường xác định cụ thể số lượng, danh mục các trang thiết bị đào tạo cần bổ sung, thay thế để đề xuất đầu tư, mua sắm trong dự án đầu tư hàng năm.

Trang thiết bị của Trường được bổ sung theo ngành và theo qui mô đào tạo, số lượng thiết bị đáp ứng đủ cho các ca thực hành từ 18 đến 25 học sinh. Riêng đối với thiết bị có công nghệ hiện đại của khoa Cơ khí chính xác, việc đầu tư mới rất nhiều kinh phí nên việc thực hành trên dây chuyền công nghệ được chia ra từng nhóm nhỏ, như máy phay CNC, máy tiện CNC.

Phòng Đào tạo phối hợp với các Khoa, Bộ môn xây dựng kế hoạch, tiến độ đào tạo, Thời khóa biểu phù hợp, trong đó thể hiện rõ việc bố trí phòng học, xưởng thực hành cho các lớp trong từng học kỳ. Số lượng thiết bị luôn đáp ứng quy mô đào tạo với lớp học thực hành 18 từ 25 học sinh.

(5.2.01 – Hồ sơ quản lý thiết bị của khoa Cơ khí chính xác; 5.2.02 - Bảng đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của nghề Cắt gọt kim loại với Danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu;

5.2.03 - Biên bản kiểm kê thiết bị đào tạo khoa Cơ khí chính xác năm 2020, 2021; 5.2.04 – Sổ chi tiết tài sản cố định của Trường các năm 2020, 2021

2.2.03 - Thời khóa biểu các lớp khoa Cơ khí chính xác các năm học 2020 -2021, 2021-2022; 2.2.04 - Kế hoạch giảng dạy của giáo viên khoa Cơ khí chính xác các năm học 2020 - 2021, 2021-2022;

5.3.01 - Bảng tổng hợp số lượng học sinh nghề Cắt gọt kim loại trong từng MĐMH các năm học 2020 – 2021, 2021-2022).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 5: 02 điểm

Tiêu chuẩn 5.4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

** Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường;*

Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo trong xưởng thực hành tại Khoa Cơ khí chính xác của Trường được bố trí hợp lý theo các nhóm mô đun trong chương trình đào tạo, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành và đảm bảo các yêu cầu sư phạm, bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.

(5.4.01 – Sơ đồ bố trí các phòng học, xưởng thực hành; 5.4.02- Bộ ảnh chụp phòng học, xưởng thực hành của khoa Cơ khí chính xác)

** Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.*

Trường TCN KTCN Hùng Vương đã ban hành Thủ tục kiểm soát thiết bị từ năm 2018. Các Khoa, Bộ môn của Trường tổ chức thực hiện thường xuyên các kế hoạch bảo trì thiết bị.

Hàng năm, nhà trường tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ về công tác kiểm soát thiết bị, đánh giá về an toàn vệ sinh công nghiệp, môi trường. Kết quả kiểm tra, đánh giá: thiết bị được thường xuyên vệ sinh, định kỳ bảo dưỡng, sửa chữa các hư hỏng nhỏ; các thiết bị, dụng cụ thuộc danh mục thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động được kiểm định an toàn và dán tem/chứng nhận an toàn định kỳ theo quy định.

Việc bố trí các trang thiết bị tại xưởng thực hành nghề Cắt gọt kim loại thành phù hợp với nội dung của từng môn học, mô đun chuyên môn đảm bảo đúng công năng sử dụng của trang thiết bị theo mô đun, môn học, phát huy tối đa khai thác hiệu quả nhất trang thiết bị đào tạo hiện có tại đơn vị

(5.2.01 – Hồ sơ quản lý thiết bị của khoa Cơ khí chính xác; 5.2.02 - Bảng đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của nghề Cắt gọt kim loại với Danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu; 5.4.03 – Biên bản kiểm tra việc thực hiện và duy trì Thủ tục kiểm soát thiết bị tại khoa Cơ khí chính xác các năm 2021, 2022; 5.4.04 - Báo cáo kết quả kiểm tra việc thực hiện và duy trì Thủ tục kiểm soát thiết bị tại các khoa, bộ môn năm 2021, 2022).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 5: 02 điểm

Tiêu chuẩn 5.5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

** Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện;*

Khoa Cơ khí chính xác có khu vực bố trí nguyên, nhiên, vật liệu thực hành và được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, thuận tiện để sử dụng.

(5.5.01 - Hình ảnh kho; 5.5.02 - Biên bản kiểm tra tình hình xưởng thực tập)

** Nguyên, nhiên, vật liệu được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định:*

Hàng năm, Trường TCN KTCN Hùng Vương ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo trình độ trung cấp cho từng khóa học; ban hành Quy định về quy trình mua sắm hàng hóa, vật tư chuyên môn phục vụ đào tạo; ban hành Quy định bảo quản tài sản, trang thiết bị, vật tư thực hành tại các bộ phận.

(5.5.03 – các Bản Định mức kinh tế kỹ thuật hệ trung cấp khóa 19K13, 20K14, 21K15; 5.5.04 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương ban hành Quy định về bảo quản tài sản, trang thiết bị, vật tư thực hành tại Phòng, Khoa, Bộ môn,

Trung tâm năm 2019;

5.5.05 – Quy định của Trường TCN KTCN Hùng Vương Quy định về thực hiện quy trình mua sắm hàng hóa, vật tư, linh kiện thiết bị, công cụ, dụng cụ, nguyên phụ liệu dùng cho công tác giảng dạy năm 2018)

Trường TCN KTCN Hùng Vương tổ chức thực hiện mua sắm vật tư thực hành đối với 100% ngành, nghề đang tổ chức đào tạo theo quy định, đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo mỗi năm học. Hồ sơ mua sắm vật tư phục vụ đào tạo hàng năm được lưu trữ đầy đủ, sắp xếp đúng trình tự theo quy trình mua sắm đã ban hành gồm: Phiếu đề xuất; Tờ trình lựa chọn đơn vị cung ứng (kèm Báo giá của 03 đơn vị, Biên bản thương thảo hợp đồng với đơn vị được chọn); Quyết định chọn đơn vị cung cấp kèm bảng kê vật tư; Hợp đồng kinh tế; Hóa đơn bán hàng; Biên bản nghiệm thu; Biên bản thanh lý hợp đồng; Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành; Ủy nhiệm chi chuyển khoản thanh toán tiền mua vật tư thực hành. Sau khi mua sắm theo quy trình, vật tư thực hành được lưu giữ tại Khoa, Bộ môn. Khoa, Bộ môn lập sổ sách theo dõi, quản lý cấp phát, sử dụng vật tư thực hành đầy đủ hàng năm.

(5.5.06 – các Bảng phân bổ chi phí vật tư thực hành năm học 2020-2021, 2021-2022;

5.5.07 – Hồ sơ mua sắm vật tư thực hành nghề Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp năm học 2020-2021, 2021-2022;

5.5.08 - Sổ quản lý vật tư thực hành nghề Cắt gọt kim loại năm học 2020-2021, năm 2021-2022)

** Nguyên, nhiên, vật liệu đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.*

Hầu hết đều nhận được sự phản hồi mức đồng ý về các nguyên, nhiên, vật liệu phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện và đáp ứng được tốt các yêu cầu về đào tạo.

(5.5.09 - Ý kiến khảo sát của giáo viên, học sinh về mức độ đáp ứng vật tư thực hành).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 5: 02 điểm

Tiêu chuẩn 5.6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hiện nay tại thư viện có đủ chương trình, giáo trình, sách báo, tài liệu chuyên môn phục vụ cho các ngành, nghề đang được đào tạo.

Đối với tài liệu của nghề Cắt gọt kim loại có đủ các bộ chương trình đào tạo sơ cấp, trung cấp. Tương ứng với các bộ chương trình đào tạo, thư viện lưu trữ các bộ giáo trình chuyên môn của các môn học mô đun chuyên môn nghề; Bộ giáo trình trung cấp có 16

giáo trình tương ứng với 16 môn học, mô đun chuyên môn. Mỗi bộ giáo trình được in 05 cuốn để phục vụ việc đọc, tra cứu thông tin của học sinh nghề Cắt gọt kim loại. Đối chiếu với quy định: mỗi loại giáo trình, có tối thiểu 05 bản in, số lượng các bản in giáo trình của nghề Cắt gọt kim loại đáp ứng được tốt nhu cầu nghiên cứu, học tập của giáo viên và người học.

Thư viện lưu trữ sách, tài liệu tham khảo liên quan đến các nhóm ngành kỹ thuật cơ khí trong đó có nhiều tài liệu về công nghệ cắt gọt kim loại. Đối chiếu với lưu lượng học sinh trung bình cả 3 khóa của nghề Cắt gọt kim loại theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, số đầu sách, như vậy đảm bảo quy định: Tối thiểu 5 đầu sách/người đọc.

(5.6.01 – Bảng thống kê diện tích phòng đọc, phòng lưu trữ thư viện;

5.6.02 – Bảng kê danh mục chương trình, giáo trình, sách, tạp chí, tài liệu tham khảo nghề Cắt gọt kim loại năm 2020-2021, 2021-2022;

5.6.03 – Nội quy thư viện;

5.6.04 – Kế hoạch hoạt động của thư viện năm học 2020-2021, 2021-2022;

5.6.05 – Thông báo tuyên truyền giới thiệu sách mới năm học 2020 – 2021, 2021-2022;

5.6.06 – Sổ theo dõi mượn, trả tài liệu thư viện năm học 2020 – 2021, 2021-2022;

5.6.07 – Báo cáo tổng kết hoạt động của thư viện năm học 2020 – 2021, 2021-2022;

5.6.08 – Bản thống kê số lượng người học nghề Cắt gọt kim loại năm học 2020 – 2021, 2021-2022).

Nhà trường đã đầu tư xây dựng thư viện điện tử, có phần mềm tra danh mục sách và hướng dẫn sử dụng thư viện điện tử để bạn đọc tra cứu nhanh và hiệu quả nhất trên trang web <http://thuvien.hungvuongtech.edu.vn/> của Nhà trường. 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo nghề Cắt gọt kim loại.

(5.6.09 – Danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo nghề Cắt gọt kim loại được số hóa;

5.6.10 – Hướng dẫn tra cứu danh mục sách và hướng dẫn sử dụng thư viện điện tử;

5.6.11– Hình ảnh cơ sở dữ liệu giáo trình, tài liệu tham khảo điện tử nghề Cắt gọt kim loại)

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 5: 02 điểm

Tiêu chuẩn 5.7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có thư viện, gồm có các phòng đọc, phòng lưu trữ, phòng đọc điện tử được thiết kế đảm bảo quy định. Phòng lưu trữ bố trí 01 máy tính để quản lý dữ liệu thư viện; phòng đọc điện tử bố trí máy vi tính kết nối internet bằng cáp quang tốc độ đường truyền cao và ổn định, hệ thống chiếu sáng, hệ thống phòng cháy chữa cháy đảm bảo theo

quy định; Ngoài ra, Trường còn lắp đặt hệ thống wifi miễn phí phục vụ cho cán bộ, giáo viên và học sinh tra cứu, tham khảo và sao chép tài liệu điện tử qua đường tuyến internet.

(5.7. 01 – Danh mục thiết bị, máy tính tại thư viện; Ảnh chụp phòng LAB;

5.7.02 - Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông - internet;

5.7.03 - Phần mềm quản lý thư viện điện tử;

5.6.06 – Sổ theo dõi mượn, trả tài liệu thư viện năm học 2020 – 2021, 2021-2022;

5.6.07 – Báo cáo tổng kết hoạt động của thư viện năm học 2020 – 2021, 2021-2022).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 5: 02 điểm

Tiêu chuẩn 5.8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hiện nay, ngoài việc trang bị các kiến thức, kỹ năng cho học sinh nghề Cắt gọt kim loại trên thực tế, hay trên các trang thiết bị hiện có tại các xưởng thực hành. Việc áp dụng các phần mềm vẽ thiết kế và mô phỏng vào giảng dạy để giúp học sinh có tư duy sâu hơn về phương pháp gia công và hình dung ra được yêu cầu và cách làm bài tập trong các môn học, mô-đun. Hiện nay, Khoa Cơ khí chính xác sử dụng các phần mềm thiết kế, lập trình, mô phỏng, điều khiển như AutoCAD, MasercamX, Creo_Parametric, SSCNC, Fanuc, CIMCO edit, Sinumerik, PowerPoint.

Trong chương trình đào tạo hiện tại nghề Cắt gọt kim loại cơ bản sử dụng các phần mềm sau để hỗ trợ trong công tác giảng dạy của một số môn học, mô đun.

Danh mục một số phần mềm ảo, sử dụng trong một số mô đun:

TT	Tên phần mềm	Tên MĐ/ MH	Ghi chú
1	Powerpoint	Vẽ kỹ thuật	
2	Powerpoint, AutoCAD	Vẽ và thiết kế cơ khí trên máy tính	
3	Powerpoint	Dung sai – Đo lường kỹ thuật	
4	Powerpoint	Vật liệu cơ khí	
5	Powerpoint	Kỹ thuật an toàn – Môi trường công nghiệp	
6	Powerpoint	Sử dụng năng lượng, tài nguyên và quản lý chất thải, hoá chất hiệu quả trong cơ khí	
7	SSCNC, Fanuc, CIMCO edit, Sinumerik	CAD/CAM – CNC cơ bản	
8	Creo-Parametric, Mastercam, CIMCO edit, Sinumerik	CAD/CAM – CNC nâng cao	
9	Creo-Parametric, Mastercam, CIMCO edit	Gia công trên máy xung và máy cắt dây	
10	Powerpoint, AutoCAD	Nguội cơ bản	
11	Powerpoint, AutoCAD	Tiện trụ ngoài, trụ trong, rãnh, cắt đứt	
12	Powerpoint, AutoCAD	Phay, bào cơ bản	
13	Powerpoint, AutoCAD	Tiện ren	
14	Powerpoint, AutoCAD	Phay bánh răng, đa giác	
15	Powerpoint, AutoCAD	Tiện chi tiết có gá lắp phức tạp	
16	Powerpoint, AutoCAD	Hàn cơ bản	

Trên tổng số 16 môn học, mô đun chuyên môn của nghề Cắt gọt kim loại hiện tại khoa đang đào tạo, có tổng số 16/16 môn học, mô đun có sử dụng phần mềm ảo để hỗ trợ trong công tác giảng dạy chiếm 100% trong tổng số các môn học, mô đun.

(2.3.03 – Danh sách MH/MĐ sử dụng, các phần mềm mô phỏng; Phần mềm quản lý đào tạo;

5.8.01 – Hình ảnh sử dụng phần mềm SSCNC trong giảng dạy mô-đun CAD/CAM – CNC cơ bản)

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn: đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 5: 2 điểm

2.2.6. TIÊU CHÍ 6 - DỊCH VỤ CHO NGƯỜI HỌC

Mở đầu

Với phương châm “**Lấy người học làm trung tâm**”, ngoài chất lượng giảng dạy, Trường TCN KTCN Hùng Vương luôn đảm bảo mọi người học có được thông tin đầy đủ về nghề đào tạo, khoá đào tạo, các dịch vụ khác như ăn, ở, chăm sóc sức khoẻ, vui chơi giải trí và các quy định khác của trường ngay từ khi nhập học.

Đặc biệt trường chú trọng đến công tác giới thiệu việc làm cho học sinh ra trường. Trong những năm qua, nhà trường đã đào tạo được nhiều lao động kỹ thuật có tay nghề đáp ứng được nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp trên 85% học sinh sau khi tốt nghiệp đã tìm được việc làm phù hợp với nghề.

** Những điểm mạnh:*

- Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học trong các buổi sinh hoạt đầu mỗi khóa học.
- Người học được hưởng các chế độ, chính sách: miễn, giảm học phí; học bổng khuyến khích học tập; hỗ trợ hồ sơ về tín dụng giáo dục; được bảo lưu kết quả học tập theo quy định.
- Trường ban hành chính sách khen thưởng, xét, cấp học bổng khuyến khích đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện; đồng thời, quy định chức năng, nhiệm vụ cụ thể trong hỗ trợ người học đối với các phòng, ban trực thuộc.
- Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân để thể hiện cụ thể trong công tác tư vấn, tuyển sinh và xét hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.
- Trường hợp đồng với cá nhân, đơn vị có chức năng thực hiện dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe người học thường xuyên, định kỳ; bên cạnh đó, còn bố trí căn tin phục vụ ăn uống đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định.
- Học sinh của Trường được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.
- Trường bố trí bộ phận chuyên trách thực hiện công tư vấn việc làm định kỳ, thường xuyên cho học sinh của Trường có nhu cầu.

** Những tồn tại:*

- Nhà trường chưa có đầy đủ các hạng mục hạ tầng như khu thể dục thể thao, khu tổ chức văn hóa, văn nghệ.
- Do tình hình dịch bệnh kéo dài nên trường chưa tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm trực tiếp để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

- Sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt các Dự án nâng cấp trường, nhà trường sẽ nâng cấp cơ sở vật chất, xây dựng khu liên hiệp thể thao, khu phục vụ hoạt động văn hóa-văn nghệ đáp ứng nhu cầu học sinh các tỉnh theo học tại trường.
- Tăng cường công tác tổ chức hội chợ việc làm hoặc phối hợp với các đơn vị liên quan để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.

Điểm đánh giá tiêu chí 6

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 6	8
Tiêu chuẩn 1	02
Tiêu chuẩn 2	02
Tiêu chuẩn 3	02
Tiêu chuẩn 4	02

Tiêu chuẩn 6.1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong tuần sinh hoạt đầu khóa, Trường đã tổ chức giới thiệu về ngành nghề đào tạo, hướng dẫn học sinh tham quan phòng học lý thuyết, xưởng thực hành tại các khoa/bộ môn; Phòng Công tác học sinh sinh viên là đơn vị chủ trì và phối hợp các khoa/bộ môn tổ chức, thực hiện. Nhà trường đã trực tiếp cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết cho người học như: thông tin sơ lược về Nhà trường; Nội quy, quy chế học sinh; Quy chế thi, kiểm tra, đánh giá và công nhận tốt nghiệp; Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện; Các chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, các loại biểu mẫu cần thiết; Các nội dung hoạt động của Đoàn thanh niên, hoạt động của thư viện. Năm học 2021-2022, do tình hình dịch kéo dài nên Nhà trường sinh hoạt đầu khóa bằng hình thức trực tuyến.

(6.1.01- Kế hoạch, Thời khóa biểu sinh hoạt đầu khóa năm học 2020-2021, 2021-2022).

6.1.02 – Tài liệu sinh hoạt đầu khóa năm học 2020-2021, năm học 2021-2022, năm học 2022-2023;

2.5.01 - Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 58/QĐ-KTCNHV-ĐT ngày 17/4/2019;

2.5.02 - Quy chế thi học kỳ hệ trung cấp ban hành kèm theo Quyết định số 05/QĐ-KTCNHV-KTĐB ngày 03/01/2020;

3.2.02- Nội quy cơ quan của Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương;

6.1.03 – Quy định về công tác học sinh của Trường ban hành kèm theo Quyết định số 102/QĐ-KTCNHV-HSSV ngày 14/8/2020;

6.1.04 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương Ban hành nội quy học sinh và khung xử lý kỷ luật học sinh năm 2020

6.1.05 - Bản thống kê các chính sách, chế độ hỗ trợ người học đang áp dụng năm học 2020-2021, 2021-2022;

6.1.06 – Bài thu hoạch của HSSV khoa Cơ khí chính xác các năm học 2020-2021, 2021-2022;

6.1.07 – Hình ảnh thông tin, tài liệu sinh hoạt đầu khóa trên trang web của trường)

Kết hợp phỏng vấn và các minh chứng Trường cung cấp về kết quả khảo sát thực hiện thu thập ý kiến đánh giá với việc “Nhà trường đã cung cấp đầy đủ thông tin cho người học”, như bảng sau đây:

1/ Tổng hợp ý kiến của người học về Dịch vụ:

Năm 2020-2021:

Số phiếu lấy ý kiến	Rất không phù hợp		Không phù hợp		Ít phù hợp		Phù hợp		Rất phù hợp	
	SL	Tỷ Lệ (%)	SL	Tỷ Lệ (%)	SL	Tỷ Lệ (%)	SL	Tỷ Lệ (%)	SL	Tỷ Lệ (%)
528/1.631	0	0	0	0	25	4.7	146	27.7	356	67.4

Riêng học sinh khoa Cơ khí chính xác:

Số phiếu lấy ý kiến	Rất không phù hợp		Không phù hợp		Ít phù hợp		Phù hợp		Rất phù hợp	
	SL	Tỷ Lệ (%)	SL	Tỷ Lệ (%)	SL	Tỷ Lệ (%)	SL	Tỷ Lệ (%)	SL	Tỷ Lệ (%)
48	0	0	0	0	0	0	29	42.65	39	57.35

Năm 2021-2022:

Số phiếu lấy ý kiến	Rất không phù hợp		Không phù hợp		Ít phù hợp		Phù hợp		Rất phù hợp	
	SL	Tỷ Lệ (%)	SL	Tỷ Lệ (%)	SL	Tỷ Lệ (%)	SL	Tỷ Lệ (%)	SL	Tỷ Lệ (%)
683/1.783	3	0.4	5	0.7	97	14.2	257	37.6	321	47

Riêng học sinh khoa Cơ khí chính xác:

Số phiếu lấy ý kiến	Rất không phù hợp		Không phù hợp		Ít phù hợp		Phù hợp		Rất phù hợp	
	SL	Tỷ Lệ (%)	SL	Tỷ Lệ (%)	SL	Tỷ Lệ (%)	SL	Tỷ Lệ (%)	SL	Tỷ Lệ (%)
48	0	0	0	0	3	6.25	23	47.92	22	45.83

2/ Tổng hợp ý kiến của người học sau khi tốt nghiệp về Dịch vụ:

Năm 2020-2021:

Số phiếu lấy ý kiến	Rất không phù hợp	Không phù hợp	Ít phù hợp	Phù hợp	Rất phù hợp
---------------------	-------------------	---------------	------------	---------	-------------

	SL	Tỷ Lệ (%)	SL	Tỷ Lệ (%)	SL	Tỷ Lệ (%)	SL	Tỷ Lệ (%)	SL	Tỷ Lệ (%)
86/107	0	0	0	0	1	1.2%	53	62.55%	32	37.26%

Riêng học sinh tốt nghiệp khoa Cơ khí chính xác:

Số phiếu lấy ý kiến	Rất không phù hợp		Không phù hợp		Ít phù hợp		Phù hợp		Rất phù hợp	
	SL	Tỷ Lệ (%)	SL	Tỷ Lệ (%)	SL	Tỷ Lệ (%)	SL	Tỷ Lệ (%)	SL	Tỷ Lệ (%)
12	0	0	0	0	0	0	12	100	0	0

Năm 2021-2022

Số phiếu lấy ý kiến	Rất không phù hợp		Không phù hợp		Ít phù hợp		Phù hợp		Rất phù hợp	
	SL	Tỷ Lệ (%)	SL	Tỷ Lệ (%)	SL	Tỷ Lệ (%)	SL	Tỷ Lệ (%)	SL	Tỷ Lệ (%)
157/160	3	1.68 %	1	1.33 %	8	5.5 %	46	30.75 %	93	61.75 %

Riêng học sinh tốt nghiệp khoa Cơ khí chính xác:

Số phiếu lấy ý kiến	Rất không phù hợp		Không phù hợp		Ít phù hợp		Phù hợp		Rất phù hợp	
	SL	Tỷ Lệ (%)	SL	Tỷ Lệ (%)	SL	Tỷ Lệ (%)	SL	Tỷ Lệ (%)	SL	Tỷ Lệ (%)
12	0	0	0	0	0	0	12	100	0	0

(6.1.08 - các Báo cáo của phòng Công tác HSSV về kết quả thu thập ý kiến người học 2020-2021, 2021-2022; các Báo cáo của phòng KT&ĐBCL về kết quả thu thập ý kiến giáo viên, cán bộ quản lý năm học 2020-2021, 2021-2022)

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 6: 02 điểm

Tiêu chuẩn 6.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định

Căn cứ quy định tại Điều 62, 64 của Luật Giáo dục nghề nghiệp, học sinh học tại Trường TCN KTCN Hùng Vương được hưởng các chế độ, chính sách ưu tiên như: miễn, giảm học phí; chính sách học bổng, tín dụng giáo dục; miễn, giảm phí dịch vụ công cộng; bảo lưu kết quả học tập và các chính sách khác theo quy định.

(6.1.05 - Bản thống kê các chính sách, chế độ hỗ trợ người học đang áp dụng năm học 2020-2021, 2021-2022;

6.2.01 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành quy định xét, cấp học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh Trường năm 2021)

* **Về chính sách miễn, giảm học phí:** miễn 100% học phí đối với học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở học tiếp lên trình độ trung cấp; giảm 70% học phí khi theo học nghề Cắt gọt kim loại; giảm học phí học nghề, học văn hóa cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

(6.2.02 – các Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương kèm danh sách học sinh hệ trung cấp được miễn, giảm học phí năm học 2020-2021, 2021-2022)

* **Về chính sách học bổng khuyến khích học tập:**

Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục, Trường TCN KTCN Hùng Vương đã xây dựng, ban hành quy định mới và triển khai thực hiện xét, cấp học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh Trường học kỳ I năm học 2020-2021. Học sinh nhận học bổng qua hình thức chuyển khoản.

6.2.03 – các Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương kèm danh sách học sinh được cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ I, học kỳ II năm học 2020-2021;

* **Về chính sách tín dụng giáo dục:**

Trường TCN KTCN Hùng Vương ban hành Thủ tục cấp giấy chứng nhận, giấy xác nhận cho học sinh, học viên các cấp trình độ, trong đó Trường cấp “Giấy xác nhận học sinh” miễn phí để học sinh có nhu cầu thực hiện vay vốn bổ túc hồ sơ theo quy định.

(6.2.04 – Sổ cấp giấy xác nhận học sinh năm 2020, 2021, 9 tháng đầu năm 2022)

* **Về chính sách miễn, giảm phí dịch vụ công cộng:** Trường TCN KTCN Hùng Vương thực hiện cấp thẻ học sinh cho 100% học sinh nhập học đầu năm, cấp lại cho học sinh bị mất, hư thẻ để đảm bảo học sinh có thể sử dụng thẻ trong chính sách miễn, giảm phí đi xe bus và các dịch vụ công cộng khác (nếu có).

(6.2.05 – Bản thống kê số lượng học sinh sử dụng phương tiện xe bus đi học)

* **Chính sách bảo lưu kết quả học tập:** Năm 2019, Trường TCN KTCN Hùng Vương ban hành Thủ tục Tạm dừng và bảo lưu kết quả học tập đối với học sinh hệ trung cấp. Cụ thể đối với các đối tượng học sinh:

- Được điều động thực hiện nhiệm vụ an ninh – quốc phòng;
- Do bệnh hoặc tai nạn buộc phải điều trị lâu dài hoặc một số lý do chính đáng khác.

(6.2.06 - Danh sách học sinh hệ trung cấp được bảo lưu kết quả học tập năm 2020, năm 2021, 9 tháng đầu năm 2022)

Cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập

Trường TCN KTCN Hùng Vương đã ban hành các quy định công tác học sinh, trong đó có quy định về chính sách khen thưởng, khuyến khích đối với người học. Căn cứ kết quả học tập và rèn luyện định kỳ, Phòng Công tác học sinh, sinh viên tổng hợp dữ liệu trình Hội đồng xem xét, công nhận và tặng giấy khen tuyên dương học sinh đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện kịp thời. Bên cạnh đó, Trường còn họp xét đề xuất tuyên

đương học sinh xuất sắc, tiêu biểu gửi Sở Lao động – TBXH Thành phố xét chọn kịp thời.

(6.2.07 – các Quyết định của Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021, năm 2022;

6.1.03 – Quy định về công tác học sinh của Trường ban hành kèm theo Quyết định số 102/QĐ-KTCNHV-HSSV ngày 14/8/2020;

6.2.08 – các Quyết định kèm danh sách về công nhận và tuyên dương học sinh đạt thành tích cao trong học tập, rèn luyện học kỳ I, học kỳ II năm học 2020-2021, 2021-2022;

6.2.09 – Hồ sơ đề nghị tuyên dương học sinh xuất sắc, tiêu biểu năm 2021, 2022)

Trường còn tổ chức xem xét, tuyên dương cho học sinh đạt giải trong kỳ thi, hội thi.

(6.2.10 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về khen thưởng học sinh đạt giải khuyến khích vòng chung kết quốc gia cuộc thi vô địch tin học văn phòng MOSWC (số 189/QĐ-KTCNHV ngày 06/11/2020);

6.2.11 – Quyết định kèm danh sách nhận giải thưởng Hội thi của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc công nhận kết quả và khen thưởng các Dự án trong Hội thi khoa học, kỹ thuật và sáng tạo đồ dùng, thiết bị dạy học chào mừng kỷ niệm 35 năm ngày thành lập Trường (số 195/QĐ-KTCNHV-ĐT ngày 18/11/2020)

Trường thực hiện khen thưởng, tuyên dương cho cá nhân, tập thể đạt giải trong phong trào thi đua chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, ngày Giỗ Tổ Hùng Vương và các phong trào khác do Đoàn Thanh niên Trường phát động hàng năm.

(6.2.12- các Báo cáo của BCH Đoàn Trường TCN KTCN Hùng Vương về tổng kết công tác Đoàn và phong trào thanh niên Trường năm học 2020-2021, 2021-2022;

6.2.13 - các Danh sách học sinh được khen thưởng trong các hội thi do Đoàn Thanh niên Trường tổ chức năm học 2020-2021, 2021-2022;

Nội dung chi	Năm học 2019-2020		Năm học 2020-2021		Năm học 2021-2022	
	Số học sinh	Số tiền (ngàn đồng)	Số học sinh	Số tiền (ngàn đồng)	Số học sinh	Số tiền (ngàn đồng)
Chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập	1.319	9.760.600	1.709	14.013.800	1.500	12.300.000
Cấp học bổng khuyến khích học tập	-	-	158	702.330		
Miễn, giảm học phí theo đối tượng: Hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình khó khăn, khuyết tật trí tuệ MĐ nhẹ, mồ côi, con thương binh, ...	62	125.850	74	111.420	68	124.290

Tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập

Người học cũng được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập. Trường TCN KTCN Hùng Vương quy định chức năng, nhiệm vụ cụ thể trong hỗ trợ người học đối với các phòng, ban trực thuộc; cụ thể là phòng Công tác học sinh, sinh viên. Người học được biết về cơ chế hỗ trợ và các bộ phận và cán bộ phụ trách công tác hỗ trợ ngay từ tuần sinh hoạt đầu của khóa học. Định kỳ hàng năm, Trường ban hành quyết định phân công công tác giáo viên chủ nhiệm để tiếp xúc, hỗ trợ trực tiếp cho học sinh trong quá trình học tập tại Trường. Các phòng, ban chuyên môn phối hợp với giáo viên chủ nhiệm tại các khoa, bộ môn nắm bắt, hỗ trợ học sinh giải quyết các vấn đề vướng mắc trong quá trình học tập tại trường.

(6.1.02 – Tài liệu sinh hoạt đầu khóa năm học 2020-2021, năm học 2021-2022, năm học 2022-2023;

6.1.05 - Bản thống kê các chính sách, chế độ hỗ trợ người học đang áp dụng năm học 2020-2021, 2021-2022;

6.2.14 - Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Phòng Công tác học sinh - sinh viên;

6.2.15 – Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về phân công công tác giáo viên chủ nhiệm năm học 2019-2020, năm học 2020-2021;

1.2.03 - Báo cáo tổng kết công tác các năm 2020, 2021, 9 tháng đầu năm 2022 của Trường;

6.2.16 - các Bản tổng hợp ý kiến của học sinh về chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích, hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại Trường năm 2020, năm 2021;

6.2.17 - các Bản tổng hợp ý kiến của học sinh tốt nghiệp đã đi làm về chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích, hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại Trường năm 2020, năm 2021;

6.2.18 - các Báo cáo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về kết quả thu thập ý kiến học sinh, học sinh tốt nghiệp đã đi làm về chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích, hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại Trường năm 2021, 2022)

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 6: 02 điểm

Tiêu chuẩn 6.3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Tổ Quan hệ doanh nghiệp và giới thiệu việc làm trực thuộc phòng Đào tạo của Trường được giao nhiệm vụ tư vấn, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

Tổ thường xuyên liên hệ với Trung tâm phát triển và cung ứng lao động Quận 5, các doanh nghiệp, trung tâm xuất khẩu lao động để nắm bắt các thông tin về nhu cầu tuyển dụng lao động trên địa bàn Thành phố và các vùng lân cận và giới thiệu việc làm cho học sinh tốt nghiệp có nhu cầu tìm việc. Tổ đã duy trì tốt mối quan hệ với các công ty, doanh

ng nghiệp, khu công nghiệp, các tổ chức tuyển dụng lao động... để thu thập, cập nhật thông tin về nhu cầu lao động, việc làm để thông tin cho học sinh

(6.3.01 - các Kế hoạch của Phòng Đào tạo Trường TCN KTCN Hùng Vương về tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp năm 2020, năm 2021, năm 2022;

6.3.02 - các Bảng tổng hợp thông tin tuyển dụng của các doanh nghiệp trong các năm 2020, 2021, 9 tháng đầu năm 2022)

Các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm, thông tin tuyển dụng của các doanh nghiệp đều được đăng tải trên trang Web của Trường, đồng thời đưa về khoa Cơ khí chính xác để khoa thông tin đến học sinh.

(6.3.03 - Các thông báo về thông tin tuyển dụng lao động của các công ty, doanh nghiệp cho HS của Trường và hình chụp tin được đăng tải trên trang web của trường <https://vieclamhungvuong.talentnetwork.vn/> năm 2020, 2021, 9 tháng đầu năm 2022).

Khi học sinh chuẩn bị tốt nghiệp, Trường tổ chức cho học sinh đăng ký tìm việc làm cũng như nắm lại các thông tin cá nhân để thuận tiện liên hệ. Bên cạnh đó, Hiệu trưởng nhà trường còn chỉ đạo Khoa Cơ khí chính xác hỗ trợ giới thiệu việc làm cho học sinh tại đơn vị. Tổ Quan hệ doanh nghiệp và giới thiệu việc làm thực hiện thống kê và định kỳ báo cáo số lượng học sinh tốt nghiệp đăng ký và được giới thiệu việc làm và đề xuất các giải pháp để nâng cao hiệu quả công tác giới thiệu việc làm của Trường.

(6.3.04 - các Danh sách cán bộ, nhân viên, giáo viên thực hiện công tác tư vấn, giới thiệu việc làm cho học sinh năm 2020, 2021, 9 tháng đầu năm 2022;

6.3.05 - các Danh sách học sinh đã tốt nghiệp năm 2020, 2021, 2022 đăng ký tìm việc làm;

6.3.06 - các Danh sách học sinh đã tốt nghiệp được giới thiệu việc làm năm 2020, 2021, 2022; 6.3.07 - các Báo cáo của Phòng Đào tạo về kết quả công tác tư vấn, giới thiệu việc làm năm 2020, 2021, 9 tháng đầu năm 2021).

Trường TCN KTCN Hùng Vương thực hiện thường xuyên công tác tư vấn, giới thiệu việc làm cho đối tượng học sinh tốt nghiệp. Đồng thời, Trường cũng xây dựng kế hoạch tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng định kỳ hàng năm.

(6.3.08 - Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về tổ chức hội chợ việc làm năm học 2020-2021, 2021-2022; Kế hoạch của Phòng Đào tạo về tổ chức hoạt động “Tham quan nhà máy Ajinomoto từ xa”;

6.3.09 - Danh sách các nhà tuyển dụng tham gia tổ chức hội chợ việc làm năm học 2020-2021, 2021-2022;

6.3.10 - các Báo cáo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về kết quả tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng năm học 2020-2021, 2021-2022)

Trường TCN KTCN Hùng Vương còn xây dựng kế hoạch và triển khai công tác thu thập ý kiến đối với học sinh tốt nghiệp để nắm thông tin về công tác tư vấn, giới thiệu việc làm cho học sinh tốt nghiệp định kỳ hàng năm. Kết quả trên 90% ý kiến đồng ý về học sinh được giới thiệu việc làm khi tốt nghiệp.

(6.3.11 - các Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về khảo sát ý kiến của học sinh tốt nghiệp năm 2020-2021, 2021-2022;

6.3.12 - các Phiếu thu thập ý kiến của học sinh tốt nghiệp về thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp năm 2020-2021, 2021-2022;

6.3.13 - các Bản tổng hợp ý kiến của học sinh tốt nghiệp về thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp năm học 2020-2021, 2021-2022)

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 6: 02 điểm

Tiêu chuẩn 6.4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Học sinh, học viên của Trường TCN KTCN Hùng Vương được tạo điều kiện tham gia hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội trong quá trình học tập, rèn luyện trong và ngoài Trường. Đoàn Thanh niên Trường phối hợp với phòng, ban chuyên môn phát động, triển khai các kế hoạch chào mừng như ngày Giỗ Tổ Hùng Vương, ngày thành lập Đoàn TNCSHCM, Chào mừng ngày Giải phóng miền Nam 30/4, Quốc tế Lao động 01/5, Chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 hàng năm.

(6.4.01 - các Kế hoạch của BCH Đoàn Trường TCN KTCN Hùng Vương về công tác năm học 2020-2021, 2021-2022;

6.4.02 – các Kế hoạch của BCH Đoàn Trường TCN KTCN Hùng Vương năm học 2020-2021, 2021-2022 về hoạt động chào mừng ngày Giỗ Tổ Hùng Vương, ngày thành lập Đoàn TNCSHCM, Chào mừng ngày Giải phóng miền Nam 30/4, Quốc tế Lao động 01/5, Chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11;

6.2.12- các Báo cáo của BCH Đoàn Trường TCN KTCN Hùng Vương về tổng kết công tác Đoàn và phong trào thanh niên Trường năm học 2020-2021, 2021-2022;

6.4.03 – Hồ sơ học sinh tham gia các hoạt động thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ các năm học 2020-2021, 2021-2022).

Trường TCN KTCN Hùng Vương bố trí Hội trường dùng chung để học sinh tham gia các hoạt động văn nghệ; khu vực sân trường, sân cầu lông cho các hoạt động thể dục thể thao trong Trường; ngoài ra, trong các ngày lễ kỷ niệm trong năm, Trường còn thuê các sân bóng mini để phục vụ hoạt động thể thao

(5.1.01 - Sơ đồ mặt bằng kiến trúc Trường TCN KTCN Hùng Vương; 5.1.02 - Bảng số liệu diện tích các khu của Trường)

Ngoài ra, Nhà trường còn tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động xã hội như Chiến dịch mùa hè xanh, hiến máu nhân đạo, gây quỹ chăm lo Tết Nguyên đán.

(6.4.04 – Hồ sơ học sinh tham gia các hoạt động xã hội năm học 2020-2021, 2021-2022).

Hoạt động văn nghệ, thể thao và các hoạt động phong trào được Khoa Cơ khí chính xác xác định là sân chơi chính, bổ ích và lành mạnh nhằm giúp học sinh rèn luyện năng

khieu và kỹ năng, rèn luyện sức khỏe cả về thể chất lẫn tinh thần; qua đó, giúp cho HSSV học tập tốt, rèn luyện tốt. Trong đó, Khoa Cơ khí chính xác luôn chứng tỏ là một trong các khoa tích cực tham gia vào các hoạt động VHVN, TDTT trong nhà trường, với sự nhiệt tình hưởng ứng của học sinh khoa. Với tinh thần đó, năm học 2020-2021, khoa Cơ khí chính xác đã có 01 giải nhì hội thi karaoke năm 2020, 01 giải nhất cuộc thi trang trí bảng tin khoa năm 2021, giải ba Hội thi cắm hoa, 01 giải Nhì Hội thi chứng mâm ngũ quả, 01 giải nhất Hội thi kéo co...; năm học 2021-2022, khoa Cơ khí chính xác đã có giải khuyến khích cuộc thi tìm hiểu về Quốc lễ Giỗ tổ Hùng Vương, ngày Giải phóng Miền nam 30/4 và Quốc tế Lao động 1/5; giải nhì hội thi kéo co

(6.2.13 - các Danh sách học sinh được khen thưởng trong các hội thi do Đoàn Thanh niên Trường tổ chức năm học 2020-2021, 2021-2022)

Theo kết quả khảo sát ý kiến của học sinh của Trường về: "Học sinh được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục, thể thao, tham gia các hoạt động xã hội":

TT	Câu hỏi khảo sát		Năm 2021		Năm 2022	
			Số phiếu	Tỉ lệ %	Số phiếu	Tỉ lệ %
1.	Học sinh được tạo điều kiện tham gia hoạt động trong các câu lạc bộ văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động đoàn thể, xã hội;	Rất hài lòng	361	68.4	333	48.8
		Hài lòng	129	24.4	254	37.2
		Tương đối hài lòng	33	6.3	88	12.9

Riêng khoa Cơ khí chính xác:

TT	Câu hỏi khảo sát		Năm 2021		Năm 2022	
			Số phiếu	Tỉ lệ %	Số phiếu	Tỉ lệ %
2.	Học sinh được tạo điều kiện tham gia hoạt động trong các câu lạc bộ văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động đoàn thể, xã hội;	Rất hài lòng	40	58,8	24	50
		Hài lòng	27	39,7	22	45,8
		Tương đối hài lòng	1	1,5	2	4,2

(6.4.05 - các Bảng tổng hợp ý kiến của người học, người học tốt nghiệp đã đi làm về được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội năm học 2020-2021, 2021-2022;

6.1.08 - các Báo cáo của phòng Công tác HSSV về kết quả thu thập ý kiến người học 2020-2021, 2021-2022).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 6: 02 điểm

2.2.7.TIÊU CHÍ 7: GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG

Mở đầu:

Một trong những nội dung quan trọng làm cơ sở đánh giá, cải tiến chất lượng đào tạo là khảo sát ý kiến đánh giá của đơn vị sử dụng lao động; ý kiến của cán bộ, nhân viên, giáo viên giảng dạy và ý kiến của người học, người học tốt nghiệp. Định kỳ hàng năm, nhà trường thực hiện thu thập ý kiến doanh nghiệp sử dụng lao động; ý kiến cán bộ quản lý; viên chức, giáo viên và học sinh tốt nghiệp, học sinh đang theo học tại: về chất lượng đào tạo, chương trình, giáo trình đào tạo; về mức độ đáp ứng của người học sau khi tốt nghiệp làm việc tại doanh nghiệp; về các dịch vụ phục vụ người học.... trong quá trình đào tạo nhằm nắm bắt những mặt còn tồn tại để nâng cao chất lượng đào tạo.

* Những điểm mạnh

Hàng năm, Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên, người lao động, người học về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, giáo viên, viên chức và người lao động; tổ chức lấy ý kiến đánh giá người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của Trường;

Hàng năm, Nhà trường có thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo quy định và thực hiện các biện pháp cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá chất lượng

* Những tồn tại: Không có

* Kế hoạch nâng cao chất lượng

Điểm đánh giá tiêu chí 7

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 7	16
Tiêu chuẩn 1	02
Tiêu chuẩn 2	02
Tiêu chuẩn 3	02
Tiêu chuẩn 4	02
Tiêu chuẩn 5	02
Tiêu chuẩn 6	02
Tiêu chuẩn 7	02
Tiêu chuẩn 8	02

Tiêu chuẩn 7.1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu của 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh dịch vụ.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đánh giá chất lượng đào tạo thông qua khảo sát ý kiến của doanh nghiệp để đánh giá mức độ đáp ứng của người học sau khi tốt nghiệp đang tham gia làm

việc tại doanh nghiệp, đánh giá sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh dịch vụ.

Nhà trường giao cho Tổ Quan hệ doanh nghiệp và giới thiệu việc làm thuộc Phòng Đào tạo lập kế hoạch thu thập ý kiến của doanh nghiệp có tuyển dụng học sinh của Trường. Theo đó, số lượng doanh nghiệp được khảo sát các năm như sau:

- Năm 2021: Trường thực hiện thu thập ý kiến khảo sát 118 doanh nghiệp đã liên kết đào tạo với trường, nhận học sinh thực tập và làm việc, trong đó có 12 doanh nghiệp sử dụng lao động là học sinh nghề Cắt gọt kim loại của trường, có hợp tác với trường trong đào tạo.
- Năm 2022: Trường thực hiện thu thập ý kiến khảo sát 126 doanh nghiệp đã liên kết đào tạo với trường, nhận học sinh thực tập và làm việc, trong đó có 15 doanh nghiệp sử dụng lao động là học sinh nghề Cắt gọt kim loại của trường, có hợp tác với trường trong đào tạo.

(7.1.01 - các Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về thu thập ý kiến doanh nghiệp có người tốt nghiệp làm việc tại doanh nghiệp năm 2020, 2021, 2022;

7.1.02 - các Danh sách doanh nghiệp được thu thập ý kiến năm 2020, 2021, 2022)

Thông qua phiếu khảo sát, Nhà trường lấy ý kiến của doanh nghiệp về mức độ đáp ứng công việc của học sinh tốt nghiệp làm việc tại đơn vị và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh dịch vụ.

(7.1.03- Báo cáo kết quả khảo sát doanh nghiệp từ năm 2020, 2021, 2022; 7.1.04 – Bảng thống kê ý kiến khảo sát doanh nghiệp từ năm 2020, 2021, 2022)

Về nội dung mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp nghề Cơ khí chính xác đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động: Với 3 mức độ đánh giá: 5: *Rất hài lòng*; 4: *Hài lòng*; 3: *Tương đối hài lòng*. Kết quả:

Năm	<i>Rất hài lòng</i>	<i>Hài lòng</i>	<i>Tương đối hài lòng</i>
2021		12/12	
2022		15/15	

Về sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh dịch vụ tương ứng với mức độ đánh giá về kiến thức và kỹ năng của HSSV áp dụng vào thực tế sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp với 05 mức độ đánh giá: 1: Không phù hợp; 2: Chưa thực sự phù hợp; 3: Tương đối phù hợp; 4: Phù hợp; 5: Rất phù hợp
Kết quả:

Năm	Không phù hợp	Chưa thực sự phù hợp	Tương đối phù hợp	Phù hợp	Rất phù hợp
2021				12/12	
2022				15/15	

Như vậy, qua khảo sát các doanh nghiệp đánh giá người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị đáp ứng được yêu cầu và chương trình đào tạo phù hợp với thực tiễn sản xuất, kinh doanh dịch vụ.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, Nhà trường tự đánh giá tiêu chuẩn I đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 7: 02 điểm

Tiêu chuẩn 7.2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Trường đều tiến hành điều tra về tình hình việc làm của học sinh sau khi tốt nghiệp thông qua các phiếu khảo sát khi học sinh nhận bằng tốt nghiệp, qua các **hình thức: các phiếu khảo sát online khi học sinh nhận bằng tốt nghiệp, 06 tháng sau khi học sinh tốt nghiệp.**

Năm 2020, Khoa Cơ khí chính xác có 12 học sinh tốt nghiệp nghề Cắt gọt kim loại. Năm 2021, Trường đã thực hiện điều tra lần vết tới 100% số lượng học sinh tốt nghiệp năm 2020, với tỷ lệ phản hồi 08/12 học sinh, đạt 66,7%. Số học sinh có việc làm đúng nghề được đào tạo trong 06 tháng sau khi tốt nghiệp là 08/08 học sinh phản hồi, đạt tỷ lệ 100% .

Năm 2021, Khoa Cơ khí chính xác có 12 học sinh tốt nghiệp nghề Cắt gọt kim loại. Năm 2022, Trường đã thực hiện điều tra lần vết tới 100% số lượng học sinh năm 2021, với tỷ lệ phản hồi 08/12 học sinh, đạt 66,7%. Số học sinh có việc làm đúng nghề được đào tạo trong 06 tháng sau khi tốt nghiệp là 08/08 học sinh phản hồi, đạt tỷ lệ 100%.

Năm 2022, Khoa Cơ khí chính xác có 17 học sinh tốt nghiệp nghề Cắt gọt kim loại. Trường đang triển khai công tác giới thiệu việc làm, khảo sát ý kiến đối với 100% số lượng học sinh tốt nghiệp. Dự kiến tháng 01/2023, sẽ thực hiện điều tra lần vết.

(2.5.08 - Quyết định công nhận tốt nghiệp các năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, kèm danh sách học sinh tốt nghiệp nghề Cắt gọt kim loại;

7.2.01- Kế hoạch điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp các năm học 2020-2021, 2021-2022;

7.2.02- Phiếu khảo sát điều tra lần vết đối với người học đã tốt nghiệp các năm học 2020-2021, 2021-2022;

7.2.03- Bảng tổng hợp thông tin việc làm đối với người học đã tốt nghiệp các năm học 2020-2021, 2021-2022;

7.2.04- Báo cáo kết quả điều tra lần vết các năm học 2020-2021, 2021-2022)

Về nội dung đánh giá về chất lượng đào tạo của nhà trường tại phiếu khảo sát có 05 mức độ đánh giá. Kết quả:

Năm	Hoàn toàn không hài lòng	Không hài lòng	Khá hài lòng	Hài lòng	Rất hài lòng
2021				8/8	
2022				8/8	

Về nội dung sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm tại phiếu khảo sát với 5 mức độ đánh giá. Kết quả:

Năm	Không phù hợp	Chưa thực sự phù hợp	Tương đối phù hợp	Phù hợp	Rất phù hợp
2021				8/8	
2022				8/8	

Như vậy, nhà trường đã thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của trường và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, Nhà trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 7: 02 điểm

Tiêu chuẩn 7.3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Năm học 2020-2021:

- Trường TCN KTCN Hùng Vương ban hành kế hoạch số 40/KH-KTCNHV-KTĐB ngày 17/5/2021 về việc khảo sát ý kiến cán bộ, giáo viên, nhân viên năm học 2020- 2021.
- Danh sách cán bộ quản lý, giáo viên, viên chức và người lao động được thu thập ý kiến năm học 2020 - 2021: 78 người (trong đó: 40 người là giáo viên gồm 31 trung cấp và 9 sơ cấp; 07 người là cán bộ, 31 người lao động). Khoa Cơ khí chính xác: 03 giáo viên.
- Thu thập ý kiến được thực hiện bằng phiếu khảo sát online, có bảng tổng hợp kèm theo phiếu khảo sát.

Kết quả 95% cán bộ quản lý, giáo viên, viên chức và người lao động, riêng khoa Cơ khí chính xác 100% CBGV được thu thập ý kiến đều hài lòng và rất hài lòng các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, giáo viên, viên chức và người lao động của Nhà trường.

Năm học 2021-2022:

- Trường TCN KTCN Hùng Vương ban hành Kế hoạch số 46/KH-KTCNHV-KTĐB ngày 21/7/2021 về khảo sát ý kiến cán bộ, giáo viên, nhân viên năm học 2021- 2022.
- Danh sách cán bộ quản lý, giáo viên, viên chức và người lao động được thu thập ý kiến năm học 2020 - 2021: 73 người (trong đó 41 người là giáo viên gồm 30 trung cấp; 11 sơ cấp), và 08 người là cán bộ, 24 người lao động).
- Thu thập ý kiến được thực hiện bằng phiếu khảo sát online, có bảng tổng hợp kèm theo phiếu khảo sát.

Kết quả 95% cán bộ quản lý, giáo viên, viên chức và người lao động, riêng khoa Cơ khí chính xác 100% CBGV được thu thập ý kiến đều hài lòng và rất hài lòng các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, giáo viên, viên chức và người lao động của Nhà trường.

(7.3.01 - các Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về khảo sát ý kiến cán bộ, giáo viên, nhân viên năm học 2020 -2021, 2021-2022;

7.3.02 – Danh sách cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên năm học 2020-2021, 2021-2022;

7.3.03 – Danh sách cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được thu thập ý kiến năm học 2020-2021, 2021-2022;

7.3.04 - Phiếu thu thập ý kiến cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên năm học 2020 -2021, 2021-2022;

7.3.05 - Bản tổng hợp kết quả khảo sát ý kiến cán bộ quản lý năm học 2020 -2021, 2021-2022;

2.2.09 – Bảng tổng hợp kết quả khảo sát ý kiến giáo viên các năm học 2020-2021, 2021-2022;

7.3.06 - Bản tổng hợp kết quả khảo sát ý kiến nhân viên năm học 2020 -2021, 2021-2022;

7.3.07 – Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên các năm học 2020 -2021, 2021-2022)

Ngoài ra, hàng năm Nhà trường có tổ chức Hội nghị cán bộ viên chức giáo viên người lao động, đối thoại giữa Ban Giám Hiệu với Cán bộ, giáo viên, nhân viên về tình hình thực hiện nhiệm vụ chính trị của nhà trường. Nội dung các cuộc đối thoại về vấn đề chế độ chính sách, quy chế dân chủ tại cơ sở, quy chế thi đua khen thưởng, quy chế đào tạo, công tác xây dựng cơ sở vật chất, quản trị đảm bảo các điều kiện phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học,...

(7.3.08 - các Biên bản Hội nghị cán bộ, giáo viên, nhân viên hàng năm 2021, 2022)

Kết luận: Trường đã thu thập ý kiến đánh giá cán bộ quản lý, giáo viên, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, giáo viên, viên chức và người lao động theo đúng quy định

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, Nhà trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 7: 02 điểm

Tiêu chuẩn 7.4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ chính sách và các dịch vụ đối với người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Một trong những kênh thông tin rất quan trọng đối với Nhà trường để điều chỉnh các hoạt động góp phần đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của người học là sự phản hồi của người học thông qua hình thức khảo sát. Việc thực hiện thu thập ý kiến phản hồi từ người học được thực hiện bằng hình thức phát phiếu khảo sát. Các câu hỏi nhằm xác định mức độ hài lòng của người học về các nội dung chủ yếu như: các ngành, nghề đào tạo; về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng chương trình, giáo trình; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan khác.

Năm học 2020 - 2021:

- Trường ban hành kế hoạch số 14/KH- CTHSSV ngày 02 tháng 10 năm 2020 và kế hoạch số: 01/KH-CTHSSV ngày 23 tháng 03 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Trung

cấp KTCN Hùng Vương về việc thu thập ý kiến người học. Tại mục II. Đối tượng, công cụ, phương pháp thực hiện: Đối tượng; học sinh đang học tại trường học sinh khóa 18K12-2, 19K13, 20K14; Công cụ: phiếu thu thập ý kiến người học; Phương pháp: biểu mẫu online trên website của Trường <http://tuyensinhhungvuongtech.edu.vn/phieu-khao-sat/khao-sat-ý-kiến-người-học>.

- Danh sách HS năm học 2020 - 2021: 1.631 học sinh.
- Danh sách người học được thu thập ý kiến năm 2020: 528 học sinh.
- Thu thập ý kiến HS bằng phiếu khảo sát online trên website của Trường, có bảng tổng hợp.
- Tỷ lệ học sinh được thu thập ý kiến 32,4% (528/1.631).

Kết quả 93,6 % học sinh đại diện cho các nghề đào tạo đều hài lòng và rất hài lòng về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng dịch vụ, giảng dạy và thực hiện các chính sách liên quan của Nhà trường.

Năm học 2021 - 2022:

- Trường TCN KTCN Hùng Vương ban hành kế hoạch số 01/KH-CTHSSV ngày 11/01/2022 về việc thu thập ý kiến người học. Tại mục II. Đối tượng, công cụ, phương pháp thực hiện: Đối tượng; học sinh đang học tại trường học sinh khóa 19K13-2, 20K14, 21K15; Công cụ: phiếu thu thập ý kiến người học; Phương pháp: biểu mẫu online trên website của Trường <http://tuyensinhhungvuongtech.edu.vn/phieu-khao-sat/khao-sat-ý-kiến-người-học>.
- Danh sách HS năm học 2021 - 2022: 1.783 học sinh.
- Danh sách người học được thu thập ý kiến năm 2020: 683 học sinh.
- Thu thập ý kiến HS bằng phiếu khảo sát online trên website của Trường, có bảng tổng hợp.
- Tỷ lệ học sinh được thu thập ý kiến: 38,3% (683/1.783).

Kết quả 84,4% học sinh đại diện cho các nghề đào tạo đều hài lòng và rất hài lòng về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng dịch vụ, giảng dạy và thực hiện các chính sách liên quan của Nhà trường.

(7.4.01 - Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về thu thập ý kiến người học năm học 2020 – 2021, 2021-2022;

7.4.02 - các Danh sách học sinh thực học hệ trung cấp năm học 2020-2021, 2021-2022;

7.4.03 - các Danh sách người học hệ trung cấp được thu thập ý kiến năm học 2020-2021, 2021-2022;

7.4.04 - các Phiếu thu thập ý kiến người học hệ trung cấp năm học 2020-2021, 2021-2022;

2.2.10 - Bảng tổng hợp kết quả khảo sát ý kiến người học các năm học 2020-2021, 2021-2022

7.4.05 - các Báo cáo của phòng Công tác HSSV về kết quả thu thập ý kiến người học năm học 2020-2021, 2021-2022).

Trong đó, số lượng học sinh nghề Cắt gọt kim loại hàng năm tham gia khảo sát đều trên 50%. Cụ thể: năm học 2020-2021 có 68/97 học sinh tham gia khảo sát, đạt tỷ lệ

70,1%; năm học 2021-2022 có 48/69 học sinh tham gia khảo sát, đạt tỷ lệ 69,6%, cụ thể như sau:

* Năm học 2020-2021:

Mức đánh giá Nội dung khảo sát	Khá hài lòng	Hài lòng	Rất hài lòng
Hình thức, phương thức đào tạo		68/68	
Chất lượng giảng dạy		68/68	
Chế độ chính sách		68/68	
Dịch vụ người học		68/68	

* Năm học 2021-2022

Mức đánh giá Nội dung khảo sát	Khá hài lòng	Hài lòng	Rất hài lòng
Hình thức, phương thức đào tạo		48/48	
Chất lượng giảng dạy		48/48	
Chế độ chính sách		48/48	
Dịch vụ người học		48/48	

Kết quả khảo sát được thể hiện trong từng năm đã phản nào phản ánh tâm tư nguyện vọng của người học, đối với những ý kiến còn chưa thật sự hài lòng trong nội dung khảo sát, Nhà trường đã xem xét và điều chỉnh, khắc phục nhằm cải tiến chất lượng dịch vụ phục vụ người học ngày một tốt hơn.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, Nhà trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 7: 02 điểm

Tiêu chuẩn 7.5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện công văn số 639/TCGDNN-KĐCL ngày 05/4/2018 về việc tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Nhà trường đã thực hiện đánh giá chất lượng trường và tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các nghề trọng điểm trong đó có chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại trình độ Cao đẳng bắt đầu từ năm 2018. Hàng năm, trường thực hiện kiện toàn các Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo, xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ, triển khai công tác tự đánh giá theo đúng quy định tại thông tư 28/2017/TT-BLĐTĐBXH.

Trường thực hiện tự đánh giá chất lượng trường và tự đánh giá các chương trình đào tạo theo quy trình 4 bước:

1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng.
2. Thực hiện tự đánh giá chất lượng.
3. Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng.
4. Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng và gửi cơ quan có thẩm quyền.

Cụ thể kết quả tự đánh giá nghề Cắt gọt kim loại các năm như sau:

Năm 2020: Điểm tự đánh giá: 86/100 ;

Kết quả: đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

Năm 2021: Điểm tự đánh giá: 94/100 ;

Kết quả: đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

(7.5.01 – Kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp năm 2020, 2021, 2022;

7.5.02 – Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp năm 2020, 2021, 2022;

7.5.03 – Hồ sơ về công tác tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp năm 2020, 2021, 2022;

7.5.04 - Báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề cắt gọt kim loại trình độ trung cấp năm 2020, 2021;

7.5.05 - các Biên bản họp về công bố công khai báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng Trường, tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2019, năm 2020; hình ảnh công khai Báo cáo Tự đánh giá chất lượng trên website Trường)

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, Nhà trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 7: 02 điểm

Tiêu chuẩn 7.6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).

Mô tả, phân tích và nhận định:

Hàng năm, trên cơ sở đánh giá từng tiêu chí, tiêu chuẩn, Nhà trường xác định được các ưu điểm để tập trung phát huy. Với những tiêu chuẩn không đạt, Hội đồng tự đánh giá đã thảo luận đề xuất phương hướng, kế hoạch tự khắc phục nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. Kế hoạch và kết quả khắc phục các tồn tại được chỉ ra trong báo cáo tự đánh giá các năm 2020, 2021 của chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp cụ thể như sau:

Năm 2020: Bảng tổng hợp nâng cao chất lượng năm 2020

Tiêu chí	Những điểm hạn chế	Kế hoạch khắc phục điểm hạn chế		
		Nội dung công việc sẽ triển khai	Thời gian dự kiến hoàn thành	Cá nhân, đơn vị chủ trì thực hiện
Tiêu chí 2	- Số lượng học sinh đăng ký học liên thông từ hệ sơ cấp lên hệ trung cấp còn thấp, chưa đủ số lượng để mở lớp. - Chưa phối hợp tổ chức đào tạo liên thông từ trung cấp lên cao đẳng	- Tăng cường công tác tuyển sinh đào tạo liên thông từ hệ sơ cấp lên trung cấp - Phối hợp tổ chức đào tạo liên thông từ trung cấp lên cao đẳng	2021	Phòng Đào tạo

Tiêu chí	Những điểm hạn chế	Kế hoạch khắc phục điểm hạn chế		
		Nội dung công việc sẽ triển khai	Thời gian dự kiến hoàn thành	Cá nhân, đơn vị chủ trì thực hiện
Tiêu chí 3	Chưa đảm bảo tất cả các môn, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ giáo viên đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/ giáo viên theo quy định.	Tuyển dụng bổ sung giáo viên cho khoa Cơ khí chính xác; Thực hiện mở lớp đảm bảo tỉ lệ 10 học sinh/lớp.	2021	Phòng TCHC-QT
Tiêu chí 4	Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo chưa đảm bảo việc liên thông giữa trình độ trung cấp với trình độ cao đẳng, đại học	Phối hợp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học để công nhận chương trình đào tạo trình độ trung cấp do Trường xây dựng	2021	Phòng Đào tạo
Tiêu chí 5	Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo. Tiêu chuẩn 6: Chưa có thư viện điện tử để quản lý thư viện cũng như để tích hợp chương trình, giáo trình tài liệu tham khảo	Tiếp tục đề xuất đầu tư thiết bị đào tạo cho nghề trọng điểm Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp. Đầu tư, xây dựng thư viện điện tử; thực hiện số hóa chương trình, giáo trình, tài liệu tham khảo và tích hợp vào thư viện điện tử	2021	Trường

Năm 2021: Bảng tổng hợp nâng cao chất lượng năm 2021

Tiêu chí	Những điểm hạn chế	Kế hoạch khắc phục điểm hạn chế		
		Nội dung công việc sẽ triển khai	Thời gian dự kiến hoàn thành	Cá nhân, đơn vị chủ trì thực hiện
Tiêu chí 2	- Số lượng học sinh đăng ký học liên thông từ hệ sơ cấp lên hệ trung cấp còn thấp, chưa đủ số lượng để mở lớp. - Chưa phối hợp tổ chức đào tạo liên thông từ trung cấp lên cao đẳng	- Tăng cường công tác tuyển sinh đào tạo liên thông từ hệ sơ cấp lên trung cấp - Phối hợp tổ chức đào tạo liên thông từ trung cấp lên cao đẳng	2022	Phòng Đào tạo

Tiêu chí	Những điểm hạn chế	Kế hoạch khắc phục điểm hạn chế		
		Nội dung công việc sẽ triển khai	Thời gian dự kiến hoàn thành	Cá nhân, đơn vị chủ trì thực hiện
Tiêu chí 3	Chưa đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ giáo viên đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/ giáo viên theo quy định.	Tuyển dụng bổ sung giáo viên cho khoa Cơ khí chính xác; Thực hiện mở lớp đảm bảo tỉ lệ 10 học sinh/lớp.	2022	Phòng TCHC-QT
Tiêu chí 4	Chương trình đào tạo chưa đảm bảo việc liên thông giữa trình độ trung cấp với trình độ cao đẳng, đại học	Phối hợp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học để công nhận chương trình đào tạo trình độ trung cấp do Trường xây dựng	2022	Phòng Đào tạo
Tiêu chí 5	Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo	Tiếp tục đề xuất đầu tư thiết bị đào tạo cho nghề trọng điểm Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp	2022	Trường

Trên cơ sở danh mục các biện pháp cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo, nhà trường xác định mục tiêu chất lượng hàng năm, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện; trong đó, nội dung bao gồm kết quả tự đánh giá chất lượng của Trường hàng năm.

Mục tiêu chất lượng trường năm học 2020-2021 gồm có 6 nội dung chính: (1) Công tác đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá nhân sự, (2) Công tác đào tạo, (3) Công tác đảm bảo chất lượng(xây dựng hệ thống tài liệu bảo đảm chất lượng trong năm 2021 đối với các quy trình; đánh giá nội bộ), (4) Công tác học sinh, (5) Công tác chế độ chính sách, (6) Thực hiện môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện.

Mục tiêu chất lượng trường năm học 2021-2022 gồm có 6 nội dung chính: (1) Công tác đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá nhân sự, (2) Công tác đào tạo, (3) Công tác đảm bảo chất lượng(xây dựng hệ thống tài liệu bảo đảm chất lượng trong năm 2021 đối với các quy trình; đánh giá nội bộ), (4) Công tác học sinh, (5) Công tác chế độ chính sách, (6) Thực hiện môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện.

(7.6.01 - Mục tiêu chất lượng của Trường năm học 2020-2021, 2021-2022;

7.6.02 - Danh sách các biện pháp cải thiện, nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo của Trường năm 2021, 2022)

(7.6.03 - Kế hoạch thực hiện Mục tiêu chất lượng của Trường năm học 2020-2021, 2021-2022)

Căn cứ Kế hoạch thực hiện Mục tiêu chất lượng của Trường đã ban hành, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng triển khai đến tất cả các phòng, khoa, bộ môn, trung tâm

xác định, xây dựng mục tiêu chất lượng và kế hoạch cụ thể của từng đơn vị. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở và yêu cầu các đơn vị báo cáo kết quả thực hiện hàng năm.

(7.6.04 – Mục tiêu chất lượng và Kế hoạch thực hiện Mục tiêu chất lượng của các đơn vị năm học 2020-2021, 2021-2022;

7.6.05 - Báo cáo kết quả thực hiện Mục tiêu chất lượng của các đơn vị và của Trường năm học 2020-2021, 2021-2022)

Ngoài ra, kết quả thực hiện cải tiến chất lượng còn được báo cáo tổng kết của đơn vị và Báo cáo Hội nghị CBVC hàng năm. Qua đó, những điểm còn tồn tại Nhà trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo

(7.5.04 - Báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề cắt gọt kim loại trình độ trung cấp năm 2020, 2021;

1.6.35 - Báo cáo tổng kết công tác các năm 2020, 2021, 9 tháng đầu năm 2022 của Trường)

Trường có kế hoạch và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá định kỳ hàng năm.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, Nhà trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 7: 02 điểm

Tiêu chuẩn 7.7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với nghề được đào tạo.

Mô tả, phân tích và nhận định:

Hàng năm, Trường đều tiến hành điều tra về tình hình việc làm của học sinh sau khi tốt nghiệp thông qua các phiếu khảo sát khi học sinh nhận bằng tốt nghiệp, qua các hình thức: điện thoại lần vết trực tiếp đến học sinh và các phiếu khảo sát online.

Năm 2020, Khoa Cơ khí chính xác có 12 học sinh tốt nghiệp nghề Cắt gọt kim loại. Năm 2021, Trường đã thực hiện điều tra lần vết tới 100% số lượng học sinh tốt nghiệp năm 2020, với tỷ lệ phản hồi 08/12 học sinh, đạt 66,7%. Số học sinh có việc làm đúng nghề được đào tạo trong 06 tháng sau khi tốt nghiệp là 08/08 học sinh phản hồi, đạt tỷ lệ 100% .

Năm 2021, Khoa Cơ khí chính xác có 12 học sinh tốt nghiệp nghề Cắt gọt kim loại. Năm 2022, Trường đã thực hiện điều tra lần vết tới 100% số lượng học sinh năm 2021, với tỷ lệ phản hồi 08/12 học sinh, đạt 66,7%. Số học sinh có việc làm đúng nghề được đào tạo trong 06 tháng sau khi tốt nghiệp là 08/08 học sinh phản hồi, đạt tỷ lệ 100%.

Năm 2022, Khoa Cơ khí chính xác có 17 học sinh tốt nghiệp nghề Cắt gọt kim loại. Trường đang triển khai công tác giới thiệu việc làm, khảo sát ý kiến đối với 100% số lượng học sinh tốt nghiệp. Dự kiến tháng 01/2023, sẽ thực hiện điều tra lần vết.

(2.5.08 - Quyết định công nhận tốt nghiệp các năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, kèm danh sách học sinh tốt nghiệp nghề Cắt gọt kim loại;

7.2.01- Kế hoạch điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp các năm học 2020-2021, 2021-2022;

7.2.02- Phiếu khảo sát điều tra lần vết đối với người học đã tốt nghiệp các năm học 2020-2021, 2021-2022;

7.2.03- Bảng tổng hợp thông tin việc làm đối với người học đã tốt nghiệp các năm học 2020-2021, 2021-2022;

7.2.04- Báo cáo kết quả điều tra lần vết các năm học 2020-2021, 2021-2022).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, Nhà trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 7: 02 điểm

Tiêu chuẩn 7.8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

Mô tả, phân tích và nhận định:

Nhà trường giao cho Tổ Quan hệ doanh nghiệp và giới thiệu việc làm thuộc Phòng Đào tạo lập kế hoạch thu thập ý kiến của doanh nghiệp có tuyển dụng học sinh của Trường. Theo đó, số lượng doanh nghiệp được khảo sát các năm như sau:

- Năm 2021: Trường thực hiện thu thập ý kiến khảo sát 118 doanh nghiệp đã liên kết đào tạo với trường, nhận học sinh thực tập và làm việc, trong đó có 12 doanh nghiệp sử dụng lao động là học sinh nghề Cắt gọt kim loại của trường, có hợp tác với trường trong đào tạo.
- Năm 2022: Trường thực hiện thu thập ý kiến khảo sát 126 doanh nghiệp đã liên kết đào tạo với trường, nhận học sinh thực tập và làm việc, trong đó có 15 doanh nghiệp sử dụng lao động là học sinh nghề Cắt gọt kim loại của trường, có hợp tác với trường trong đào tạo.

(7.1.01 - các Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về thu thập ý kiến doanh nghiệp có người tốt nghiệp làm việc tại doanh nghiệp năm 2020, 2021, 2022;

7.1.02 - các Danh sách doanh nghiệp được thu thập ý kiến năm 2020, 2021, 2022)

Thông qua phiếu khảo sát, Nhà trường lấy ý kiến của doanh nghiệp về mức độ đáp ứng công việc của học sinh tốt nghiệp làm việc tại đơn vị và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh dịch vụ.

(7.1.03- Báo cáo kết quả khảo sát doanh nghiệp từ năm 2020, 2021, 2022; 7.1.04 – Bảng thống kê ý kiến khảo sát doanh nghiệp từ năm 2020, 2021, 2022)

Như vậy, qua khảo sát các doanh nghiệp được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

Năm	Hoàn toàn không hài lòng	Không hài lòng	Khá hài lòng	Hài lòng	Rất hài lòng
2021				12/12 (100%)	
2022				15/15 (100%)	

Tỷ lệ các doanh nghiệp đánh giá hài lòng và khá hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người lao động đang làm việc tại đơn vị đều trên 80%.

Như vậy, căn cứ vào nội hàm tiêu chuẩn, Trường đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 7: 02 điểm

PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CTĐT

Căn cứ các điểm còn tồn tại, Trường TCN KTCN Hùng Vương xác định các nội dung kế hoạch nâng cao chất lượng đào tạo nghề Cắt gọt kim loại trong giai đoạn 2023 – 2025 với các nội dung sau:

1. Về cơ sở vật chất

Tiếp tục đầu tư xây dựng, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy đồng bộ, hiện đại, đáp ứng tiêu chuẩn của ngành/nghề và chuẩn ASEAN.

2. Về nguồn nhân lực

Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đủ về số lượng và có chất lượng, có phẩm chất đạo đức, có lương tâm nghề nghiệp, có trình độ chuyên môn tay nghề và nghiệp vụ đảm bảo theo tiêu chuẩn quy định.

3. Về khoa học và công nghệ

Hiện tại, công tác nghiên cứu khoa học của giáo viên và học sinh trong khoa chưa nhiều. Nhà trường cần phối hợp với các tổ chức giáo dục nghề nghiệp tạo điều kiện cho giáo viên và học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, tăng cường tham gia các hội thi nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, hội thi thiết bị đào tạo tự làm định kỳ.

Tăng cường phát triển thêm các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy trong thực tế, giúp học sinh có thể tiếp cận kiến thức tốt hơn và khơi dậy sáng tạo cho học sinh.

4. Về chương trình, giáo trình

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chương trình, giáo trình, đáp ứng được nhu cầu của học sinh và phát triển của xã hội.

Tăng cường bổ sung sách, tài liệu tham khảo chuyên ngành hiện đại để học sinh có thể tiếp cận được với kiến thức và công nghệ mới trong nước, ASEAN và quốc tế.

Chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại phải đảm bảo liên thông giữa các trình độ từ trung cấp lên cao đẳng và đại học.

5. Về công tác học sinh, sinh viên

Phòng Công tác học sinh, sinh viên cần phối hợp Đoàn Thanh niên Trường tạo môi trường học tập, rèn luyện để sinh viên tích cực trong học tập và sáng tạo tiếp cận với nghiên cứu khoa học. Học sinh phải phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần và trình độ để tự tin tham gia các cuộc thi cho học sinh trong nước và quốc tế. Nâng cao vị thế đào tạo nghề Cắt gọt kim loại, tăng cường công tác tuyên truyền, tuyển sinh nghề Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp.

PHẦN IV: ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Trường đề xuất Cơ quan quản lý Nhà nước cần có các chính sách khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tiến hành tự kiểm định để nâng cao chất lượng chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đồng thời nên có cơ chế, chính sách hỗ trợ hoặc tăng cường nguồn lực về cơ sở vật chất, thiết bị cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt điểm cao khi đánh giá ngoài chất lượng chương trình đào tạo./.

Quận 5, ngày tháng 9 năm 2022
HIỆU TRƯỞNG

Phạm Quang Trang Thuỷ

PHỤ LỤC

1. Quyết định kiện toàn Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại năm 2022.
2. Kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại năm 2022.
3. Bảng mã minh chứng./.

QUYẾT ĐỊNH

**Về kiện toàn các Hội đồng tự đánh giá chất lượng
chương trình đào tạo trình độ trung cấp năm 2022**

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ HÙNG VƯƠNG

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 2470/QĐ-UBND ngày 05/6/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc thành lập Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương trực thuộc Ủy ban nhân dân Quận 5 trên cơ sở nâng cấp Trường Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương;

Căn cứ Quyết định số 55/QĐ-KTCNHV ngày 08/3/2022 của Hiệu trưởng trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương;

Căn cứ Quyết định số 77/QĐ-KTCNHV-KTĐB ngày 22/4/2022 của Hiệu trưởng trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương về ban hành Quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của Trường;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kiện toàn Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của 12 nghề trình độ trung cấp đang đào tạo tại Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương năm 2022 gồm các ngành, nghề:

1. Nghề Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí.
2. Nghề Cắt gọt kim loại.
3. Nghề Công nghệ ô tô.
4. Nghề Cơ điện tử.
5. Nghề Điện công nghiệp.
6. Nghề Điện tử công nghiệp.

7. Nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí.
8. Nghề Kỹ thuật sửa chữa và lắp ráp máy tính
9. Nghề May thời trang.
10. Nghề Quản trị mạng máy tính.
11. Nghề Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh.
12. Nghề Vẽ và thiết kế trên máy tính.

Đính kèm 12 danh sách.

Điều 2. Các Hội đồng tự đánh giá chất lượng có các nhiệm vụ sau:

- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.
- Hướng dẫn các đơn vị thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.
- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.
- Thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng và các biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo .

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Quyết định này thay thế Quyết định số 61/QĐ-KTCNVH-KTĐB ngày 21/3/2022 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương về thành lập các Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp năm 2022.

Điều 4. Lãnh đạo các đơn vị liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu VT, P.KTĐB.

HIỆU TRƯỞNG

<đã ký>

Phạm Quang Trang Thủy

DANH SÁCH
HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGHỀ CẮT GỌT KIM LOẠI

(Theo Quyết định số 202/QĐ-KTCNHV-KTĐB ngày 16/9/2022
của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chức vụ trong Hội đồng tự đánh giá
1.	Phạm Quang Trang Thủy	Hiệu trưởng Phó Bí thư Chi bộ	Chủ tịch
2.	Nguyễn Ngọc Hạnh	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch Hội đồng
3.	Trần Mộng Danh	Trưởng phòng Khảo thí và ĐBCL	Thư ký Hội đồng
4.	Nguyễn Đắc Hiển	Trưởng phòng Đào tạo, phụ trách khoa Cơ khí động lực	Thành viên
5.	Nguyễn Sơn	Phó trưởng phòng Công tác học sinh, sinh viên	Thành viên
6.	Bùi Anh Thư	Phụ trách phòng Kế toán – Tài chính	Thành viên
7.	Huỳnh Trung Nghĩa	Bí thư Đoàn trường	Thành viên
8.	Lê Bảo Khanh	Chủ tịch Công đoàn	Thành viên
9.	Nguyễn Hữu Đăng	Trưởng khoa Cơ khí chính xác	Thành viên
10.	Nguyễn Hùng Vỹ	Trưởng khoa Bảo trì cơ khí	Thành viên
11.	Lê Thanh Vinh	Giáo viên Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Tp.HCM	Thành viên
12.	Nguyễn Huy Trung	Giám đốc Công ty TNHH Sản xuất Cơ khí Chính xác Việt Nhật	Thành viên
13.	Nguyễn Đình Quyền	Giám đốc Công ty TNHH TM Đan Việt	Thành viên

KẾ HOẠCH
Về thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
ngành Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp năm 2022

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ các nội dung hướng dẫn tại Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 61/QĐ-KTCNHV-KTĐB ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương về thành lập các Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp năm 2022.

Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương xây dựng kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp năm 2022 như sau:

1. Mục đích – Yêu cầu

2. Mục đích:

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh toàn trường về tầm quan trọng của công tác tự đánh giá các điều kiện đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo của Trường theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường trung cấp. Qua đó, huy động tất cả các đơn vị trong toàn trường cùng thực hiện công tác tự đánh giá hàng năm.
- Thu thập, xử lý thông tin, minh chứng để chứng minh mức độ đạt được của trường đối với chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại dựa trên hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo. Tạo cơ sở để triển khai đánh giá chất lượng toàn bộ các chương trình đào tạo hệ trung cấp tại Trường.
- Xây dựng, thực hiện và duy trì tốt các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng đã đạt được, đồng thời khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt; qua đó giúp trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín và thương hiệu của Trường.

3. Yêu cầu

- Đảm bảo đánh giá đầy đủ chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại.
- Có sự tham gia của tất cả các đơn vị, cá nhân có liên quan của Trường.
- Đánh giá theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp hiện hành và các hướng dẫn có liên quan.
- Đảm bảo trung thực, khách quan, đầy đủ minh chứng hợp lệ để chứng minh cho nhận định trong tự đánh giá chất lượng.
- Kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo được công khai trong nội bộ trường và được lưu trữ cùng toàn bộ minh chứng, tài liệu liên quan.

II. Công cụ - Quy trình – Nội dung thực hiện tự đánh giá chất lượng

1. Công cụ

Hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo mục 2 Chương III quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng tại Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Cụ thể:

a. Gồm 07 tiêu chí với 50 tiêu chuẩn:

- Tiêu chí 1 - Mục tiêu, quản lý và tài chính;
- Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo;
- Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên;
- Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình;
- Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện;
- Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học;
- Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng.

b. Điểm đánh giá cho mỗi tiêu chuẩn đạt yêu cầu là 02 điểm, tiêu chuẩn không đạt yêu cầu là 0 điểm. Tiêu chuẩn đạt yêu cầu được xác định trên cơ sở trường đáp ứng tiêu chuẩn và duy trì ít nhất trong 02 năm liên tục tính đến thời điểm đánh giá.

c. Trường được đánh giá là đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp khi đáp ứng các yêu cầu sau:

- Tổng số điểm đánh giá đạt từ 80 điểm trở lên;
- Điểm đánh giá của các tiêu chí 3, 4, 5, 7 đạt từ 80% điểm chuẩn của từng tiêu chí trở lên. Điểm đánh giá của các tiêu chí 1, 2, 6 đạt từ 50% điểm chuẩn của từng tiêu chí trở lên.

2. Quy trình tự đánh giá chất lượng

Thực hiện tự đánh giá chất lượng theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Cụ thể như sau:

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.
- Thực hiện tự đánh giá chất lượng.
- Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng.
- Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng và gửi cơ quan có thẩm quyền.

3. Các nội dung tự đánh giá chất lượng:

- Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại năm 2022 trình Hiệu trưởng phê duyệt.

- b. Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng, đánh giá mức độ đạt được của chương trình đào tạo theo quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và các hướng dẫn có liên quan của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.
- c. Tổng hợp và viết báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Trường theo Phụ lục đính kèm.
- d. Lấy ý kiến các phòng, khoa, bộ môn của Trường; tổng hợp và hoàn thiện báo cáo gửi Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.
- e. Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo tiến hành nghiên cứu, họp thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng. Trên cơ sở kết quả thông qua của Hội đồng, Hiệu trưởng phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

III. Phân công thực hiện tự đánh giá chất lượng

1. **Đơn vị chủ trì:** Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng chủ trì, phối hợp với các phòng và khoa Cơ khí chính xác thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của nghề Cắt gọt kim loại năm 2022.

2. Phân công thành viên phụ trách chính tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định

TT	TIÊU CHÍ – TIÊU CHUẨN	NGƯỜI PHỤ TRÁCH
1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính	
	- Tiêu chuẩn 1	Nguyễn Đắc Hiển
	- Tiêu chuẩn 2	Nguyễn Hữu Đăng
	- Tiêu chuẩn 3	Bùi Anh Thư Nguyễn Đắc Hiển
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	
	- Tiêu chuẩn 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7	Nguyễn Đắc Hiển
	- Tiêu chuẩn 5	Nguyễn Sơn
	- Tiêu chuẩn 1; 2; 3; 5; 6	Trần Mộng Danh
3	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên	
	- Tiêu chuẩn 1; 2; 3; 5; 6; 7; 8	Phạm Quang Trang Thủy
	- Tiêu chuẩn 1; 3; 4; 6	Nguyễn Đắc Hiển
	- Tiêu chuẩn 1; 5; 7	Trần Mộng Danh
4	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình	
	- Tiêu chuẩn 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9; 10; 11; 12	Trần Mộng Danh
	- Tiêu chuẩn 8	Nguyễn Đắc Hiển
	- Tiêu chuẩn 1, 2, 3, 10	Nguyễn Hữu Đăng
5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	
	- Tiêu chuẩn 1	Phạm Quang Trang Thủy
	- Tiêu chuẩn 2; 3; 4; 5	Bùi Anh Thư
	- Tiêu chuẩn 3; 5	Nguyễn Đắc Hiển
	- Tiêu chuẩn 2; 4; 6; 7	Trần Mộng Danh
6	Tiêu chí 6: Dịch vụ người học	
	- Tiêu chuẩn 1; 2; 3; 4; 5; 8	Nguyễn Hữu Đăng

TT	TIÊU CHÍ – TIÊU CHUẨN	NGƯỜI PHỤ TRÁCH
	- Tiêu chuẩn 1; 2; 3; 4	Nguyễn Đắc Hiễn
	- Tiêu chuẩn 2; 4	Nguyễn Sơn
7	Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng	
	- Tiêu chuẩn 1; 2; 7; 8	Nguyễn Đắc Hiễn
	- Tiêu chuẩn 3	Phạm Quang Trang Thủy
		Trần Mộng Danh
	- Tiêu chuẩn 4	Nguyễn Sơn
	- Tiêu chuẩn 5; 6	Trần Mộng Danh

3. Phân công các đơn vị thuộc trường thực hiện các tiêu chí, tiêu chuẩn

TT	Đơn vị thực hiện	Tiêu chí, tiêu chuẩn thực hiện
1	Phòng Tổ chức - Hành chánh - Quản trị	Tiêu chí 3: tiêu chuẩn 3.1, 3.2, 3.3, 3.5, 3.6, 3.7, 3.8 Tiêu chí 5: tiêu chuẩn 5.1 Tiêu chí 7: tiêu chuẩn 7.3
2	Phòng Đào tạo	Tiêu chí 1: tiêu chuẩn 1.1, 1.3 Tiêu chí 2: tiêu chuẩn 2.1, 2.2, 2.3, 2.4, 2.5, 2.6, 2.7 Tiêu chí 3: tiêu chuẩn 3.1, 3.3, 3.4, 3.6 Tiêu chí 4: tiêu chuẩn 4.8 Tiêu chí 5: tiêu chuẩn 5.3, 5.5 Tiêu chí 6: tiêu chuẩn 6.1, 6.2, 6.3, 6.4 Tiêu chí 7: 7.1, 7.2, 7.7, 7.8
3	Phòng Công tác học sinh, sinh viên	Tiêu chí 2: tiêu chuẩn 2.5 Tiêu chí 6: tiêu chuẩn 6.2, 6.4 Tiêu chí 7: tiêu chuẩn 7.4
4	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Tiêu chí 2: tiêu chuẩn 2.1, 2.2, 2.3, 2.5, 2.6 Tiêu chí 3: tiêu chuẩn 3.1, 3.5, 3.7 Tiêu chí 4: tiêu chuẩn 4.1, 4.2, 4.3, 4.4, 4.5, 4.6, 4.7, 4.8, 4.9, 4.10, 4.11, 4.12 Tiêu chí 5: tiêu chuẩn 5.2, 5.4, 5.6, 5.7 Tiêu chí 7: tiêu chuẩn 7.3, 7.5, 7.6
5	Phòng Kế toán	Tiêu chí 1: tiêu chuẩn 1.3 Tiêu chí 3: tiêu chuẩn 3.3 Tiêu chí 5: tiêu chuẩn 5.2, 5.3, 5.4, 5.5
6	Khoa Cơ khí chính xác	Tiêu chí 1: tiêu chuẩn 1.2 Tiêu chí 2: tiêu chuẩn 2.2, 2.3 Tiêu chí 4: tiêu chuẩn 4.1, 4.2, 4.3, 4.10 Tiêu chí 5: tiêu chuẩn 5.1, 5.2, 5.3, 5.4, 5.5, 5.8

IV. Tiến độ thực hiện

Thời gian thực hiện	Nội dung thực hiện	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp thực hiện
CÔNG TÁC CHUẨN BỊ			
18/3/2022 – 26/3/2022	Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2022	P.KT&ĐBCL	BGH
13/6/2022 – 18/6/2022	Xây dựng Kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại năm 2022		Khoa Cơ khí chính xác

Thời gian thực hiện	Nội dung thực hiện	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp thực hiện
20/6/2022-30/6/2022	Triển khai Kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại năm 2022 và hướng dẫn công tác thu thập minh chứng	P.KT & ĐBCL	Các phòng; Khoa Cơ khí chính xác
CÔNG TÁC THU THẬP, PHÂN TÍCH, XỬ LÝ THÔNG TIN, MINH CHỨNG ĐỢT 1			
01/7/2022 – 30/7/2022	Thu thập thông tin, minh chứng	Các phòng; Khoa Cơ khí chính xác	P. KT&ĐBCL
	Xác định thông tin, minh chứng phù hợp		
	Tổ chức điều tra, khảo sát		
	Thống kê, tổng hợp số liệu		
	Phân tích, xử lý và tổ chức sắp xếp, lưu trữ thông tin, minh chứng		
	Kiểm tra, thường xuyên đôn đốc các đơn vị thực hiện theo kế hoạch	P. KT&ĐBCL	Các phòng; Khoa Cơ khí chính xác
01/8/2022 – 13/8/2022	Đánh giá mức độ đạt được theo quy định đợt 1	P. KT&ĐBCL	Các phòng; Khoa Cơ khí chính xác
CÔNG TÁC THU THẬP, PHÂN TÍCH, XỬ LÝ THÔNG TIN, MINH CHỨNG ĐỢT 2			
15/8/2022 – 15/10/2022	Thu thập thông tin, minh chứng	Các phòng; Khoa Cơ khí chính xác	P. KT&ĐBCL
	Xác định thông tin, minh chứng phù hợp		
	Tổ chức điều tra, khảo sát		
	Thống kê, tổng hợp số liệu		
	Phân tích, xử lý và tổ chức sắp xếp, lưu trữ thông tin, minh chứng		
	Kiểm tra, thường xuyên đôn đốc các đơn vị thực hiện theo kế hoạch	P. KT&ĐBCL	Các phòng; Khoa Cơ khí chính xác
17/10/2022-22/10/2022	Đánh giá mức độ đạt được theo quy định đợt 2	P. KT&ĐBCL	Các phòng; Khoa Cơ khí chính xác
CÔNG TÁC TỔNG HỢP, VIẾT BÁO CÁO ĐỢT 2			
24/10/2022–05/11/2022	Tổng hợp và viết báo cáo tự đánh giá chất lượng	P.KT&ĐBCL	
07/11/2022–12/11/2022	Lấy ý kiến của các đơn vị của Trường	Các đơn vị	
14/11/2022–19/11/2022	Tổng hợp và hoàn thiện báo cáo gửi Hội đồng tự đánh giá chất lượng	P.KT&ĐBCL	
THÔNG QUÁ, PHÊ DUYỆT VÀ CÔNG BỐ BÁO CÁO ĐỢT 2			
21/11/2022–03/12/2022	Nghiên cứu, họp thông qua báo cáo	Hội đồng Tự đánh giá	
	Phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT của Trường	Hiệu trưởng	P.KT&ĐBCL

Thời gian thực hiện	Nội dung thực hiện	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp thực hiện
05/12/2022-10/12/2022	Họp công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng	BGH, lãnh đạo phòng, khoa, bộ môn; đại diện người học	
Trước 20/12/2022	Báo cáo kết quả thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại năm 2022 về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Sở Lao động – TBXH Thành phố và Ủy ban nhân dân Quận 5	P.KT & ĐBCL	
Sau khi công bố báo cáo	Kiểm tra và tổ chức lưu trữ thông tin, minh chứng lần cuối.	P.KT & ĐBCL	Các phòng; Khoa Cơ khí chính xác

Trên đây là Kế hoạch Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp năm 2022 của Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương.

Đính kèm Phụ lục 01./.

Nơi nhận:

- PHT (để chỉ đạo thực hiện);
- Các Phòng, K.CKCTX (để thực hiện);
- Chi bộ Trường (để biết);
- Công đoàn, ĐTN Trường (để biết);
- Lưu: VT, P.KTĐB.

HIỆU TRƯỞNG

<đã ký>

Phạm Quang Trang Thủy

BẢNG MÃ MINH CHỨNG

TT	Tiêu chí (TC)	Tiêu chuẩn (TCn)	Mã minh chứng (Mã MC)	MC sử dụng chung cho các TC, TCn	Tên minh chứng
1	1	1	1.1.01		Định hướng phát triển Trường TCN KTCN Hùng Vương giai đoạn 2016 – 2020, giai đoạn 2021-2025
2	1	1	1.1.02		Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương, Quyết định số 55/QĐ-KTCNHV ngày 08/3/2022
3	1	1	1.1.03		Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 23/GCNĐKHĐ-SLĐTBOXH ngày 04/7/2017; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 24/GCNĐKBS-SLĐTBOXH ngày 06/8/2018
4	1	1	1.1.04		Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2017
5	1	1	1.1.05		Báo cáo của Phòng Đào tạo về đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của doanh nghiệp, xác định ngành nghề và quy mô đào tạo năm 2021, 2022
6	1	1	1.1.06		Kế hoạch tuyển sinh năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
7	1	1	1.1.07		Báo cáo công tác tuyển sinh các năm học 2020-2021, 2021-2022; phiếu đăng ký học nghề
8	1	1	1.1.08		https://hungvuongtech.edu.vn/
9	1	1	1.1.09		Các tài liệu tuyên truyền tuyển sinh năm 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
10	1	1	1.1.10		Bộ chương trình đào tạo nghề cắt gọt kim loại điều chỉnh năm 2019, kèm theo hồ sơ thực hiện quá trình rà soát, điều chỉnh
11	1	2		1.1.02	Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương, Quyết định số 55/QĐ-KTCNHV ngày 08/3/2022
12	1	2	1.2.01		Mục tiêu chất lượng của khoa Cơ khí chính xác năm học 2020-2021, 2021-2022
13	1	2	1.2.02		Báo cáo tổng kết công tác các năm học 2020-2021, 2021-2022 của khoa Cơ khí chính xác
14	1	2	1.2.03		Báo cáo tổng kết công tác các năm 2020, 2021 của Trường
15	1	2	1.2.04		Các quyết định xếp loại thi đua của đơn vị năm 2021, 2022
16	1	2	1.2.05		Các quyết định khen thưởng tập thể và cá nhân năm 2021, 2022
17	1	3	1.3.01		Quyết định của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương về qui định mức thu học phí năm học 2020-2021; năm học 2021-2022
18	1	3	1.3.02		Báo cáo tài chính các năm 2020, 2021

TT	Tiêu chí (TC)	Tiêu chuẩn (TCn)	Mã minh chứng (Mã MC)	MC sử dụng chung cho các TC, TCn	Tên minh chứng
19	2	1	2.1.01		Quy chế tuyển sinh của nhà trường các năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
20	2	1		1.1.06	Kế hoạch tuyển sinh các năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
21	2	1	2.1.02		Quyết thành lập hội đồng Tuyển sinh và Ban Thư ký giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
22	2	1		1.1.07	Báo cáo công tác tuyển sinh các năm học 2020-2021, 2021-2022;
23	2	1	2.1.03		Biên bản họp hội đồng tuyển sinh các năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
24	2	1	2.1.04		Quyết định công nhận trúng tuyển hệ trung cấp các năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
25	2	1	2.1.05		Thông tin tuyển sinh các năm năm 2020, 2021, 2022
26	2	1	2.1.06		Quyết định mở lớp, danh sách học sinh các lớp trung cấp ngành, nghề Cắt gọt kim loại năm học 2020-2021, 2021-2022
27	2	2	2.2.01		Kế hoạch đào tạo, Tiến độ đào tạo năm học 2020 - 2021, 2021-2022
28	2	2	2.2.02		Kế hoạch giáo viên của khoa Cơ khí chính xác các năm học 2020 - 2021, 2021-2022
29	2	2	2.2.03		Thời khóa biểu các lớp khoa Cơ khí chính xác các năm học 2020 -2021, 2021-2022
30	2	2	2.2.04		Kế hoạch giảng dạy của giáo viên khoa Cơ khí chính xác các năm học 2020 - 2021, 2021-2022
31	2	2	2.2.05		Quyết định phân công giáo viên chủ nhiệm các năm học 2020 -2021, 2021-2022
32	2	2	2.2.06		Hồ sơ giảng dạy của giáo viên khoa Cơ khí chính xác các năm học 2020 -2021, 2021-2022
33	2	2	2.2.07		Phiếu kiểm tra, giám sát tình hình giảng dạy các năm học 2020 -2021, 2021-2022
34	2	2	2.2.08		Biên bản về kiểm tra hồ sơ đào tạo các năm học 2020 -2021, 2021-2022
35	2	2	2.2.09		Bảng tổng hợp kết quả khảo sát ý kiến giáo viên các năm học 2020-2021, 2021-2022
36	2	2	2.2.10		Bảng tổng hợp kết quả khảo sát ý kiến người học các năm học 2020-2021, 2021-2022
37	2	3		1.1.04	Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2017
38	2	3		2.2.06	Hồ sơ giảng dạy của giáo viên năm học 2020 - 2021, 2021-2022
39	2	3	2.3.01		Các phiếu dự giờ giáo viên khoa Cơ khí chính xác các năm học 2020 -2021, 2021-2022
40	2	3	2.3.02		Báo cáo thực tập tại doanh nghiệp của người học các năm học 2020 -2021, 2021-2022
41	2	3	2.3.03		Danh sách MH/MĐ sử dụng, các phần mềm mô phỏng; Phần mềm quản lý đào tạo
42	2	4		1.1.04	Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2017

TT	Tiêu chí (TC)	Tiêu chuẩn (TCn)	Mã minh chứng (Mã MC)	MC sử dụng chung cho các TC, TCn	Tên minh chứng
43	2	4	2.4.01		Chương trình MĐ TTSX, TTTN (Nằm trong CT đào tạo)
44	2	4	2.4.02		Kế hoạch thực tập tốt nghiệp các năm học 2020-2021, 2021-2022
45	2	4	2.4.03		Các quyết định phân công giáo viên hướng dẫn và cử học sinh thực tập tốt nghiệp các năm học 2020-2021, 2021-2022
46	2	4	2.4.04		Phiếu đánh giá kết quả thực tập tốt nghiệp của học sinh các năm học 2020-2021, 2021-2022
47	2	4	2.4.05		Bảng điểm MĐ Thực tập tốt nghiệp các năm học 2020-2021, 2021-2022
48	2	5	2.5.01		Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 58/QĐ-KTCNHV-ĐT ngày 17/4/2019
49	2	5	2.5.02		Quy chế thi học kỳ hệ trung cấp ban hành kèm theo Quyết định số 05/QĐ-KTCNHV-KTĐB ngày 03/01/2020
50	2	5	2.5.03		Lịch thi kết thúc MĐ/MH các năm học 2020-2021, 2021-2022
51	2	5	2.5.04		Biểu mẫu đề thi, phiếu chấm điểm thi kết thúc MĐ/MH các năm học 2020-2021, 2021-2022
52	2	5	2.5.05		Danh sách học sinh dự thi, Phiếu chấm điểm thi kết thúc MH/MĐ các năm học 2020-2021, 2021-2022
53	2	5	2.5.06		Bảng ghi điểm thi kết thúc MĐ/MH các năm học 2020-2021, 2021-2022
54	2	5	2.5.07		Biên bản xét công nhận tốt nghiệp và xếp loại tốt nghiệp các năm học 2020-2021, 2021-2022
55	2	5	2.5.08		Quyết định công nhận tốt nghiệp các năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, kèm danh sách học sinh tốt nghiệp nghề Cắt gọt kim loại
56	2	5	2.5.09		Quy trình thi, đánh giá kết quả học tập học kỳ hệ trung cấp
57	2	5	2.5.10		Quy trình xét công nhận tốt nghiệp học sinh hệ trung cấp
58	2	5	2.5.11		Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện học sinh hệ trung cấp
59	2	5	2.5.12		Quyết định kèm danh sách công nhận kết quả rèn luyện của học sinh các năm học 2020-2021, 2021-2022
60	2	5	2.5.13		Sổ cấp phát bằng tốt nghiệp cho người học các năm 2020, 2021
61	2	5	2.5.14		Báo cáo về việc cấp phát văn bằng, chứng chỉ các năm học 2020-2021, 2021-2022

TT	Tiêu chí (TC)	Tiêu chuẩn (TCn)	Mã minh chứng (Mã MC)	MC sử dụng chung cho các TC, TCn	Tên minh chứng
62	2	5	2.5.15		Quy trình cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học
63	2	5	2.5.16		Hồ sơ học nghề của học sinh nghề Cắt gọt kim loại các khóa 20K14, 21K15
64	2	6	2.6.01		Kế hoạch kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học năm học 2020 - 2021, 2021-2022
65	2	6		2.2.07	Phiếu kiểm tra, giám sát tình hình giảng dạy các năm học 2020 -2021, 2021-2022
66	2	6	2.6.02		Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động các năm học 2020 -2021, 2021-2022
67	2	7	2.7.01		Quyết định số 02/QĐ-KTCNHV-ĐT ngày 02/01/2018 của Hiệu trưởng trường TCN KTCN Hùng Vương về việc ban hành Quy định về tổ chức đào tạo liên thông các cấp đào tạo
68	2	7	2.7.02		Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành chương trình đào tạo liên thông ngành, nghề Cắt gọt kim loại từ trình độ sơ cấp lên trung cấp năm 2021 (kèm Chương trình đào tạo liên thông)
69	2	7		1.1.03	Giấy phép đăng ký hoạt động GDNN số 23/GCNĐKHĐ-SLĐTBOXH
70	2	7	2.7.03		Các Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành quy chế tuyển sinh đào tạo liên thông từ trình độ sơ cấp lên trình độ trung cấp năm học 2021-2022, 2022-2023
71	2	7	2.7.04		Các Thông báo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về tuyển sinh đào tạo liên thông từ sơ cấp lên trung cấp năm học 2021-2022, 2022-2023
72	2	7	2.7.05		Các Báo cáo của Phòng Đào tạo về kết quả tuyển sinh đào tạo liên thông từ sơ cấp lên trung cấp năm học 2021-2022, 2022-202
73	3	1	3.1.01		Hồ sơ lý lịch kèm theo danh sách trích ngang CBGV khoa Cơ khí chính xác
74	3	1		2.2.02	Kế hoạch giáo viên năm học 2020 - 2021, 2021-2022
75	3	2	3.2.01		Quy chế làm việc của giáo viên trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương
76	3	2	3.2.02		Nội quy cơ quan của Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương
77	3	2		2.2.02	Kế hoạch giáo viên năm học 2020 - 2021, 2021-2022
78	3	2		2.2.03	Thời khóa biểu năm học 2020 - 2021, 2021-2022
79	3	2		2.2.04	Kế hoạch giảng dạy của giáo viên năm học 2020 - 2021, 2021-2022
80	3	2	3.2.03		Danh sách cử giáo viên đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ
81	3	2	3.2.04		Bảng tổng hợp giờ giảng của giáo viên các năm học 2020 – 2021, 2021-2022

TT	Tiêu chí (TC)	Tiêu chuẩn (TCn)	Mã minh chứng (Mã MC)	MC sử dụng chung cho các TC, TCn	Tên minh chứng
82	3	2		2.2.05	Quyết định giáo viên chủ nhiệm năm học 2020 - 2021, 2021-2022
83	3	2	3.2.05		Biên bản họp giao nhiệm vụ của khoa Cơ khí chính xác các năm học 2020-2021, 2021-2022
84	3	2	3.2.06		Biên bản kết quả xếp loại CBGVNV các năm học 2020-2021, 2021-2022
85	3	2	3.2.07		Phiếu đánh giá, xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ giáo viên khoa Cơ khí chính xác năm học 2020 - 2021, 2021-2022
86	3	2	3.2.08		Phiếu tổng hợp đánh giá, xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ giáo viên của khoa Cơ khí chính xác các năm học 2020 – 2021, 2021-2022
87	3	2		1.2.02	Báo cáo tổng kết công tác các năm học 2020-2021, 2021-2022 của khoa Cơ khí chính xác
88	3	2		1.2.03	Báo cáo tổng kết công tác các năm học 2020-2021, 2021-2022 của Trường
89	3	2		2.2.01	Kế hoạch đào tạo, Tiến độ đào tạo năm học 2020 - 2021, 2021-2022
90	3	3		2.2.02	Kế hoạch giáo viên của khoa Cơ khí chính xác các năm học 2020 - 2021, 2021-2022
91	3	3		2.2.03	Thời khóa biểu các lớp khoa Cơ khí chính xác các năm học 2020 -2021, 2021-2022
92	3	3		2.2.04	Kế hoạch giảng dạy của giáo viên khoa Cơ khí chính xác các năm học 2020 - 2021, 2021-2022
93	3	3	3.3.01		Danh sách giáo viên giảng dạy môn học, mô đun năm học 2020 - 2021, 2021-2022
94	3	3		3.2.04	Bảng tổng hợp giờ giảng năm học 2020 - 2021, 2021-2022
95	3	3		1.1.04	Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2017
96	3	3		2.1.06	Quyết định mở lớp, danh sách học sinh các lớp trung cấp ngành, nghề Cắt gọt kim loại năm học 2020-2021, 2021-2022
97	3	3	3.3.02		Bảng tính quy đổi giáo viên /người học 2020 – 2021, 2021-2022
98	3	3	3.4.01		Kế hoạch hội giảng các năm học; Báo cáo kết quả hội giảng cấp trường năm học 2020 - 2021, 2021-2022
99	3	4	3.4.02		Quyết định công nhận giáo viên dạy giỏi cấp trường
100	3	4	3.5.01		Danh sách trích ngang đội ngũ CBGV của khoa Cơ khí chính xác
101	3	5	3.5.02		Kế hoạch học tập bồi dưỡng các năm học 2020-2021, 2021-2022 của Trường
102	3	5	3.5.03		Các Danh sách cử giáo viên đi học tập bồi dưỡng các năm học 2020-2021, 2021-2022
103	3	5	3.5.04		Tài liệu/văn bằng chứng chỉ, báo cáo kết quả đào tạo bồi dưỡng các năm học 2020-2021, 2021-2022

TT	Tiêu chí (TC)	Tiêu chuẩn (TCn)	Mã minh chứng (Mã MC)	MC sử dụng chung cho các TC, TCn	Tên minh chứng
104	3	5	3.6.01		Kế hoạch cử giáo viên thực tập tại doanh nghiệp hàng năm 2020, 2021, 2022
105	3	6	3.6.02		Danh sách giáo viên cơ hữu của khoa Cơ khí chính xác được cử đi thực tập tại doanh nghiệp năm 2020, 2021, 2022
106	3	6	3.6.03		Báo cáo kết quả thực tập tại doanh nghiệp năm 2020, 2021, 2022
107	3	6	3.7.01		Hồ sơ cá nhân của Trưởng khoa Cơ khí chính xác; Danh sách trích ngang của Trưởng khoa Cơ khí chính xác
108	3	7	3.8.01		Quyết định bổ nhiệm Trưởng khoa Cơ khí chính xác
109	3	8	3.8.02		Biên bản họp ngày 21/5/2021 của Hội đồng thi đua – khen thưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về đánh giá, xếp loại và xét, đề nghị công nhận danh hiệu thi đua năm học 2020-2021 (kèm bộ Phiếu đánh giá, xếp loại CBGVNV năm học 2020-2021); Biên bản họp ngày 13/6/2022 của Hội đồng thi đua – khen thưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về đánh giá, xếp loại và xét, đề nghị công nhận danh hiệu thi đua năm học 2021-2022 (kèm bộ Phiếu đánh giá, xếp loại CBGVNV năm học 2021-2022)
110	3	8	3.8.03		Quyết định số 144/QĐ-KTCNHV ngày 11/10/2021 về công nhận danh hiệu thi đua của CBGVNV Trường năm học 2020-2021 (kèm danh sách); email của Phòng Tổ chức – Hành chính – Quản trị về công bố danh sách công nhận danh hiệu thi đua năm học 2020-2021); Quyết định năm 2022 về công nhận danh hiệu thi đua của CBGVNV Trường năm học 2021-2022 (kèm danh sách)
111	3	8		1.2.02	Báo cáo tổng kết công tác các năm học 2020-2021, 2021-2022 của khoa Cơ khí chính xác
112	3	8	4.1.01		Quy trình xây dựng/hiệu chỉnh chương trình đào tạo hệ trung cấp
113	4	1	4.1.02		Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp năm 2017
114	4	1	4.1.03		Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp năm 2017
115	4	1	4.1.04		Hồ sơ xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp và sơ cấp năm 2017;
116	4	1		1.1.04	Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2017
117	4	1	4.1.05		Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm hiệu chỉnh chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại trình độ

TT	Tiêu chí (TC)	Tiêu chuẩn (TCn)	Mã minh chứng (Mã MC)	MC sử dụng chung cho các TC, TCn	Tên minh chứng
					trung cấp năm 2019
118	4	1	4.1.06		Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp năm 2019
119	4	1	4.1.07		Hồ sơ điều chỉnh và thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp nghề Cắt gọt kim loại năm 2019
120	4	1	4.1.08		Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2019
121	4	1	4.1.09		Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm hiệu chỉnh chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp năm 2021
122	4	1	4.1.10		Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp năm 2021
123	4	1	4.1.11		Hồ sơ điều chỉnh và thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp nghề Cắt gọt kim loại năm 2021
124	4	1	4.1.12		Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2021
125	4	1		4.1.02	Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp năm 2017
126	4	2		4.1.03	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp năm 2017
127	4	2		4.1.04	Hồ sơ xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp nghề Cắt gọt kim loại năm 2017
128	4	2		1.1.04	Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2017
129	4	2		4.1.05	Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm hiệu chỉnh chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp năm 2019
130	4	2		4.1.06	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp năm 2019
131	4	2		4.1.07	Hồ sơ điều chỉnh và thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp nghề Cắt gọt kim loại năm 2019

TT	Tiêu chí (TC)	Tiêu chuẩn (TCn)	Mã minh chứng (Mã MC)	MC sử dụng chung cho các TC, TCn	Tên minh chứng
132	4	2		4.1.08	Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2019
133	4	2		4.1.09	Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm hiệu chỉnh chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp năm 2021
134	4	2		4.1.10	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp năm 2021
135	4	2		4.1.11	Hồ sơ điều chỉnh và thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp nghề Cắt gọt kim loại năm 2021
136	4	2		4.1.12	Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2021
137	4	2	4.3.01		Chuẩn đầu ra của nghề Cắt gọt kim loại, kèm theo quyết định ban hành.
138	4	3		1.1.04	Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2017
139	4	3		4.1.08	Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2019
140	4	3		4.1.12	Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2021
141	4	3		1.1.04	Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2017
142	4	4		4.1.08	Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2019
143	4	4		4.1.12	Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2021
144	4	4		1.1.04	Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2017
145	4	5		4.1.08	Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2019
146	4	5		4.1.12	Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2021
147	4	5		1.1.04	Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2017
148	4	6		4.1.08	Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2019
149	4	6		4.1.12	Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2021
150	4	6	4.6.01		Các bộ đề thi kết thúc MH/MĐ
151	4	6		4.1.02	Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp năm 2017
152	4	7		4.1.03	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp năm 2017

TT	Tiêu chí (TC)	Tiêu chuẩn (TCn)	Mã minh chứng (Mã MC)	MC sử dụng chung cho các TC, TCn	Tên minh chứng
153	4	7		4.1.05	Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm hiệu chỉnh chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp năm 2019
154	4	7		4.1.06	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp năm 2019
155	4	7		4.1.09	Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm hiệu chỉnh chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp năm 2021
156	4	7		4.1.10	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp năm 2021
157	4	7		4.1.04	Hồ sơ xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp nghề Cắt gọt kim loại năm 2017
158	4	7		4.1.07	Hồ sơ điều chỉnh và thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp nghề Cắt gọt kim loại năm 2019
159	4	7		4.1.11	Hồ sơ điều chỉnh và thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp nghề Cắt gọt kim loại năm 2021
160	4	7		1.1.04	Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2017
161	4	7		4.1.08	Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2019
162	4	7		4.1.12	Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2021
163	4	7		4.6.01	Các bộ đề thi kết thúc MH/MĐ
164	4	7	4.8.01		Quyết định của Hiệu trưởng trường TCN KTCN Hùng Vương về việc ban hành Qui định về tổ chức đào tạo liên thông các cấp đào tạo năm 2017
165	4	8	4.8.02		Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành chương trình đào tạo liên thông các ngành, nghề đào tạo từ trình độ sơ cấp lên trình độ trung cấp (kèm các Chương trình đào tạo liên thông)
166	4	8	4.9.01		Hồ sơ lựa chọn, thẩm định giáo trình năm 2017
167	4	9	4.9.02		Quyết định ban hành giáo trình đào tạo của nghề Cắt gọt kim loại năm 2017
168	4	9	4.9.03		Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của CTĐT nghề Cắt gọt kim loại năm

TT	Tiêu chí (TC)	Tiêu chuẩn (TCn)	Mã minh chứng (Mã MC)	MC sử dụng chung cho các TC, TCn	Tên minh chứng
					2017
169	4	9	4.9.04		Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của CTĐT nghề Cắt gọt kim loại năm 2017
170	4	9	4.9.05		Hồ sơ hiệu chỉnh, thẩm định giáo trình năm 2022
171	4	9	4.9.06		Quyết định ban hành giáo trình đào tạo của nghề Cắt gọt kim loại năm 2022
172	4	9	4.9.07		Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của CTĐT nghề Cắt gọt kim loại năm 2022
173	4	9	4.9.08		Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của CTĐT nghề Cắt gọt kim loại năm 2022
174	4	9	4.10.01		Quy trình biên soạn, lựa chọn, hiệu chỉnh giáo trình hệ trung cấp
175	4	10		4.9.01	Hồ sơ lựa chọn, thẩm định giáo trình năm 2017
176	4	10		4.9.02	Quyết định ban hành giáo trình đào tạo của nghề Cắt gọt kim loại năm 2017
177	4	10		4.9.03	Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của CTĐT nghề Cắt gọt kim loại năm 2017
178	4	10		4.9.04	Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của CTĐT nghề Cắt gọt kim loại năm 2017
179	4	10		1.1.04	Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2017
180	4	10		4.1.08	Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2019
181	4	10		4.1.12	Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2021
182	4	10		4.9.05	Hồ sơ hiệu chỉnh, thẩm định giáo trình năm 2022
183	4	10		4.9.06	Quyết định ban hành giáo trình đào tạo của nghề Cắt gọt kim loại năm 2022
184	4	10		4.9.07	Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của CTĐT nghề Cắt gọt kim loại năm 2022
185	4	10		4.9.08	Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của CTĐT nghề Cắt gọt kim loại năm 2022
186	4	10		4.9.01	Hồ sơ lựa chọn, thẩm định giáo trình năm 2017
187	4	11		4.9.02	Quyết định ban hành giáo trình đào tạo của nghề Cắt gọt kim loại năm 2017
188	4	11		4.9.03	Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của CTĐT nghề Cắt gọt kim loại năm 2017
189	4	11		4.9.04	Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của CTĐT nghề Cắt gọt kim loại năm 2017

TT	Tiêu chí (TC)	Tiêu chuẩn (TCn)	Mã minh chứng (Mã MC)	MC sử dụng chung cho các TC, TCn	Tên minh chứng
190	4	11		1.1.04	Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2017
191	4	11		4.1.08	Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2019
192	4	11		4.1.12	Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2021
193	4	11		4.9.05	Hồ sơ hiệu chỉnh, thẩm định giáo trình năm 2022
194	4	11		4.9.06	Quyết định ban hành giáo trình đào tạo của nghề Cắt gọt kim loại năm 2022
195	4	11		4.9.07	Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của CTĐT nghề Cắt gọt kim loại năm 2022
196	4	11		4.9.08	Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của CTĐT nghề Cắt gọt kim loại năm 2022
197	4	11		4.9.04	Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của CTĐT nghề Cắt gọt kim loại năm 2017
198	4	12		1.1.04	Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2017
199	4	12		4.1.08	Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2019
200	4	12		4.1.12	Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2021
201	4	12		4.9.05	Hồ sơ hiệu chỉnh, thẩm định giáo trình năm 2022
202	4	12		4.9.06	Quyết định ban hành giáo trình đào tạo của nghề Cắt gọt kim loại năm 2022
203	4	12		4.9.07	Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của CTĐT nghề Cắt gọt kim loại năm 2022
204	4	12		4.9.08	Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của CTĐT nghề Cắt gọt kim loại năm 2022
205	4	12	4.12.01		Phiếu khảo sát doanh nghiệp; Phiếu khảo sát ý kiến học sinh tốt nghiệp
206	4	12	5.1.01		Sơ đồ mặt bằng kiến trúc Trường TCN KTCN Hùng Vương
207	5	1	5.1.02		Bảng số liệu diện tích các khu của Trường
208	5	1	5.1.03		Quyết định giao tài sản (thiết bị, dụng cụ) cho Khoa Cơ khí chính xác
209	5	1	5.1.04		Sơ đồ hệ thống cung cấp điện
210	5	1	5.1.05		Các Sơ đồ bố trí thiết bị điện từng phòng
211	5	1	5.1.06		Hợp đồng mua bán điện giữa CN Tổng Công ty Điện lực TPHCM TNHH – Công ty Điện lực Chợ Lớn và Trường TCN KTCN Hùng Vương năm 2019
212	5	1	5.1.07		Hợp đồng dịch vụ cung cấp nước giữa Công ty CP cấp nước Chợ Lớn và Trường TCN KTCN Hùng

TT	Tiêu chí (TC)	Tiêu chuẩn (TCn)	Mã minh chứng (Mã MC)	MC sử dụng chung cho các TC, TCn	Tên minh chứng
					Vương năm 2019
213	5	1	5.1.08		Sơ đồ hệ thống cấp, thoát nước toàn trường
214	5	1	5.1.09		các Hợp đồng mua bán nước uống giữa Công ty TNHH MTV TM XNK Ngọc Đạt và Trường TCN KTCN Hùng Vương năm 2021, năm 2022
215	5	1		1.1.04	Quyết định ban hành chương trình nghề Cắt gọt kim loại, chương trình chi tiết kèm theo năm 2017
216	5	2	5.2.01		Hồ sơ quản lý thiết bị của khoa Cơ khí chính xác
217	5	2	5.2.02		Bảng đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của nghề Cắt gọt kim loại với Danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu
218	5	2	5.2.03		Biên bản kiểm kê thiết bị đào tạo khoa Cơ khí chính xác năm 2020, 2021
219	5	2	5.2.04		Sổ chi tiết tài sản cố định của Trường các năm 2020, 2021
220	5	2		5.2.01	Hồ sơ quản lý thiết bị của khoa Cơ khí chính xác
221	5	3		5.2.02	Bảng đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của nghề Cắt gọt kim loại với Danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu
222	5	3		5.2.03	Biên bản kiểm kê thiết bị đào tạo khoa Cơ khí chính xác năm 2020, 2021
223	5	3		2.2.03	Thời khóa biểu các lớp khoa Cơ khí chính xác các năm học 2020 -2021, 2021-2022
224	5	3		2.2.04	Kế hoạch giảng dạy của giáo viên khoa Cơ khí chính xác các năm học 2020 - 2021, 2021-2022
225	5	3	5.3.01		Bảng tổng hợp số lượng học sinh nghề Cắt gọt kim loại trong từng MĐMH các năm học 2020 – 2021, 2021-2022
226	5	3	5.4.01		Sơ đồ bố trí các phòng học, xưởng thực hành
227	5	4	5.4.02		Bộ ảnh chụp phòng học, xưởng thực hành của khoa Cơ khí chính xác
228	5	4		5.2.01	Hồ sơ quản lý thiết bị của khoa Cơ khí chính xác
229	5	4		5.2.02	Bảng đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của nghề Cắt gọt kim loại với Danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu
230	5	4	5.4.03		Biên bản kiểm tra việc thực hiện và duy trì Thủ tục kiểm soát thiết bị tại khoa Cơ khí chính xác các năm 2021, 2022
231	5	4	5.4.04		Báo cáo kết quả kiểm tra việc thực hiện và duy trì Thủ tục kiểm soát thiết bị tại các khoa, bộ môn

TT	Tiêu chí (TC)	Tiêu chuẩn (TCn)	Mã minh chứng (Mã MC)	MC sử dụng chung cho các TC, TCn	Tên minh chứng
					năm 2021, 2022
232	5	4	5.5.01		Hình ảnh kho
233	5	5	5.5.02		Biên bản kiểm tra tình hình xưởng thực tập
234	5	5	5.5.03		các Bản Định mức kinh tế kỹ thuật hệ trung cấp khóa 19K13, 20K14, 21K15
235	5	5	5.5.04		Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương ban hành Quy định về bảo quản tài sản, trang thiết bị, vật tư thực hành tại Phòng, Khoa, Bộ môn, Trung tâm năm 2019
236	5	5	5.5.05		Quy định của Trường TCN KTCN Hùng Vương Quy định về thực hiện quy trình mua sắm hàng hóa, vật tư, linh kiện thiết bị, công cụ, dụng cụ, nguyên phụ liệu dùng cho công tác giảng dạy năm 2018
237	5	5	5.5.06		các Bảng phân bổ chi phí vật tư thực hành năm học 2020-2021, 2021-2022
238	5	5	5.5.07		Hồ sơ mua sắm vật tư thực hành nghề Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp năm học 2020-2021, 2021-2022
239	5	5	5.5.08		Sổ quản lý vật tư thực hành nghề Cắt gọt kim loại năm học 2020-2021, năm 2021-2022
240	5	5	5.5.09		Ý kiến khảo sát của giáo viên, học sinh về mức độ đáp ứng vật tư thực hành
241	5	5	5.6.01		Bảng thống kê diện tích phòng đọc, phòng lưu trữ thư viện
242	5	6	5.6.02		Bảng kê danh mục chương trình, giáo trình, sách, tạp chí, tài liệu tham khảo nghề Cắt gọt kim loại năm 2020-2021, 2021-2022
243	5	6	5.6.03		Nội quy thư viện
244	5	6	5.6.04		Kế hoạch hoạt động của thư viện năm học 2020-2021, 2021-2022
245	5	6	5.6.05		Thông báo tuyên truyền giới thiệu sách mới năm học 2020 – 2021, 2021-2022
246	5	6	5.6.06		Sổ theo dõi mượn, trả tài liệu thư viện năm học 2020 – 2021, 2021-2022
247	5	6	5.6.07		Báo cáo tổng kết hoạt động của thư viện năm học 2020 – 2021, 2021-2022
248	5	6	5.6.08		Bản thống kê số lượng người học nghề Cắt gọt kim loại năm học 2020 – 2021, 2021-2022
249	5	6	5.6.09		Danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo nghề Cắt gọt kim loại được số hóa
250	5	6	5.6.10		Hướng dẫn tra cứu danh mục sách và hướng dẫn sử dụng thư viện điện tử
251	5	6	5.6.11		Hình ảnh cơ sở dữ liệu giáo trình, tài liệu tham khảo điện tử nghề Cắt gọt kim loại
252	5	6	5.7.01		Danh mục thiết bị, máy tính tại thư viện; Ảnh chụp phòng LAB

TT	Tiêu chí (TC)	Tiêu chuẩn (TCn)	Mã minh chứng (Mã MC)	MC sử dụng chung cho các TC, TCn	Tên minh chứng
253	5	7	5.7.02		Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông - internet
254	5	7	5.7.03		Phần mềm quản lý thư viện điện tử
255	5	7		5.6.06	Sổ theo dõi mượn, trả tài liệu thư viện năm học 2020 – 2021, 2021-2022
256	5	7		5.6.07	Báo cáo tổng kết hoạt động của thư viện năm học 2020 – 2021, 2021-2022
257	5	7		2.3.03	Danh sách MH/MĐ sử dụng, các phần mềm mô phỏng; Phần mềm quản lý đào tạo
258	5	8	5.8.01		Hình ảnh sử dụng phần mềm SSCNC trong giảng dạy mô-đun CAD/CAM – CNC cơ bản
259	5	8	6.1.01		Kế hoạch, Thời khóa biểu sinh hoạt đầu khóa năm học 2020-2021, 2021-2022
260	6	1	6.1.02		Tài liệu sinh hoạt đầu khóa năm học 2020-2021, năm học 2021-2022, năm học 2022-2023
261	6	1		2.5.01	Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 58/QĐ-KTCNHV-ĐT ngày 17/4/2019
262	6	1		2.5.02	Quy chế thi học kỳ hệ trung cấp ban hành kèm theo Quyết định số 05/QĐ-KTCNHV-KTĐB ngày 03/01/2020
263	6	1		3.2.02	Nội quy cơ quan của Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương
264	6	1	6.1.03		Quy định về công tác học sinh của Trường ban hành kèm theo Quyết định số 102/QĐ-KTCNHV-HSSV ngày 14/8/2020
265	6	1	6.1.04		Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương Ban hành nội quy học sinh và khung xử lý kỷ luật học sinh năm 2020
266	6	1	6.1.05		Bản thống kê các chính sách, chế độ hỗ trợ người học đang áp dụng năm học 2020-2021, 2021-2022
267	6	1	6.1.06		Bài thu hoạch của HSSV khoa Cơ khí chính xác các năm học 2020-2021, 2021-2022
268	6	1	6.1.07		Hình ảnh thông tin, tài liệu sinh hoạt đầu khóa trên trang web của trường
269	6	1	6.1.08		các Báo cáo của phòng Công tác HSSV về kết quả thu thập ý kiến người học 2020-2021, 2021-2022; các Báo cáo của phòng KT&ĐBCL về kết quả thu thập ý kiến giáo viên, cán bộ quản lý năm học 2020-2021, 2021-2022
270	6	1		6.1.05	Bản thống kê các chính sách, chế độ hỗ trợ người học đang áp dụng năm học 2020-2021, 2021-2022
271	6	2	6.2.01		Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về ban hành quy định xét, cấp học

TT	Tiêu chí (TC)	Tiêu chuẩn (TCn)	Mã minh chứng (Mã MC)	MC sử dụng chung cho các TC, TCn	Tên minh chứng
					bổng khuyến khích học tập đối với học sinh Trường năm 2021
272	6	2	6.2.02		Các Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương kèm danh sách học sinh hệ trung cấp được miễn, giảm học phí năm học 2020-2021, 2021-2022
273	6	2	6.2.03		Các Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương kèm danh sách học sinh được cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ I, học kỳ II năm học 2020-2021
274	6	2	6.2.04		Sổ cấp giấy xác nhận học sinh năm 2020, 2021, 9 tháng đầu năm 2022
275	6	2	6.2.05		Bản thống kê số lượng học sinh sử dụng phương tiện xe bus đi học
276	6	2	6.2.06		Danh sách học sinh hệ trung cấp được bảo lưu kết quả học tập năm 2020, năm 2021, 9 tháng đầu năm 2022
277	6	2	6.2.07		các Quyết định của Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021, năm 2022
278	6	2		6.1.03	Quy định về công tác học sinh của Trường ban hành kèm theo Quyết định số 102/QĐ-KTCNHV-HSSV ngày 14/8/2020
279	6	2	6.2.08		các Quyết định kèm danh sách về công nhận và tuyên dương học sinh đạt thành tích cao trong học tập, rèn luyện học kỳ I, học kỳ II năm học 2020-2021, 2021-2022
280	6	2	6.2.09		Hồ sơ đề nghị tuyên dương học sinh xuất sắc, tiêu biểu năm 2021, 2022
281	6	2	6.2.10		Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về khen thưởng học sinh đạt giải khuyến khích vòng chung kết quốc gia cuộc thi vô địch tin học văn phòng MOSWC (số 189/QĐ-KTCNHV ngày 06/11/2020)
282	6	2	6.2.11		Quyết định kèm danh sách nhận giải thưởng Hội thi của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc công nhận kết quả và khen thưởng các Dự án trong Hội thi khoa học, kỹ thuật và sáng tạo đồ dùng, thiết bị dạy học chào mừng kỷ niệm 35 năm ngày thành lập Trường (số 195/QĐ-KTCNHV-ĐT ngày 18/11/2020)
283	6	2	6.2.12		các Báo cáo của BCH Đoàn Trường TCN KTCN Hùng Vương về tổng kết công tác Đoàn và phong trào thanh niên Trường năm học 2020-2021, 2021-2022
284	6	2	6.2.13		các Danh sách học sinh được khen thưởng trong các hội thi do Đoàn Thanh niên Trường tổ chức

TT	Tiêu chí (TC)	Tiêu chuẩn (TCn)	Mã minh chứng (Mã MC)	MC sử dụng chung cho các TC, TCn	Tên minh chứng
					năm học 2020-2021, 2021-2022
285	6	2		6.1.02	Tài liệu sinh hoạt đầu khóa năm học 2020-2021, năm học 2021-2022, năm học 2022-2023;
286	6	2		6.1.05	Bản thống kê các chính sách, chế độ hỗ trợ người học đang áp dụng năm học 2020-2021, 2021-2022;
287	6	2	6.2.14		Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về việc thành lập Phòng Công tác học sinh - sinh viên
288	6	2	6.2.15		Quyết định của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương về phân công công tác giáo viên chủ nhiệm năm học 2019-2020, năm học 2020-2021
289	6	2		1.2.03	Báo cáo tổng kết công tác các năm 2020, 2021, 9 tháng đầu năm 2022 của Trường;
290	6	2	6.2.16		các Bản tổng hợp ý kiến của học sinh về chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích, hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại Trường năm 2020, năm 2021
291	6	2	6.2.17		các Bản tổng hợp ý kiến của học sinh tốt nghiệp đã đi làm về chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích, hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại Trường năm 2020, năm 2021
292	6	2	6.2.18		các Báo cáo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về kết quả thu thập ý kiến học sinh, học sinh tốt nghiệp đã đi làm về chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích, hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại Trường năm 2021, 2022
293	6	2	6.3.01		các Kế hoạch của Phòng Đào tạo Trường TCN KTCN Hùng Vương về tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp năm 2020, năm 2021, năm 2022
294	6	3	6.3.02		các Bảng tổng hợp thông tin tuyển dụng của các doanh nghiệp trong các năm 2020, 2021, 9 tháng đầu năm 2022
295	6	3	6.3.03		Các thông báo về thông tin tuyển dụng lao động của các công ty, doanh nghiệp cho HS của Trường và hình chụp tin được đăng tải trên trang web của trường https://vieclamhungvuong.talentnetwork.vn/ năm 2020, 2021, 9 tháng đầu năm 2022
296	6	3	6.3.04		các Danh sách cán bộ, nhân viên, giáo viên thực hiện công tác tư vấn, giới thiệu việc làm cho học sinh năm 2020, 2021, 9 tháng đầu năm 2022
297	6	3	6.3.05		các Danh sách học sinh đã tốt nghiệp năm 2020, 2021, 2022 đăng ký tìm việc làm;

TT	Tiêu chí (TC)	Tiêu chuẩn (TCn)	Mã minh chứng (Mã MC)	MC sử dụng chung cho các TC, TCn	Tên minh chứng
298	6	3	6.3.06		các Danh sách học sinh đã tốt nghiệp được giới thiệu việc làm năm 2020, 2021, 2022;
299	6	3	6.3.07		các Báo cáo của Phòng Đào tạo về kết quả công tác tư vấn, giới thiệu việc làm năm 2020, 2021, 9 tháng đầu năm 2021
300	6	3	6.3.08		Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về tổ chức hội chợ việc làm năm học 2020-2021, 2021-2022; Kế hoạch của Phòng Đào tạo về tổ chức hoạt động “Tham quan nhà máy Ajinomoto từ xa”
301	6	3	6.3.09		Danh sách các nhà tuyển dụng tham gia tổ chức hội chợ việc làm năm học 2020-2021, 2021-2022
302	6	3	6.3.10		các Báo cáo của Trường TCN KTCN Hùng Vương về kết quả tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng năm học 2020-2021, 2021-2022
303	6	3	6.3.11		các Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về khảo sát ý kiến của học sinh tốt nghiệp năm 2020-2021, 2021-2022
304	6	3	6.3.12		các Phiếu thu thập ý kiến của học sinh tốt nghiệp về thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp năm 2020-2021, 2021-2022
305	6	3	6.3.13		các Bản tổng hợp ý kiến của học sinh tốt nghiệp về thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp năm học 2020-2021, 2021-2022
306	6	3	6.4.01		các Kế hoạch của BCH Đoàn Trường TCN KTCN Hùng Vương về công tác năm học 2020-2021, 2021-2022
307	6	4	6.4.02		các Kế hoạch của BCH Đoàn Trường TCN KTCN Hùng Vương năm học 2020-2021, 2021-2022 về hoạt động chào mừng ngày Giỗ Tổ Hùng Vương, ngày thành lập Đoàn TNCSHCM, Chào mừng ngày Giải phóng miền Nam 30/4, Quốc tế Lao động 01/5, Chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11
308	6	4		6.2.12	các Báo cáo của BCH Đoàn Trường TCN KTCN Hùng Vương về tổng kết công tác Đoàn và phong trào thanh niên Trường năm học 2020-2021, 2021-2022
309	6	4	6.4.03		Hồ sơ học sinh tham gia các hoạt động thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ các năm học 2020-2021, 2021-2022
310	6	4		5.1.01	Sơ đồ mặt bằng kiến trúc Trường TCN KTCN Hùng Vương; 5.1.02 - Bảng số liệu diện tích các khu

TT	Tiêu chí (TC)	Tiêu chuẩn (TCn)	Mã minh chứng (Mã MC)	MC sử dụng chung cho các TC, TCn	Tên minh chứng
					của Trường
311	6	4	6.4.04		Hồ sơ học sinh tham gia các hoạt động xã hội năm học 2020-2021, 2021-2022
312	6	4		6.2.13	các Danh sách học sinh được khen thưởng trong các hội thi do Đoàn Thanh niên Trường tổ chức năm học 2020-2021, 2021-2022
313	6	4	6.4.05		các Bảng tổng hợp ý kiến của người học, người học tốt nghiệp đã đi làm về được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội năm học 2020-2021, 2021-2022
314	6	4		6.1.08	các Báo cáo của phòng Công tác HSSV về kết quả thu thập ý kiến người học 2020-2021, 2021-2022; các Báo cáo của phòng KT&ĐBCL về kết quả thu thập ý kiến giáo viên, cán bộ quản lý năm học 2020-2021, 2021-2022
315	6	4	7.1.01		các Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về thu thập ý kiến doanh nghiệp có người tốt nghiệp làm việc tại doanh nghiệp năm 2020, 2021, 2022
316	7	1	7.1.02		các Danh sách doanh nghiệp được thu thập ý kiến năm 2020, 2021, 2022
317	7	1	7.1.03		Báo cáo kết quả khảo sát doanh nghiệp từ năm 2020, 2021, 2022;
318	7	1	7.1.04		Bảng thống kê ý kiến khảo sát doanh nghiệp từ năm 2020, 2021, 2022
319				2.5.08	Quyết định công nhận tốt nghiệp các năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, kèm danh sách học sinh tốt nghiệp nghề Cắt gọt kim loại
320	7	2	7.2.01		Kế hoạch điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp các năm học 2020-2021, 2021-2022
321	7	2	7.2.02		Phiếu khảo sát điều tra lần vết đối với người học đã tốt nghiệp các năm học 2020-2021, 2021-2022
322	7	2	7.2.03		Bảng tổng hợp thông tin việc làm đối với người học đã tốt nghiệp các năm học 2020-2021, 2021-2022
323	7	2	7.2.04		Báo cáo kết quả điều tra lần vết các năm học 2020-2021, 2021-2022
324	7	2	7.3.01		các Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về khảo sát ý kiến cán bộ, giáo viên, nhân viên năm học 2020 -2021, 2021-2022
325	7	3	7.3.02		Danh sách cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên năm học 2020-2021, 2021-2022
326	7	3	7.3.03		Danh sách cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được thu thập ý kiến năm học 2020-2021, 2021-2022

TT	Tiêu chí (TC)	Tiêu chuẩn (TCn)	Mã minh chứng (Mã MC)	MC sử dụng chung cho các TC, TCn	Tên minh chứng
327	7	3	7.3.04		Phiếu thu thập ý kiến cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên năm học 2020 -2021, 2021-2022
328	7	3	7.3.05		Bản tổng hợp kết quả khảo sát ý kiến cán bộ quản lý năm học 2020 -2021, 2021-2022
329	7	3		2.2.09	Bảng tổng hợp kết quả khảo sát ý kiến giáo viên các năm học 2020-2021, 2021-2022
330	7	3	7.3.06		Bản tổng hợp kết quả khảo sát ý kiến nhân viên năm học 2020 -2021, 2021-2022
331	7	3	7.3.07		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên các năm học 2020 -2021, 2021-2022
332	7	3	7.3.08		các Biên bản Hội nghị cán bộ, giáo viên, nhân viên hàng năm 2021, 2022
333	7	3	7.4.01		Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về thu thập ý kiến người học năm học 2020 – 2021, 2021-2022
334	7	4	7.4.02		các Danh sách học sinh thực học hệ trung cấp năm học 2020-2021, 2021-2022
335	7	4	7.4.03		các Danh sách người học hệ trung cấp được thu thập ý kiến năm học 2020-2021, 2021-2022
336	7	4	7.4.04		các Phiếu thu thập ý kiến người học hệ trung cấp năm học 2020-2021, 2021-2022
337	7	4		2.2.10	Bảng tổng hợp kết quả khảo sát ý kiến người học các năm học 2020-2021, 2021-2022
338	7	4	7.4.05		các Báo cáo của phòng Công tác HSSV về kết quả thu thập ý kiến người học năm học 2020-2021, 2021-2022
339	7	4	7.5.01		Kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp năm 2020, 2021, 2022
340	7	5	7.5.02		Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp năm 2020, 2021, 2022
341	7	5	7.5.03		Hồ sơ về công tác tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Cắt gọt kim loại trình độ trung cấp năm 2020, 2021, 2022
342	7	5	7.5.04		Báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề cắt gọt kim loại trình độ trung cấp năm 2020, 2021
343	7	5	7.5.05		các Biên bản họp về công bố công khai báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng Trường, tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2019, năm 2020; hình ảnh công khai Báo cáo Tự đánh giá chất lượng trên website Trường
344	7	6	7.6.01		Mục tiêu chất lượng của Trường năm học 2020-2021, 2021-2022

TT	Tiêu chí (TC)	Tiêu chuẩn (TCn)	Mã minh chứng (Mã MC)	MC sử dụng chung cho các TC, TCn	Tên minh chứng
345	7	6	7.6.02		Danh sách các biện pháp cải thiện, nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo của Trường năm 2021, 2022
346	7	6	7.6.03		Kế hoạch thực hiện Mục tiêu chất lượng của Trường năm học 2020-2021, 2021-2022
347	7	6	7.6.04		Mục tiêu chất lượng và Kế hoạch thực hiện Mục tiêu chất lượng của các đơn vị năm học 2020-2021, 2021-2022
348	7	6	7.6.05		Báo cáo kết quả thực hiện Mục tiêu chất lượng của các đơn vị và của Trường năm học 2020-2021, 2021-2022
349	7	6		7.5.04	Báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề cắt gọt kim loại trình độ trung cấp năm 2020, 2021
350	7	6		1.6.35	Báo cáo tổng kết công tác các năm 2020, 2021, 9 tháng đầu năm 2022 của Trường
351	7	7		2.5.08	Quyết định công nhận tốt nghiệp các năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, kèm danh sách học sinh tốt nghiệp nghề Cắt gọt kim loại
352	7	7		7.2.01	Kế hoạch điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp các năm học 2020-2021, 2021-2022
353	7	7		7.2.02	Phiếu khảo sát điều tra lần vết đối với người học đã tốt nghiệp các năm học 2020-2021, 2021-2022
354	7	7		7.2.03	Bảng tổng hợp thông tin việc làm đối với người học đã tốt nghiệp các năm học 2020-2021, 2021-2022
355	7	7		7.2.04	Báo cáo kết quả điều tra lần vết các năm học 2020-2021, 2021-2022
356	7	8		7.1.01	các Kế hoạch của Trường TCN KTCN Hùng Vương về thu thập ý kiến doanh nghiệp có người tốt nghiệp làm việc tại doanh nghiệp năm 2020, 2021, 2022
357	7	8		7.1.02	các Danh sách doanh nghiệp được thu thập ý kiến năm 2020, 2021, 2022
358	7	8		7.1.03	Báo cáo kết quả khảo sát doanh nghiệp từ năm 2020, 2021, 2022;
359	7	8		7.1.04	Bảng thống kê ý kiến khảo sát doanh nghiệp từ năm 2020, 2021, 2022